DigiVNCulture - Phùng Cung Sưu Tập Sưu Kỷ (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đẳng chủ, Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

NĂM THỨ BA, SỐ 42 — 15 Avril 1923

Hữu-Thanh

CƠ-QUAN CỦA HỘI BẮC-KỲ CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP

Tùng-thư của hội Ích-Hữu Thư-Xã

Sáng-lập : NGUYỄN-HUY-HỢI

Chủ-nhiệm : NGHIÊM-VỊNH

DEPOT LEGAL INDOCHINE Nº 1055

YẾU-MỤC

SỰ CHƠI HỘI Ở TRONG XÃ-HỘI TA NGÀY NAY 495

MỘT BÚC THƯ 499

NGHIÊN-CỨU VỀ TÍNH-CHẤT NGƯỜI NHẬT-BẢN 502

THẦN-KINH THẮNG-CẢNH 511

BÀI DIỄN-VĂN VỀ PASTEUR TIÊN-SINH. 516

HỎA-LẦN Ở ĐÂU MÀ RA 519

VĂN-THƠ 521

CON MẮT TINH ĐỜI 525

GÁI PHỤC THÙ CHA 534

CẬU BÉ BÁN NHẬT-TRÌNH 542

THỜI-ĐÀM 544

CÔNG-VIỆC HỘI CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP 546

Mỗi tháng xuất bản hai kỳ : mồng một và rằm

DIRECTION — RÉDACTION
ADMINISTRATION

63, Rue du Coton, HANOI

IMPRIMERIE PAPETERIE

Téléphone nº 346

1923

Mỗi số 0p.25

HỮU-THANH TẠP-CHÍ

Luân-Lý. — Học-Thuật. — Thực-Nghiệp. — Kinh-Tế. — Văn-Nghệ

Organe de l'Association Amicale des Employés Indigènes de Commerce et d'Industrie du Tonkin

Édition de la Société «Ích-Hữu-thư-xã»

ÂN-NHÂN CỦA « HỮU-THANH »

MM. Phạm-Văn-Thụ . . . . . *Thượng-thư bộ Hộ*
Vũ-Ngọc-Hoánh . . . . . *Tuần-phủ Thượng-thẩm-viện*
Trần-Mỹ . . . . . *Tuần-phủ Thái-bình*
Nguyễn-Tất-Tế . . . . . *Thương-tá Hà-đông*

Chủ-nghĩa và mục-đích « Hữu-Thanh »

Hữu-Thanh tạp-chí *này, lấy « Hữu-ái » làm chủ-nghĩa, mục-đích để cổ-động cái tinh-thần tương-ái trong đồng-bào mong người trong nước cùng yêu mến nhau như ruột thịt, để nương-tựa nước Pháp lên đường văn-minh.*

Biên-tập đủ các môn luân-lý, học-thuật, văn-nghệ, thực-nghiệp, kinh-tế để giúp quốc-dân về mọi đường phổ-thông tri-thức. Phàm biên-tập cốt lấy thông-thường làm trọng.

Giá tạp-chí « Hữu-Thanh »

Sáu tháng... 2 p. 50 Một năm... 5 p. 00 Ngoại-quốc mỗi năm... 6 p. 00

Mua tạp-chí « Hữu-Thanh » xin giả tiền trước

Tòa tạp-chí « Hữu-Thanh » ở số 58 Phố Hàng Bông **(58 Rue du Coton)** *Hanoi*



AU BONHEUR DES TONKINOIS

HAI-CHINH

53, 74 et 76 rue du Pont-en-Bois

HANOI



Nhà chế-tạo ra các kiểu mũ và các thức khăn sếp sẵn, xuất-hiện đã 10 năm nay được nhiều cái quang-cảnh hân-hạnh như sau này :

Hoàng-Thượng ban kim-tiền.

Nhà-nước thưởng médaille chương-mỹ bội-tinh.

Hội Ái-Mỹ tặng những bằng khen ngoại hạng (Hors concours).

Nghề làm mũ và khăn của bản-hiệu cũng suy xét được nhiều, dùng toàn thợ khéo làm rất kỹ lưỡng mà hợp-thời-trang ; giá bán phải chăng, qui-khách mua buôn hay mua lẻ xin cứ gửi thơ cho bản-hiệu và gửi cho một phần tiền đặt trước ; tiếp được thơ xin gửi ngay theo cách lĩnh-hóa giao-ngân đi tỉnh nào cũng được.

Nay kính : **HAI-CHINH**

TA NÊN DÙNG ĐỒ NỘI-HÓA

Hiệu CHÂN-THỤY *ở số 4 Phố Mới Hanoi (4 Rue Jean Dupuis Hanoi) có bán đủ các thứ màn chẳng, màn gọng, màn cưới, đủ các mùi. Cũng ở phố ấy số 13 và đường Bờ sông số 6 (6 Quai Clémenceau Hanoi) hiệu ấy lại chuyên cả nghề làm chiếu bằng các thứ cói se nữa. Đồ nội-hóa chế ra theo lối kim-thời đã rất khéo, rất đẹp, lại rất tốt, rất bền, ta nên dùng.*

Các ngài ở xa có lòng chiếu-cố đến xin viết thư cho bản-hiệu hay là cho ông ĐÀO-THAO-CẢNH *Tổng-thư-ký tòa tạp-chí* HỮU-THANH *ở số 58 phố hàng Bông Hanoi (58 Rue du Coton Hanoi) cũng được.*

CHÂN-THỤY cẩn-bạch.

南 NAM-THÁI 泰

益相濟商局

SOCIÉTÉ COMMERCIALE TONKINOISE

SUCRERIE — PATISSERIE — CONFITURERIE

Hộn đường, Nấu mứt, Làm bánh

DIPLÔME DE MÉRITE A LA FOIRE DE HANOI 1920

TONKIN — 77, Rue Maréchal Foch, 77 — NAM-DINH

(Số nhà 77, Phố hàng Trống)

Các bạn đồng-nghiệp ở Nam-kỳ gửi các thứ đường ra bán nhiều lắm

Bán buôn và bán lẻ

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

THUỐC CHỮA BỆNH RẤT HAY!!!

Chắc các ngài xem báo Nam-kỳ từng biết tiếng bản-đường có các thứ thuốc trị các bệnh rất hay :

ÍCH-NGƯƠN-ĐƯỜNG LÃO-DƯỢC-PHÒNG

Chủ-nhân : **A-ANH**.

ở đường Chợ-cũ số 55, Place Gambetta. — Saigon (Nam-kỳ)

Bản đường từ khai-sáng đến nay đã ngoài 50 năm rồi, chuyên việc bào-chế các thứ thuốc Cao-Đơn Hoàn tán Dược-Dẫn, Dược-Thủy *đều chọn ròng thuốc thượng-phẩm và có dùng cái nhãn « Mẫu-Đơn-Phượng » làm ký hiệu, và có cầu chứng nơi tòa Saigon : cũng có bán đủ các thứ thuốc hạng như* Sâm, Nhung, Ngọc, Quế, *vân vân, hoặc vị nào có đơn thuốc thầy lang đem đến mà bốc thuốc thang hoặc muốn làm thuốc tễ vân vân đều được cả, lại có chữa đủ các thứ thuốc thần-hiệu của các danh-y bên* Trung-quốc. *Thuốc của Bản-đường có gởi bán cùng Lục-châu. Những thuốc bán tại Bản-đường đều là thuốc ở bên* Trung-quốc *mỗi kỳ tàu gửi qua, buôn bán dữ mực công bằng khắp nơi trong Lục-châu đều biết. Như quí-vị nào ở xa* châu-thành *mà muốn hỏi thăm điều chi về việc thuốc men hoặc muốn mua thuốc của Bản-đường xin chịu khó mà viết thơ gởi đến Bản-đường. Bản-đường sẵn lòng hồi-đáp lập-tức, nếu tiếp thư mua thuốc thì Bản-đường sẽ gởi* Contre-remboursement.



Phụ hoa khôn phụng hoàn (số 5)

(Thuốc điều kinh chưởng từ rất hay)

Phàm người đàn bà đường kinh-nguyệt có chừng thì được mạnh giỏi hằng ngày, đến gặp cơn xanh để mà được mạnh giỏi cũng bởi nhờ nơi thân thể dung hòa khí-huyết sung túc mà ra. Song ai cũng mong mỏi điều mạnh giỏi việc kinh-nguyệt cho đúng kỳ và cơn sanh để đặng bình an mọi sự, mà chẳng hay tìm phương giữ mình, tìm thuốc hay dùng ngăn-ngừa trước cho khỏi đều hậu hoạn về sau, vì như cây cỏ mà đặng tốt-tươi nhờ bởi khí âm dương hòa hưởn, còn người mà đặng mạnh-mẽ là nhờ khí-huyết đều hòa, nên mọi người lo phòng trước lúc chưa bệnh, hay hơn là để gặp bệnh mới lo tìm thuốc hay : Xét cho kỷ người sinh thường hay có bệnh không chừng. Đây tóm một đều đại-khái của đờn bà khi kinh-nguyệt và cơn sinh-đẻ là đều rất quan-hệ mà nói, còn kỳ-dư biết bao nhiêu chứng bệnh hay xảy đến thình-lình kể sao cho xiết. Nên Bổn-đường có chế phương thuốc Khôn-Phụng này thiệt là một phương thuốc thượng-hạng thuốc đã hay lại hiệp sức diệu dược và bào-chế kỷ cang, bao sắp làm hoàn-tánh được mỗi mỗi đều trùng theo cách điều kinh chưởng-tử rất nên thần hiệu, thiên-hạ khắp dùng đã lâu, rỏ là một phương thánh-dược trên đời, nếu người đương mạnh mà thường dùng thuốc này thì chắc mạnh giỏi luôn luôn không hay đau vặt, còn đờn bà có chồng thì mau sanh con, chí như đã có thai lại thêm bồi-bổ cho an-thai và giúp sức mạnh-me đen cơn sanh đe, chang vậy mà thôi, dầu con gái mới lớn lên dùng thuốc này cũng hữu-hạnh lắm là thêm điều-hòa đường kinh, bồi bổ khí-huyết da thịt mịnh màng, thanh tươi nhan-sắc, thân-thể phương-phi, diệt trừ bá bệnh. Thiệt là một phương thuốc vệ sanh của đờn bà.

Trị những chứng

1 Đàn-bà khí huyết kém suy, đường kinh không tốt chậm con.
2 Đường kinh hư, hoặc khi nhiều khi ít trồi sụt không chừng
Bởi đường kinh không tốt biến ra chứng đau bụng.
4 Đường kinh bế, nghịch, hàn ói máu.
5 Đường kinh xấu huyết dợt dạt hoặc đỏ bầm.
6 Huyết bạch, huyết băng, thân thể ốm o, tinh thần giã dược.
7 Hoặc lo-lắng nhiều, mệt nhọc chân tàn bãi hoãi.
8 Nghẹn, tức, đau lưng mỏi gối ăn không tiêu, nhức đầu, bụng dạ bàn hoàn, mặt mày xấy xám.
9 Thai bệnh, máy động chẳng êm thân-thể mỏi tê, tức chi phát thũng.
10 Lúc sinh đẻ huyết dư còn lại, hoặc giau (thai y) ra không hết mà sinh bệnh.

Các chứng nói trên đây dùng đến thuốc Khôn Phụng này tức thì lành đã,

Mỗi một viên giá . . . . 0 p. 40
Nguyên một hộp bốn viên giá. 1 50

Hôm trước tôi mua 5 hộp thuốc «phu-khoa khôn phụng-hoàn » cho vợ tôi dùng thiệt là mầu-nhiệm, vợ tôi năm nay đã 43 tuổi sinh đặng mười mấy đứa con, bởi thai nghen nhiều chứng bệnh huyết khi suy kém, xây xam mặt mày, thân-thể bần-thần, nóng lạnh nhức đầu, mỏi gối đau lưng, ăn uống không ngon, đêm ngủ không an. Nay nhờ thuốc mầu-nhiệm của ông, vợ tôi dùng hết 5 hộp thì tiêu hết bệnh như tôi đã nói trên đây mà lại khỏe hơn hồi trước thập bội, mạnh-mẽ hơn xưa, thiệt là thuốc của ông rất nên thần-hiệu ; nên tôi chẳng nài quê kịch mà tạm đôi lời tỏ lòng cảm ơn với ông và rất khen ngợi ông khéo lựa thuốc hay mà luyện chế thuốc « phụ-khôn phụng-hoàn » chẳng có thuốc nào bì kịp. Luôn dịp xin ông chịu khó gởi cho tôi mua 15 hộp phụ-khoa khôn phụng-hoàn và 10 hộp kim-y-song- bổ-hoàn gởi contre-remboursement, rất cám ơn.

PHẠM-VĂN-DƯƠNG
Propriétaire à Phước-Thành Bacliêu

Tinh chế huê liêu hoàn *(Số 4)*

(Thuốc tiêu các giống độc)

Hằng tưởng hễ quá vui thì sinh buồn, nên người hay ham vui xảy bệnh chứng sang độc là một chứng rất hiểm-nghèo thì hoặc nhơn nhiệt độc mà sinh, nhiều khi dùng không đúng thuốc, đau đi đau lại mãi mãi, vui một chốc mà chịu nhọc cả đời, khó cho tuyệt chứng sang-độc ấy, muốn cho tuyệt độc phải trừ căn, vì như đốn cây phải dức gốc nên bổn-đường chế phương thuốc tiêu độc này, chẳng luận lâu mau, hoặc mới phát, cả mình mọc mụn hoặc nơi dương-vật mọc mụn, dái gắt xương gối mỏi-mê, châu-thân bãi hoải, lột da chon, các chứng về sang độc, đến thuốc này tức thì hết lại trừ tuyệt nọc độc, khỏi đau đi đau lại nữa, và sức lực trở nên mạnh-mẽ như thường, thực là thần-hiệu hơn các thứ thuốc khác, lại dùng thuốc này sau khỏi lo bề tuyệt-tự, (thuốc này kỵ thai).

Giá bán mỗi lọ 0p.80

Monsieur Ngô-quang-Sanh
CLERC D'HUSSIER A SADEC
à Monsieur **A-ANH**
Ích-Ngươn-Đường Saigon

Lời cho ông rỏ : Tôi lấy làm khen thứ thuốc «Tinh-Chế Huê-Liễu-Hoàn của tiệm ông bào-chế, thiệt là thuốc rất hay. Tôi đã uống thuốc Tây thuốc Nam nhiều thứ mà không thấy hiệu nghiệm chút nào, chừng uống thuốc của ông vô thì bệnh thuyên-giảm rất lạ. Tôi cầu chúc cho mọi người nếu nhầm bệnh như vậy mà gặp thứ thuốc nầy đặng thiệt là rất có phúc. Nay tôi gửi theo đây một cái mandat 3 p. 20 và xin ông gởi lại lập-tức cho tôi bốn ve thứ thuốc đó đặng tôi uống tiếp theo. Tôi cầu chúc cho qui-đường đặng bền vững lâu dài, thạnh-vượng luôn luôn.

NGÔ-QUANG-SANH

N. B. Tôi xin hỏi ông, như bệnh đã mạnh rồi muốn uống thuốc bổ lại, có thứ thuốc bổ chi hay, ông chỉ giùm cho tôi mua uống. Thứ thuốc bổ nào về bệnh đó cho thiệt hay, đắt bao nhiêu cũng không sao, miễn là thuốc thiệt hay thì thôi, ông nói cho tôi biết hoặc thuốc nước, thuốc hoàn hay là thuốc rượu cũng đặng.

NG. O. S.

ĐÔNG-PHÁP YÊN-THẢO CÔNG-TY

SOCIÉTÉ DES TABACS DE L'INDOCHINE

SOCIÉTÉ ANONYME AU CAPITAL DE 6.000.000 FRANCS

Administration et Manufacture à Hanoi

Sản xuất những thứ THUỐC-LÁ như sau này :

(PRODUITS RECOMMANDÉS)

Thuốc thái (Tabacs)	**Coq et Scaferlatl**
Thuốc cuốn (Cigarettes)	**Coq, Alliés. Métropole, Favorites. Dragon d'or, Midinettes**
Thuốc Si-gà (Cigares) :	**Mandarin, Bouquet.**

DEMANDEZ LE PRIX-COURANT

Annam : nên hút thuốc lá « hiệu con gà vì giòng giọt tại xứ ta, vừa ngon vừa rẻ. Ai ôi nên hút thuốc lá hiệu con gà ».

NGUYỄN-HUY-HỢI Công-ty

HANOI — số 73, Phố-Mới, số 73 — HANOI

HỮU-HẠN TẬP-CỔ CÔNG-TY

Vốn 42.500 p. 00

Đóng, chữa, sơn lại, các thứ xe tay, xe ngựa.

Xe nhà cao-su kiểu mới, thực đẹp, thực nhã ; các qui-khách muốn đặt kiểu nào cũng được.

Có nhiều kiểu xe đã bầy tại Hội-chợ mới rồi và có nhiều xe chạy trong thành-phố Hà-nội,

Giá tinh phải chăng. Làm cẩn-thận và thật mau.

Các ngài ở nơi xa muốn đóng xe, bản hiệu xin đóng cẩn-thận mà gửi đi.

Đã có nhiều ngài trong Nam-kỳ nhận được xe của bản-hiệu đóng gửi thơ ra ban khen bản-hiệu.

Xin các qui-khách chiếu cố, bản-hiệu hết lòng hoan-nghênh.

NGUYỄN-HUY-HỢI Công-ty

廣東二天堂大葯房

NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG

PHỤ-KHOA KIM-PHỤNG-HUỜN

Tiệm lớn tại Quảng-Đông tỉnh-thành. Một tiệm tại Nam-kỳ ở tại đường Canton số 38, Cholon

Extrait du Certificat délivré par l'Institut Pasteur de Saigon le 15 Octobre 1921 :

Ces préparations peuvent être considérées, toutes, comme des préparations ou substances de la Pharmacopée chinoise. Elles paraissent ne présenter aucun danger, à condition de se conformer, pour leur emploi interne ou externe, aux indications des notices ou des étiquettes. Enfin, elles sont en très bon état de conservation.

Sao lục tờ vi-bằng Institut Pasteur, Saigon ngày 15 Octobre 1921 chứng rằng :

Các thứ thuốc của tiệm tôi nói trên đây đều làm bằng mấy vị thuốc bên Trung-huê. Thuốc của tiệm tôi không có món chi làm hại hết, miễn là trong khi dùng hoặc uống hoặc thoa, thì phải cứ coi theo các lời dặn hay là coi theo nhãn. Nói tắt một điều là thuốc của tiệm tôi để lâu chẳng hư.

Phàm đàn-bà khác hơn đờn-ông thì chỉ có hai điều : 1° đường kinh, 2° sanh đẻ mà thôi. Nếu hễ muốn sanh con thì trước hết phải lo cho đường-kinh đều đặng. Nếu đường-kinh chẳng đều thì khó mà có thai cho đặng, ấy là phần nhiều, gốc bởi ngoại-cảm, lục-dâm, hoặc tại ho, rầu, buồn-bực, ưu-huất trong lòng, làm cho khí-huyết hao-mòn, sanh nhiều chứng bịnh, đều cũng do nơi đường-kinh không đều mà ra.

Tiệm tôi đây, từ ngày đặng phương thuốc mầu-nhiệm của ông Tổ truyền lại đến nay, hằng gìn lòng giúp cho đời, lựa những thuốc tốt, gia công chế ra mà làm hườn, để trị cho các chứng-bịnh đờn-bà đều dùng đặng hết.

Còn như bình thời mà thường uống thuốc này, thì khí-huyết đầy đủ, chẳng hề sanh bịnh, mà rồi sanh con đẻ cháu cùng nhiều, chí như đờn-bà có thai mà uống thuốc này, thì lại đặng an thai bảo sản, chừng sanh con lại đặng mạnh mẽ nữa, ấy là một phương thuốc rất hay, để trị các chứng-bịnh đờn-bà hiệu-nghiệm như thần đó.

Chủ-trị các chứng kể ra sau này :

1° Đường-kinh hoặc trồi, hoặc sục, hoặc ít, hoặc nhiều ; 2. Bạch-đái, Bạch-đàm, ra hoài không dứt ; 3. Đường-kinh hoặc vàng dợt, hoặc đen bầm ; 4. Khí-huyết đều hư, đường-kinh không có ; 5. Hoặc đường-kinh ra nhiều quá, như muốn làm băng ; 6. Đường-kinh đi nghịch, sanh ra thổ huyết, trong bụng thì đau : 7. Thân-thể chẳng yên, xây-xẩm mặt mày, ăn uống không tiêu : 8. Đau lưng, mỏi cẳng, vàng mét, ốm gầy ; 9. Thai động chẳng yên, trong bụng đau hoài ; Đẻ rồi ứ huyết mà đau, hoặc lá-nhao không ra.

Cách dùng : Mỗi ngày phải uống 1 hườn, uống với nước trà Tầu. Còn đờn-bà để thì phải dùng nước đái con nít mà uống với thuốc.

Cử ăn : Những đồ sống-sít, lạnh-lẽ, cùng là đồ rang-nướng, nóng-nẩy, độc-địa chẳng nên dùng.

Mỗi hộp 2 hườn giá là . . . 1p.00

Xin các vị có mua thì phải nhìn cho kỹ cái hiệu NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG có hình ÔNG PHẬT, kẻo lầm đồ giả.

Như chư-vị ở đàng xa xuôi mà muốn dùng thuốc chi xin viết thơ gởi cho tiệm tôi rõ, thì tôi sẽ gởi thuốc lập tức, mà gởi contre-remboursement, nghĩa là đem tiền lại nhà thơ mà lĩnh thuốc. Còn để bao thơ như vầy ;

NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG

Pharmacie Asiatique

Rue de Canton, n° 38 **CHOLON**

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

MEUBLES ET CARPETTES EN JONC RETORS

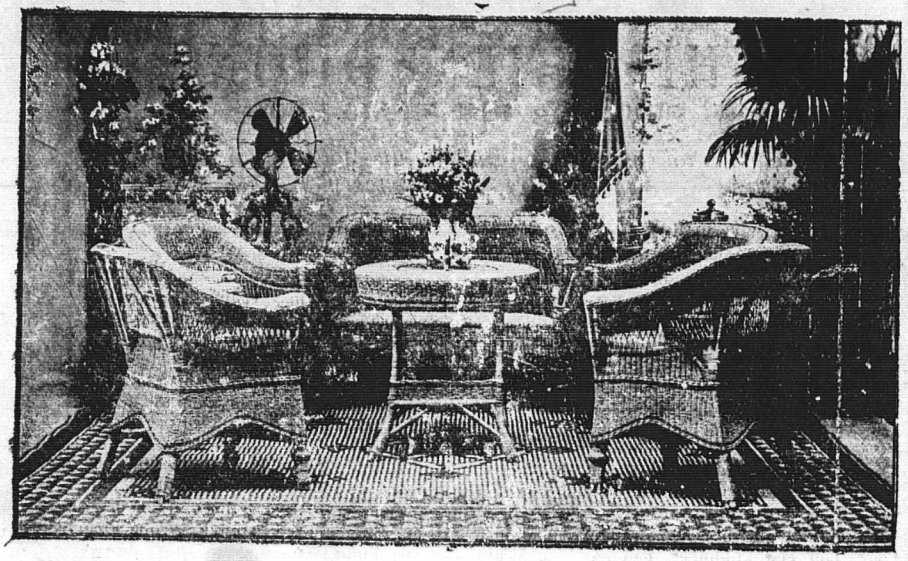

CHÂNTHỤY, 6, Quai Clémenceau, Hanoi

COMPAGNIE DE COMMERCE ET DE NAVIGATION D'EXTRÊME-ORIENT

ALLATINI & Cie

36, rue Harmand, HAIPHONG

1° Bán gia đóng giầy
của các nhà thuộc-gia đã có danh-tiếng bên nước Pháp tại tỉnh STRASBOURG.

Gia boxcalf, gia chevreau, gia vachette vernie, gia dế, gia cổ giầy (giầy mỏng đủ các hạng và các mùi).

Sắp sang gia dế cả cuộn, kiểu giầy, đinh đồng, và chỉ khâu giầy. Lại bán cả các thứ gia cần dùng, như gia làm cương ngựa, yên ngựa, làm đồ gỗ và các giầy chạy máy.

2° Bán rầu máy, hiệu TEXAS OII ở CITY.

Thứ Summer Black : bán lẻ p. **0.30**, *bán cả thùng p.* **0.275** *một cân.*

3° Đồ dùng về ngày tết Annam.

Rượu mùi, rượu mạnh và các thứ khác.
Kẹo và mứt mới ở bên tây sang đủ các thứ.

AI CẦN DÙNG MUA XIN HỎI TẠI :
Haiphong : số nhà 36 phố Harmand, và Hanoi số 33 phố Đồng-Khánh.

HÃNG TÀU CHẠY SÔNG Ở BẮC-KỲ
F. SAUVAGE, Armateur

SERVICE SUBVENTIONNÉ

Nhà giấy : — Số 138, Phố Bờ Sông — Hanoi.
GIỜ TÀU CHẠY

ĐƯỜNG HANOI — TUYÊN-QUANG		ĐƯỜNG HANOI — CHỢ-BỜ		ĐƯỜNG TUYÊN-QUANG — CHIÊM-HÓA	
Lúc đi và lúc về đỗ ở : Sơn-tây, Viétri, Thum, Phan-lương, Lemy, Kim-xuyên, Phú-doan, Đa,		Lúc đi và lúc về đỗ ở : Sơn-tây, Viétri, Trung-hà, Laphú, Tu-vu, Đạc-bong, Hóa-bình.		Lúc đi và Lúc về đỗ ở : Song-Gam, Ngòi-cham, Phố-Trinh	
ở Hanoi lúc đi	Đến Tuyên-quang	ở Hanoi lúc đi	Đến Chợ-bờ	Tuyên-Quang lúc đi	Đến Chiêm-hóa
Lúc đi		*Lúc đi*		*Lúc đi*	
Thứ hai Thứ tư Thứ sáu Hồi 10 giờ sáng	Thứ ba Thứ năm Thứ bảy Hồi 6 giờ sáng	Thứ ba Thứ bảy (Từ tháng giêng đến tháng 5 tây thôi) Hồi 10 giờ sáng	Thứ tư Chủ nhật (Từ tháng giêng đến tháng 5 tây thôi) Hồi 6 giờ chiều	Thứ tư và Chủ-nhật Hồi 7 giờ sáng	Cùng trong một ngày Hồi 3 giờ chiều
ở Tuyên-quang Lúc đi	Đến Hà-nội	ở Chợ-bờ Lúc đi	Đến Hanoi	*Lúc về*	
Lúc về		*Lúc về*		Thứ ba và Thứ năm Hồi 6 giờ sáng	Cùng trong một ngày Hồi 9 giờ sáng
Thứ hai Thứ tư Thứ sáu Hồi 7 giờ sáng	Cùng trong một ngày Hồi 6 giờ chiều	Thứ năm Thứ hai (Từ tháng giêng đến tháng 5 tây thôi) Hồi 7 giờ sáng	Cùng trong một ngày Hồi 6 giờ chiều	Từ tháng năm đến tháng chạp tây thôi.	

NHỜI DẠN : Tàu ở Hanoi chạy hôm thứ hai, thứ tư và thứ sáu, thì đỗ ở Viétri để sáng hôm thứ bảy, đỗ một đêm ở Viétri để sáng hôm sau hồi 5 giờ thì chạy Tuyên-Quang.

NHỜI DẠN : Tàu chạy ở Hanoi ; hôm thứ ba và thứ bảy, đỗ một đêm ở Viétri để sáng hôm sau hồi 6 giờ thì chạy Chợ-bờ.

ĐƯỜNG TÀU THƯƠNG-MẠI

Đường Haiphong — Hanoi
Haiphong : Những lúc đi cứ cách 2 ngày hồi 5 giờ chiều thì đi

Đường Hanoi — Haiphong
Hanoi : Những lúc đi, cứ cách 2 ngày hồi 5 giờ chiều thì đi

Đường Haiphong, Nam-định và Hanoi — Nam-định, Haiphong và Hanoi thì khi nào cần đến mới phải chạy mà thôi

Hàng hóa thì phải xếp xuống tàu ít là trước khi một giờ tàu chạy.

Nhận hàng chở thẳng tới tận bến hay là dỡ hàng cả các chỗ mán-nẻ

Xóp hộ thuế thương-chính, trữ hàng — Cho thuê tàu cả chuyến hay chở các phà các thuyền hàng

Các chi-cục : Sơn-tây, Việtri, Tuyên-quang và Chợ bờ

Tổng-cục : Haiphong

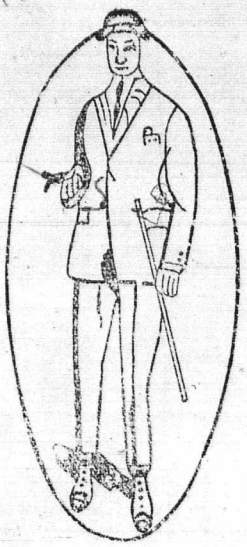

NAM-THINH — TAILLEUR

SOIERIES

6, Rue des Cantonnais — Hanoi (Tonkin)

Bán buôn và bán lẻ, hàng tơ lụa Bắc-kỳ

Bản-hiệu chuyên nghề bán cắt các thứ tơ lụa Bắc-kỳ sau này :

Lĩnh bưởi trơn và hoa, lương trơn và hoa, băng thâm và các sắc, lụa cò đỏ thâm và chẳng, lụa quần anh thâm và các sắc, the la cả thâm và các sắc, sô hột thâm và các sắc, sồi thâm thật tốt, vân thâm và các sắc, sa trơn và hoa, lượt khăn 12 và 14 vuông (còn nhiều thứ nữa không kể hết).

Các thứ hàng Tây may y phục Langsa : alpaga couleur, drap fantaisie, gabardine couleur, tissus imperméable, tussor de soie très blanc, drap satin noir tennis, flanelle blanche, etc.

Cửa hàng nào buôn nhiều về bản, hãy viết thư về thương-nghị, sẽ được **trừ hoa hồng từ 3 đến 10 pour cent.**

Hàng gửi đi Contre-remboursement.

NAM-THỊNH, Hanoi
Kính cáo

祥和裕

YU-WO-TSÉONG

Soieries Chinoises et Annamites en tous genres

VENTE EN GROS

48, — Rue des Cantonnais, Hanoi

Téléphone nº 266

Từ khi đang báo đến nay, đã được nhiều các ngài chiếu-cố. Nay lại mới có hàng kỳ cầu dấu tiệm Dụ-ưng sang và cách thứ hàng khác sang nhiều lắm. Vậy có lời loan-báo để các ngài biết Hàng bán buôn, không bán lẻ và không có mẫu gửi đi các nơi.

Hàng tốt mà giá lại rẻ, vì rằng bản-hiệu có xưởng tự chế ở bên Trung-Hoa cho nên qui-khách nào buôn của bản-hiệu cũng được hàng thật tốt và giá thật rẻ hơn các hiệu khác, vì rằng các hiệu đó còn buôn lại của bản-hiệu.

Nếu qui-khách nào ở xa hoặc gửi mà buôn hàng của bản-hiệu, thật là buôn tại gốc bán tại ngọn đó.

Bản-hiệu có trữ nhiều các thứ hàng Bắc-kỳ nữa, hàng đen và các mầu có đủ cả, qui-khách ở Nam-kỳ có muốn buôn để bán thì cứ gửi thơ mà mua của bản-hiệu, lúc nào trong hiệu cũng có vài ngàn cây, tha hồ mà chọn, chẳng hề thiếu-thốn.

Vậy xin các qui-khách chiếu-cố cho.

YU-WO-TSÉONG.

Năm thứ ba — Nº 42 **15 Avril 1923**

HỮU-THANH

SỰ CHƠI HỘI Ở TRONG XÃ-HỘI TA NGÀY NAY

Một người khó làm được việc to, cho nên sinh ra có chơi hội. Hội là họp một số nhiều người làm một đoàn-thể, để làm lấy một công-việc to nhớn. Đã họp nhiều người làm một đoàn-thể thời trong đoàn-thể ấy, các cơ-thể phải mật-thiết với nhau cũng như là một người, có như thế thì hội mới là hội. Cho nên một cái hội mà thành-lập theo một cách chánh-đáng, tinh-thần thật có như một nước dân-chủ : phàm người chơi hội đều có quyền trong hội, đều biết việc trong hội, đều thật bụng chơi hội, có như thế thời mới mong làm được một công-việc to nhớn. Vậy mà sự chơi hội ở trong xã-hội ta nay ra làm sao ?

Xã-hội ta, phàm sự thuộc về phong-trào mới ; hội cũng vậy, trách lấy tư-cách cho hoàn-toàn, thật là khó. Nay cứ trong sự chơi hội của ta, nói về những chỗ khuyết-điểm, để mong có một ngày các hội được hoàn-toàn.

Một là tự người lập hội không thật bụng chơi hội. — Phàm một hội, không cứ hội công-ích, hoặc hội buôn-bán, tự người lập hội có thật bụng chơi hội thời hội ấy mới mong được vững-bền phát-đạt. Tự người lập hội, từ khi sắp lập hội, mới lập hội, nếu mang sẵn một bụng tư-lợi, mượn tiếng công-hội để mong đạt một mục-đích riêng, như

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

thế là không thật bụng chơi hội. Người lập hội đã không thật bụng chơi hội thời hội ấy dẫu thành-lập mà không bao giờ được phát-đạt ; không những không phát-đạt mà rồi hay sinh ra nhiều sự phá-hoại mà hội đến phải tan. Một sự khuyết-điểm đó, lỗi ở người lập hội.

Một là người vào hội không thật bụng chơi hội. — Phàm một hội, không cứ hội công-ích, hoặc hội buôn-bán, hết thảy các người vào hội đều thật bụng chơi hội thời hội ấy cũng mới mong được vững-bền phát-đạt. Nếu các người vào hội, từ khi định vào hội, mới vào hội, hoặc là chỉ thấy vui mà vào, không thật có cảm-tình với mục-đích của hội ; hoặc là cũng mang một bụng tư-lợi, gượng vào hội để mong đạt một mục-đích riêng, như thế đều là không thật bụng chơi hội. Các người chơi hội đã không thật bụng chơi hội, thời hội ấy dẫu thành-lập mà cũng không bao giờ được phát-đạt ; không những không phát-đạt mà rồi việc hội tất đình-tắc mà hội đến phải thôi. Một sự khuyết-điểm đó, lỗi ở các người vào hội.

Một là người vào hội không có quyền trong hội. — Phàm một hội, không cứ hội công-ích hoặc là hội buôn-bán, các người vào hội đều có quyền trong hội thời hội ấy mới mong thành-lập phát-đạt theo một cách chánh-đáng. Nếu các người vào hội chỉ là bị một cái thế-lực nào xua-đẩy, bắt-buộc mà phải gượng vào hội, đã vào hội mà không được dự-bàn việc hội, như thế là không có quyền trong hội. Các người vào hội đã không có quyền trong hội, thời hội ấy dẫu thành-lập, phát-đạt mà không hợp theo cách chánh-đáng, nghĩa là sự thành-lập và phát-đạt đó chỉ theo ý riêng của người lập hội cùng mấy người coi việc hội mà không có ý-kiến của công-hội. Công-việc trong một hội mà không có ý-kiến của công-hội thời hội ấy tức là việc riêng của riêng của một hai người mà bao các hội-viên đều chỉ là người có tiền, bị lợi-dụng vào hội. Như thế thời hội dẫu phát-đạt mà khó mong làm được một công-việc to nhớn chánh-đáng. Một sự khuyết-điểm đó, lỗi ở các người vào hội.

Một là người vào hội không biết việc trong hội. — Phàm một hội, không cứ hội công-ích, hoặc là hội buôn-bán, các người vào hội đều biết việc trong hội thời hội ấy cũng mới mong thành-lập phát-đạt theo một cách chánh-đáng. Nếu

các người vào hội, hoặc là chỉ thấy vui mà vào, không cần hỏi đến công-việc hội ; hoặc là bị một thế-lực nào xua-đẩy bắt-buộc mà vào, không dám hỏi đến công-việc hội ; như thế đều là không biết việc trong hội. Các người vào hội đã không biết việc trong hội thời hội ấy dẫu thành-lập phát-đạt mà cũng không hợp theo cách chánh-đáng ; nghĩa là sự thành-lập phát-đạt đó cũng chỉ phó mặc một số ít người coi việc hội mà không có ý-kiến của công-hội. Công-việc trong một hội mà không có ý-kiến của công-hội thời hội ấy cũng tức là việc riêng của riêng của một số ít người mà bao các hội-viên cũng đều chỉ là người có tiền, bị lợi-dụng vào hội. Như thế thời hội dẫu phát-đạt mà khó mong làm nên một công-việc to nhớn chánh-đáng. Một sự khuyết-điểm đó lỗi cũng ở các người vào hội.

Cứ các điều khuyết-điểm ở trên này mà nghĩ thời lỗi về người lập hội có một phần, lỗi ở người vào hội có ba phần. Hiện các hội ở trong xã-hội ta nay, hội nào đã thật là có tư-cách hoàn-toàn thời không dám nói đến, còn phần nhiều thời phi có khuyết-điểm về điều nọ, lại có khuyết-điểm về điều kia. Cho nên có hội thời trước tuy thành-lập mà sau rồi lại tan, có hội thời ngoài như phát-đạt mà trong thực thất-bại. Ấy đều bởi các người chơi hội không thật bụng chơi hội không có quyền trong hội, không biết việc trong hội, cho nên đến như thế. Một hội là của chung các hội-viên, cũng như một nước là của chung toàn quốc-dân, nước không ra nước thời toàn quốc-dân đều có lỗi ; hội không ra hội thời các hội-viên cũng đều có lỗi vậy. Nay một hội mà phá-hoại, hoặc thất-bại, các hội-viên đều đổ lỗi cho một người lập hội cùng mấy người coi việc hội. Ôi, ở người lập hội cùng người coi việc hội đã đành là có lỗi ; song nếu các người vào hội đều thật bụng chơi hội thời mấy người kia đó, dẫu có đem lòng tư-lợi mà chưa hẳn làm hại được công-hội, mà hội chưa đã tan. Không những thế, các người chơi hội không thật bụng chơi hội thời tự người lập hội cùng người coi việc hội dẫu thật hết lòng tốt đối với công-hội mà hội cũng khó mong phát-đạt vậy. Ấy sự-thể của một hội là như thế, trách-nhiệm của các hội-viên là như thế, tưởng phàm người chơi hội đều đã rõ, vậy mà mong cho được có một hội có tư-

cách hoàn-toàn thật là khó, thời vì sao ? Thường thấy có nhiều ông hội-viên trong lúc đi hội-đồng, thật biết sự dở của công-hội, mà không chịu đứng ra để nói ; ấy nghĩ rằng chẳng qua mình chỉ có một phần, bao nhiêu người không nói mà một mình mình nói để mang lấy cái oán. Một người nghĩ vậy, mười người nghĩ vậy, cho nên sự dở của công-hội không có ai nói đến mà một ngày một dở, mà hội mới không ra gì. Lại thường thấy có nhiều ông hội-viên, ngồi một chỗ nhà riêng, thật biết sự khốn-khó của công-hội mà không cần đứng ra để giúp ; ấy nghĩ rằng chẳng qua mình chỉ có một phần, bao nhiêu người không giúp mà một mình mình giúp để mang lấy cái khó. Một người nghĩ vậy, mọi người nghĩ vậy, cho nên cái khốn-khó của công-hội không có ai giúp đến mà một ngày một khó, mà hội mới không ra gì. Tóm lại, chỉ là người chơi hội không thật bụng chơi hội, cho nên kém chút nhiệt-thành vậy. Nếu một sự chơi hội của ta mà đều kém nhiệt-thành như thế mãi thời không những các hội đã tan là đã tan, các hội chưa tan rồi cũng tan, các hội nào sắp muốn thành-lập sau này mà cũng khó mong cho phát-đạt. Hiện nay, nói đến sự chơi hội, trong xã-hội ta đã nhiều người lấy làm chán, thậm cũng có người lấy làm sợ ; song mà cái tiền-đồ của nước ta, công việc to nhớn còn nhiều, phải cần có lập hội còn nhiều, vậy cùng các nhà chơi hội dám mong cùng các người lập hội trong xã-hội.

HỮU-THANH

Ngồi trên đống cát, ai cũng có thể là quân-tử hiền-nhân, nhưng ngồi trên đống vàng, khó thay đã có ai là hiền-nhân quân-tử.

* * *

Muốn được lòng người, muốn mưu lợi mình, mà dùng đến cách nịnh hót, thực là con người đê-hèn.

MỘT BỨC THƯ

của ông NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Tôi có tiếp được một bức thư của ông Nguyễn-khắc-Hiếu là nguyên Chủ-bút Hữu-Thanh, tuy là thư ông viết riêng cho tôi và nhời thư nhiều câu ức-đương, song thực có quan-trọng về chủ-nghĩa của Hữu-Thanh, vậy xin đăng cả nguyên-văn để độc-giả chư quân-tử đồng-lãm.

NGHIÊM-VỊNH

Đi Hạ-long, đến Hải-phòng, cảm-hoài kính đưa ông Nghiêm-Vịnh.

Ông Nghiêm-Vịnh,

Ông có hẹn tôi cùng đi chơi Hạ-long, rồi ông bận về việc nhà không đi, tôi thì đi đến Hải-phòng thì thôi, vậy thời trong cuộc đi chơi Hạ-long mới rồi, không có ông cũng không có tôi; song như ông thời thật là không đi, tôi thời dẫu không đến Hạ-long, nhưng cũng là có đi, nhân một sự đi đó, mà sinh có một mối cảm-hoài, nay xin viết ra để đưa ông xem qua.

Báo Hữu-Thanh lập ra lấy hữu-ái làm chủ-nghĩa ; hội Công-Thương đồng-nghiệp thời là gốc của Hữu-Thanh ; sự chơi Hạ-long mới rồi đó thời là một cuộc du-lãm của hội Công-Thương đồng-nghiệp ; tôi trước cũng có theo việc trong tòa-soạn Hữu-Thanh, mà là người hội Công-Thương đồng-nghiệp ; ông thời hiện là Chủ-nhiệm Hữu-Thanh mà ông lại hẹn tôi đi chơi ; cho nên một sự đi Hạ-long mới rồi, tôi thực rất lấy làm vui lòng, đi mà không đến nơi, thiệt cho tôi một phen du-lãm hữu-tình vậy. Nghe cuộc du-lãm đó, người trong hội Công-Thương đồng-nghiệp cũng là người ngoài hội, tất cả có đến 80 người ; thuê một chiếc tầu riêng, quanh mạn tầu có cắm cờ, trong tầu có đem đủ đồ âm-nhạc, lại có cả đèn đất, feu bengal để dùng trong khi xem hang. Chơi Hạ-long từ trước đến nay kể cũng nhiều người, như một cuộc chơi mới rồi này thật là ít có ; sơn-thủy quả nhiên hữu-tình, có nhẽ không hoan-nghênh lắm ru ?

Tôi tuy không dự vào chuyến đi ấy, mà không đến Hạ-long, song tự Hảiphòng về thường vẫn tưởng-tượng các chòm núi ở đó. Nhân nhớ lại cách hai năm trước, tôi có qua Hạ-long

một lần, thấy không biết bao nhiêu là những chòm núi đá sao mọc cờ bầy trong một làn nước bể. Trong khi ấy thật cũng chỉ nhận biết là một nơi thắng-cảnh; một mối cảm-hoài đối với những chòm núi đá ấy thời đến nay mới phát-sinh. Nghĩ cho: đá kia ai bảo là vô-tình, mà kể từ có sinh-tưởng đến nay, không biết bao nhiêu năm, ấy hoặc từ thủa Hồng-bàng khai-tịch, từ trước thủa Hồng-bàng khai-tịch, chải bao nhiêu gió rập mưa cưa, trào đun sóng vỗ, mà đá không lìa nhau; chải bao nhiêu sao rời vật đổi, bể bể dâu dâu mà đá càng liên-lạc hơn xưa vậy.

Qui-hóa thay! một bức tranh thiên tạo, chẳng là ông Tạo-vật đã vì một dân-tộc ở trong đất nước này mà bầy ra một cái gương hữu-ái đó ru? ấy là cái giá-trị của Hạ-long, mà cảm-hoài của tôi muốn viết để đưa ông, cũng chỉ vì có một chỗ đó.

Hai chữ « Hữu-ái » chính là cái chủ-nghĩa của Hữu-Thanh. Kể từ khi Hữu-Thanh ra đời cho đến khi tôi thôi việc tòa-soạn, từ khi tôi thôi việc tòa-soạn cho đến khi ông ra làm chủ-nhiệm, lại từ khi ông ra làm chủ-nhiệm cho đến nay, hẹp thời hội Công-thương đồng-nghiệp, rộng thời toàn-thể quốc-dân, bể ái đầy vơi ra làm sao, thật cũng không biết rõ; song mà một cái chủ-nghĩa hữu-ái ghen-ghét có nhiều người, hằn học có nhiều người, lợi-dụng có nhiều người, bội-bạc có nhiều người, bôi nhèm vẽ nhọ có nhiều người, dèm pha chế riễu chê cười riếc móc có nhiều người; tôi dẫu không thể nói rõ những người ấy là những ai, nhưng có nhẽ không vu vậy. Khốn nạn thay cái chủ-nghĩa hữu-ái của Hữu-thanh, mới ra đời từ ngày mồng 1 tháng 8 năm 1921, không phải là từ thủa Hồng-bàng khai-tịch, gió không rập, mưa không cưa, trào không đun sóng không vỗ, mà sao thấy như đá gần mòn như núi sắp lở, mà nào những nhời kỳ-vọng của Hữu-Thanh trong số ban đầu mới suất-bản bây giờ là đâu? Tôi viết với ông đến câu này, tôi càng ngậm ngùi cùng cái chủ-nghĩa hữu-ái bao nhiêu mà càng nghĩ về cuộc đi chơi Hạ-long vậy.

Một cuộc đi chơi Hạ-long của hội Công-thương đồng-nghiệp mới rồi đó, tôi riêng nghĩ có hai mối: Một là nhân cuộc đi chơi này mà kết hợp cảm tình, bồi thực lấy cái chủ-nghĩa hữu-ái, cho được có một ngày đạt đến mục-đích của Hữu-Thanh tạp-chí; hai là nhân cuộc đi chơi này mà tập-hợp nhiều người, kính phụng cái chủ-nghĩa hữu-ái để đưa về phỏ thác cho Hạ-Long. Thuộc về một mối của tôi nghĩ trước chăng? Thời ông với tôi dẫu không dự vào cuộc đi chơi đó mà đều được có một phần vui; thuộc về một mối của tôi nghĩ sau chăng? thời tôi với ông nếu có dự vào cuộc đi chơi đó, tưởng cũng đáng thẹn-thò bẽn-lẽn với giang-sơn vậy. Tôi có hai mối nghĩ như thế mà tôi lại nghĩ lại thời như một mối của tôi nghĩ sau, chắc là không phải; như một mối của tôi nghĩ trước, cũng không chắc có là phải, có khi cuộc chơi đó chỉ là một cuộc du-lãm vô tình. Nếu chỉ là một cuộc du-lãm vô tình thời giang-sơn còn đó, người chơi còn đây, không đi lúc này, ta đi lúc khác, tưởng cũng không đáng lấy làm tiếc, mà cũng không cần nghĩ chi vậy. Tóm lại thời một cuộc đi chơi Hạ-long của hội Công-Thương đồng-nghiệp đó ra làm sao không được biết thật; song tôi mong rằng đúng như một mối của tôi nghĩ trước nhất, thời không những ông được vui, tôi được vui mà thật đáng vui-mừng cho Hữu-Thanh.

Thơ này tôi cứ theo cảm-hoài của tôi mà viết, hoặc có chỗ không phải, xin ông miễn trách cho. Nay chúc ông mạnh khỏe và hết lòng coi việc Hữu-Thanh, khiến cho cái chủ-nghĩa hữu-ái vững bền tốt đẹp như Hạ-Long, rồi cái thắng cảnh đó, chúng ta lại có ngày du-lãm.

Hadông le 27 Mai 1923

Tản-đà thư-điếm chủ-nhân.

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

bái thư

Nghiên-cứu về tính-chất người Nhật-bản

V

Tính tự-sát

Phàm loài người ai cũng yêu sống, ghét chết, đó là cái tính-chất thông thường. Thế mà người Nhật-bản trái hẳn tính ấy, thường hay coi chết như chơi, tưởng cũng là một điều lạ vậy.

Đem cái chí-ý và cái lực-lượng của mình, mà kết-quả cái sinh-mệnh của mình, thế gọi là « tự-sát ».

Sự tự-sát không cứ dân-tộc nào, xã-hội nào không có, chỉ khác nhau có nhiều ít mà thôi.

Đương năm 1869, người nước Pháp số tự-sát có 5111 người; nước Nga 3544 người; nước Anh 1588 người. Thử đem so-sánh, thì số tự-sát về phần người nước Pháp nhiều hơn. Nhưng nếu đem nước Pháp so với nước Nhật-bản, thì nước Nhật-bản lại nhiều hơn gấp mấy.

Cứ xem cái biểu-kê số người Nhật-bản tự-sát hơn bốn mươi năm nay, cả thảy 161.809 người. Số tự-sát càng ngày càng nhiều hơn trước, đủ biết cái tư-tưởng tự-sát của dân-tộc Nhật-bản thường vẫn tiến-bộ vậy.

Nói đến cái nguyên-nhân tự-sát của người Nhật-bản, thì mỗi người mỗi khác: hoặc vì tinh-thần hoảng-loạn; hoặc vì tật-bệnh đau đớn; hay là vì sự sinh-kế khốn-cùng; về sự trai gái quá yêu-mến mà không lấy được nhau; hay là vì tội-ác xấu thẹn, — vì sự gia-đình bất-mục với nhau. Nói tóm lại thì người Nhật-bản hễ động gặp sự thống-khổ hay là kích-thích gì, cái nhiệt-huyết đã bốc lên, thì họ quyết-nhiên tự-sát ngay.

Nay lại xem năm 1918, số trai gái Nhật-bản tự-sát về cái nguyên-nhân tại đâu, trích lục sau này :

— Vì sự tinh-thần hoảng-loạn mà tự-sát :

Trai	1910	người
Gái	1331	—

Vì bệnh khổ mà tự-sát :

Trai	1880	người.
Gái	1313	—

Vì sự khốn-cùng và bạc-mệnh :

Trai	458	người.
Gái	168	—

Vì sự mưu thông-tình :

Trai	106	người.
Gái	111	—

Vì si-tình và ghen ghét :

Trai	52	người.
Gái	92	—

Vì hối-hận lầm-lỗi :

Trai	129	người.
Gái	47	—

Vì sự gia tộc bất hòa :

Trai	145	người.
Gái	269	—

Vì sợ tội-ác phát giác và đã mắc tội :

Trai	163	người.
Gái	37	—

Vì sự lo nghĩ quá mà tự-sát :

Trai	131	người,
Gái	98	—

Vì buồn lỗ vốn hay là vỡ nợ :

Trai	93	người,
Gái	10	—

Vì người tài-chủ hoặc gia-trưởng trừng trách :

Trai	36	người,
Gái	42	—

Vì thương chồng hoặc con làm điều bất-trắc :

Trai	19	người,
Gái	43	—

Vì lìa duyên thương sót :

Trai	25	người,
Gái	47	—

Vì lo sự gian-dâm có thai :

Trai	2	người,
Gái	57	—

Vì sợ phải kết-hôn :

Trai	3	người,
Gái	36	—

Vì mất người yêu :

Trai	46	người,
Gái	47	—

Vì thương thân tàn-tật :

Trai	34	người,
Gái	33	—

Vì sự ưu-uất :

Trai	78	người,
Gái	62	—

Vì thương cha mẹ vợ con và chồng chết :

Trai	35	người,
Gái	62	—

Vì khổ về bệnh cha mẹ vợ con hay là chồng mà phải tự-sát :

Trai	22	người,
Gái	22	—

Vì cái kết-quả sự dâm-dật phóng-đãng :

Trai	127	người,
Gái	16	—

Vì sự chán đời :

Trai	1029	người.
Gái	682	—

Vì mê-tín tôn-giáo :

Trai	4	người,
Gái	2	—

Vì dận thân đăng lính không được :

Trai	3	người,
Gái	không	

Vì sợ phải đi lính :

Trai	4	người,
Gái	không.	

Vì khổ sự già yếu ;

Trai	155	người,
Gái	131	—

Vì những cớ khác :

Trai	832	người,
Gái	315	—

Tổng cộng trai gái Nhật-bản tự-sát cả thảy là 12624 người.

Nay ta xét cái nguyên-nhân tự-sát ấy lại bởi năm cái vấn-đề sau này :

1. Thuộc về vấn-đề kinh-tế. — Phàm nhân sự khốn-cùng hay là buôn lỗ vốn vỡ nợ mà phải tự-sát, là do tại vấn-đề này.

2. Thuộc về vấn-đề đạo-đức luân-lý. —

3. Thuộc về vấn-đề pháp-chế. — Phàm nhân sợ tội-ác tiết-lộ, hay là gia-trưởng tài-chủ trừng-trách, thương-sự lìa duyên, trách sự kết-hôn, mất người yêu, dâm-dật phóng-đãng, và tránh sự bắt lính v. v. . . mà phải tự-sát, đều do ở vấn-đề này.

4. Thuộc về sự mê-tín. — Phàm nhân sự tín-ngưỡng sau khi chết có cái thế-giới cực-lạc, không muốn đeo sự thống-khổ và kiếp bạc-mệnh ở trần-gian, mà phải tự-sát, đều thuộc sự mê-tín này,

5. Thuộc về các cớ khác. — Phàm nhân tinh-thần hoảng-loạn hay là ưu-uất mà tự-sát, đều do ở loài này.

Trong năm điều đã nói ở trên, lại nên chia làm hai phương-diện : 1. Vật-chất ; 2. Tinh-thần. Tóm lại đều bởi chế-độ xã-hội không được hoàn thiện mà sinh ra. Nếu biết

làm cho phương-riện tinh-thần và vật-chất của nhiều người đạt tới cái địa-vị khoái-lạc, thì còn ai chịu đến nỗi tự-sát nữa không ?

Nay biết thay đổi chế-độ sự kinh-tế đi, thì có lẽ không ai đến nỗi khốn-cùng, buôn-bán thua lỗ và vỡ nợ, khi nào còn có người tự-sát về những sự ấy nữa ; biết đem thay đổi chế-độ đạo-đức đi, thì những sự si-tình, tật-đố, và kết hôn, ly-duyên đều giải-quyết song, còn ai vì những sự ấy mà tự-sát nữa ; biết đem thay đổi pháp-chế đi, phàm bao nhiêu những việc không thích-hợp nhân-tình, nhất-thiết bỏ cả, thì cái vấn-đề hôn-nhân, có lẽ giải-quyết được ; người già yếu có chỗ yên thân ; cả đến những việc bắt buộc đi linh quyết nhiên không có. Thế thì còn ai vì những sự ấy mà tự-sát nữa. Còn những cái vấn-đề mê-tín thì nên bỏ ngay, vì trong xã-hội Nhật-bản biết bao nhiêu những sự đau đớn tân-nhẫn, vì mê-tín mà sinh ra, mà sinh ra đã chiếm một phần lớn vậy.

Sự khuyết-hãm của xã-hội Nhật-bản, có phải tự một thời-kỳ mà gây nên đâu ? Kể từ lúc có lịch-sử về sau, bao nhiêu những vị Hoàng-đế, phiên-nương, ngày ngày chế ra cái cạm bẫy giết người. Những sự âm-hiểm, độc-hoạn và bi-ai của dân-tộc Nhật-bản, hiện nay đều do cái tội-ác lịch-sử mấy nghìn năm để lại. Cứ xem như một việc « khinh sống không sợ chết » này, lúc ban đầu chỉ tại đứng quân-vương cổ-lệ người võ-sĩ muốn cho người võ-sĩ làm nô-lệ hai chữ « trung-lương » ; nếu người võ-sĩ ấy sợ chết, thì còn khi nào được tiếng là trung-thần nghĩa-sĩ nữa, đã không được là trung-thần nghĩa-sĩ còn khi nào được quân-vương ngợi khen, được xã-hội sùng-bái.

Làm tôi liều chết về việc vua, là vì được cái danh-dự vẻ vang rất lớn, cho nên dẫu hi-sinh cái tính-mệnh qui-báu cũng không đoái tiếc gì. Người con gái tuẫn-tiết với chồng, cũng giống như thế : vì người con gái chết theo chồng, thì xã-hội gọi là người « trinh-khiết liệt-nữ » ; nếu không có cái hư-vinh bốn chữ « trinh-khiết liệt-nữ » ấy, quyết không khi nào con gái trên thế-giới chịu đem tính-mệnh hi-sinh với chồng.

Sự tuẫn-tiết ấy, lúc ban đầu bởi số ít người đề-xướng lên, rồi sau lâu ngày thành ra cái tập-tượng trong vòng đạo-đức trên xã-hội. Bởi thế người làm tôi, làm vợ, thường lấy sự tự-sát ấy làm vẻ vang.

Trong sự tự-sát về việc tình của người Nhật-bản, khác hẳn người các nước trên thế-giới.

Cái ý nghĩa chết về tình, là tại hai người trai gái nhân cái vấn-đề luyến-ái mất lòng nhau, mà khởi ra một mối « cộng-đồng tự-sát », nghĩa là hai người cùng tự-sát đối nhau.

Vấn-đề này phát-sinh ra, là tại cái chế-độ kinh-tế và đạo-đức không hay, gây cái ma-trướng cho cái tiền-đồ của nam-nữ ; hoặc nhân kẻ giầu người nghèo mà không muốn lấy nhau ; hay là vì lời cha mẹ ép-uổn.

Trong khi người Nhật-bản có sự hôn-nhân trướng-ngại, họ cũng muốn cao chạy xa bay, để thoát qua cái ma-trướng ấy ; chỉ vì phép luật sâm-nghiêm, trong gầm trời không có lối nào cầu-sinh và sự luyến-ái viên-mãn được, bởi thế phải diễn ra cái bi-kịch tự-sát cả đôi.

Ta xét cái trạng-huống người Nhật-bản chết về chữ tình, không cứ thủ đoạn thế nào, người ở địa-phương nào, đại-khái thường hay lấy giây buộc nhau mà chết. Như định chết ở bể hay ở trên đường xe-lửa, thì trước hết hai người ôm nhau, lấy giây buộc chặt, rồi đều lăn vào bể hay lăn vào giữa đường sắt xe lửa.

Ý họ nghĩ rằng : Lúc sống đã không được đoàn-viên đôi-lứa với nhau, có lẽ lúc chết hẳn được sự thân-yêu cuối cùng ; và tin rằng cái linh-hồn sau khi đã chết được làm vợ chồng mãi mãi với nhau. Xem thế biết rằng : lũ thanh-niên Nhật-bản đem cái thủ-đoạn đau đớn trong sự mê-tín phá cái chế-độ của xã-hội hiện-thời.

Về việc tự-sát, cứ như luật bên Thái-tây, thì rất là phản-đối. Phàm những người tự-sát đã chết, không khi nào được chôn lẫn vào mộ-địa của người chết bệnh, và người giáo-sĩ cũng không đến cầu-kinh cho. Nếu tự-sát mà chưa chết, thì quan sở-tại lại bắt tội thêm, vì các nước bên Thái-tây đều thuộc tôn-giáo Cơ-đốc, phàm sự sinh tử của loài người, đều cho là thuộc quyền đức Thượng-đế cả, nếu tự mình phá hoại cái sinh-mệnh của mình, ấy là phạm tội lớn, đoạt quyền đức Thượng-đế đó.

Nhưng xã-hội Nhật-bản thì lại không thế : những kẻ tự-sát không cứ đã chết hay chưa, pháp-luật trong xã-hội đều không cấm ngăn chi cả. Trừ những người biểu đồng tình thương xét không kể ; có lúc những nhà văn-nhân danh-sĩ và đạo-đức còn tán-dương sùng-bái nữa. Bảo rằng liều chết như thế, khả-dĩ vãn hồi cái phong-hóa đồi-bại của xã-hội. Ngay như năm 1912 ông Nãi-mộc đại-tướng tự-sát, mà trong triều ngoài nội, biết bao nhiêu người xưng tụng tán-dương, tức là một cái tang chứng hiển-nhiên đó.

Nước Nhật-bản là nước sùng-thượng Thần-đạo và Phật-giáo, cái căn-bản hai đạo này, khác hẳn tôn-giáo Cơ-đốc. Nên trong tôn-giáo điều không cấm ngăn sự tự-sát bao giờ.

Người Nhật-bản đối với nho-giáo, phải chịu ảnh-hưởng về câu « sát thân thành nhân » rất nhiều, nên không cứ già trẻ trai gái, hễ bàn đến sự sống chết, ai cũng một lời giải-thuyết giống nhau, họ nghĩ : người ta thế nào rồi cũng chết, như con « vờ » sớm sinh tối chết, ấy cũng là chết ; con rùa con hạc sống mấy nghìn năm, nhưng cũng không khỏi một cái chết ; đến như người thì dẫu sống một trăm tuổi, năm mươi tuổi, hay là hai ba mươi tuổi mà chết, ấy cũng một lần chết mà thôi ; lại có lúc bất-đắc-dĩ mà phải chết, thì cũng quả-quyết mà chết cho rồi.

Cứ hình-thắng nước Nhật-bản mà nói, thì vốn là một nơi nước biếc non xanh, cỏ hoa rực rỡ ; nhưng trong cái cảnh nước biếc non xanh cỏ hoa rực-rỡ ấy, lại bao tàng một cái hiểm nghèo về sự hỏa-sơn vỡ xé, làm cho trời long đất lở, cho người ta không biết cái chết lúc nào. Bởi thế người Nhật-bản, ai cũng hàm cái khí-tượng bi-ca khẳng-khái, mà có khi đương lúc bi-ca khẳng-khái, thốt-nhiên lấy gươm khoét bụng mà tử trận, (thói Nhật-bản không hay dám cổ, chỉ hay khoét bụng).

Ít lâu nay sự vật-chất văn-minh ngày càng tiến-bộ ; sự sinh - tồn cạnh-tranh, ngày càng mãnh - liệt, thì những người vì sự sinh - hoạt khốn-nạn mà tự-sát, lại thấy càng ngày càng nhiều. Ôi ! người Nhật-bản không sợ chết ; người Nhật-bản hay tự-sát, cái vấn-đề ấy thực là tại cái chế-độ trăm năm để lại bó buộc mà ra !

VI

Thần-đạo và tôn-giáo

Những tôn-giáo người Nhật-bản tín-ngưỡng hiện nay, có Thần-đạo-giáo, Phật-giáo, và Nho-giáo, Đạo-giáo bên Trung-quốc ; Gia-tô-giáo,

Thiên-chúa-giáo bên Thái-tây, trủng loại rất nhiều. Song kể đến tôn-giáo có thế-lực lớn trong xã-hội và dân-tộc Nhật-bản tin-ngưỡng đã lâu, thì nhất Thần-đạo và Phật-giáo, mà Thần-đạo-giáo lại là phần xã-hội tin-ngưỡng hơn.

Cứ cái danh-từ hai chữ thần-đạo, đem giải-thuyết ra, tức là cái ý-tứ « đạo của Thần » hay lấ « phát-xuất ở trong đạo của thần » ; Cái phạm-vi đó, tức là trỏ vào cái đức-giáo thi-hành ở thời-đại thần-quyền mà nói. Tôn-giáo ấy cả nước Nhật-bản ai cũng tin-ngưỡng. Trên tự vua Thiên-hoàng, dưới đến kẻ lè-thứ, nhất-thiết ai cũng tin theo một đạo quốc-giáo, tôn-phụng quốc-thần và tôn-trọng nhà vua. Thế cho nên luân-lý-học của nước Nhật-bản lại gọi thần-đạo là đạo-đức của nhà nước.

Căn-nguyên hai chữ « thần-đạo », không biết phát-khởi tự đời nào ; song cứ quyển thứ hai trong pho sách « Nhật-bản thư-kỷ » có câu rằng : « đức Nghiện-hỏa - hỏa -xuất-hiện, phải tôn thần-giáo, y theo mà làm », trong quyển thứ 21 cũng pho sách ấy (Nhật-bản thư-kỷ) có nói rằng : Vua Dụng-minh Thiên-hoàng tin phép phật, tôn đạo thần ». Trong tờ chiếu của vua Hiếu-đức thiên-hoàng lại có nói rằng : « việc gì cũng cốt ở « thần », hễ theo được đạo-thần, ấy cũng tự có đạo-thần vậy ».

Những lời nói, hoặc-giả là căn-nguyên hai chữ « thần-đạo » chăng?

Trong sách « Nhật-bản ngã » của họ Viên-đẳng có nói : hai chữ thần-đạo, khởi tự sách Chu-dịch nước Tầu. Vì trong sách Chu-dịch có câu rằng : « đức Thánh-nhân giả đạo thần đặt ra giáo-pháp, mà thiên-hạ noi theo ».

Cái tinh-túy thần-đạo giáo, tức là ở cái quan-niệm và nghi-thức sự sùng-bái,(như sùng-bái thiên-nhiên-vật và sùng bái tổ tiên).

Sùng-bái tổ-tiên là cái trung-tâm-điểm đức-giáo của dân-tộc Nhật-bản, mà lại là cái tư-tưởng suốt cả ròng-rõi nhà vua ; ngày nay sự sùng-bái ấy phổ-thông cũng quả nửa nguyên-nhân ở đó.

Bái tổ-tiên, bái mặt trời, và bái thảo-mộc, cầm-thú các vật tự-nhiên, đó là cái thông-lệ của dã-man dân-tộc ; nay cái trình-độ dân-tộc Nhật-bản, hiện đã vượt xa cái dân-tộc dã-man, thế mà sao còn giữ chặt cái giáo-nghĩa dã-man nữa ? Cái vấn-đề ấy, tưởng chỉ tại những lời « thần-hoại » đã phổ-biến khắp nơi, nên Nhật-bản quốc-dân ai cũng bắt chước.

Tôi còn nhớ trong thiên Thần-đại-hạ, quyển Nhật-bản thư-kỷ thứ I ai có một đoạn nói rằng :

« Đức Thiên-chiếu đại-thần sắc-dụ ông Thiên-trĩ-Nghiện rằng : đất Phong-vĩ nguyên là chỗ con ta nên làm vua. Vậy đương sắp cho con đáng-hạ trần-thế. Nhưng đương lúc sắp đáng trần,thì hoàng-tôn đã sinh, hiệu là « Thiên-tân nghiện-nghiện-hỏa-quỳnh-quỳnh chử-tôn. Bấy giờ có lời tâu rằng : xin cho hoàng-tôn đáng sinh thay.

« Cho nên đức Thiên-chiếu đại-thần cho ông Quỳnh-quỳnh chử-tôn một viên ngọc, một cái gương và một cái gươm, ba vật báu ấy ; lại sai thần năm bộ đáng-sinh theo.

« Nhân sắc-dụ Hoàng-tôn rằng : đất Phong-vĩ là nước Thụy - huệ trường-trị được 1.500 năm, thực là chỗ con cháu ta nên làm vua ở đó ; vậy thì hỡi Hoàng-tôn kia, nên tới đó mà cai-trị, nên đi ngay, ta mong cho ngôi rồng qui báu thịnh trường, sánh cùng trời-đất ».

Một đoạn « thần-hoại » đó, đã in sâu vào trong màng óc người Nhật-bản, khiến cho dân-tộc họ đối với một vị lão-tổ là đức Thiên-chiếu đại-thần, ai cũng đời đời ghi nhớ ; thế cho nên cái cơ-sở muôn đời một giống cũng khởi-chúc tự đó mà ra.

Dân-tộc nước Tầu, xưa nay vẫn có cái di-tích sùng-bái tổ-tiên.Nhưng đem cái mục-đích và ý-nghĩa người Tầu sùng-bái tổ-tiên mà sánh với người Nhật, thì lại khác hẳn.

Sách Luận-ngữ có câu rằng : « thận chung, truy viễn, dân đức qui hậu hĩ », nghĩa là nói : mình là người trên dân, mà biết cẩn thận lúc cha mẹ lâm-chung ; biết tưởng nhớ những ngày kỵ-lạp, thế thì lòng dân cảm-hóa, dân-phong càng thuần-hậu hơn lên. Cái tư-tưởng sùng-bái tổ-tiên của người Tầu, không những báo-bản mà thôi, mà lại có ý cổ-lệ dân-phong nữa ; không như người Nhật tin sợ tổ-tiên, như tôn-giáo Cơ-đốc tin rằng đức Thượng-đế là chủ-tể muôn loài trong vũ-trụ đâu.

Trong bài tân-luận của ông Hội-trạch-chính-chi nước Nhật có một đoạn nói rằng :

« Ngày xưa đặt ra tế «Đại-thường, nghĩa là để cùng người trong nước cùng tỏ một lòng thành-kính ; vì lúc đó thóc mùa mới chín ; phải đem gạo mới làm lễ tế thần, vậy sau hãng ăn, để cho những người ăn ấy, biết rằng giống thóc ấy là của đức Thiên-thần ban ơn cho vậy.

Lại có câu nói rằng : đặt nền thiên-xã, quốc-xã, và những thần-từ trong nước, đâu cũng thống-nhất, để cho lòng dân hệ-thuộc, kính-phụng Triều-đình ».

Mục-đích sùng-bái tổ-tiên của dân tộc Nhật-bản, lấy tổ-tôn nhà vua làm cốt, còn trong các họ dân, dẫu có sùng-phụng tổ-tiên nhà mình, nhưng tất người ấy đối với nhà vua có cái quan-hệ tương-đương. Cái lòng cẩn-thành của những kẻ bái thần, chẳng khác người tôn-giáo Cơ-đốc sùng-bái đức Thượng-đế chút nào ;không những lúc tế thường đem cơm mới tế lễ mà thôi ; dẫu cơm thường mỗi ngày vài bữa, cũng đem cúng thần, vậy sau người nhà mới giám ăn.

Thần-đạo - giáo tuyệt không có kinh-điển chi cả, chẳng qua chỉ có tinh-thần mê-tín, không thành ra hình-thức tôn-giáo nào.

Hiện nay có 13 giáo-phái, mà cái ý-nghĩa trong 13 giáo-phái ấy, đều là những người lập-giáo và những người tín-giáo đời sau tấu-hợp mà nên ; mà cái điều-qui trong những giáo-phái ấy thực là linh-tinh vật-vụn, như sách « Thiên-lý-giáo giáo-điển » ; chỉ có mười điều đan-giản, vẫ mãi đến năm Minh-trị thứ bốn mươi mốt mới ra đời.

Mười ba giáo-phái ấy là :

1. Thần-đạo-phái ; 2. Hắc-trú-phái ; 3. Tu-thành-phái ; 4. Đại-xã-giáo ; 5. Phù-tang-giáo ; 6. Thực-hành-giáo ; 7. Đại-thành-giáo ; 8. Thần-tập-Giáo ; 9, Ngự-nhạc-giáo ; 10. Khiết-giáo ; 11. Kim-quang-giáo ; 12. Thiên-lý-giáo ; 13. Thần-lý-giáo.

Cái thời-kỳ 13 giáo-phái ấy thành-lập, hoặc trước, hoặc sau ; mà cái cơ-quan sáng-lập ra các giáo-phái ấy nhiều điều thần-mật. Xem như giáo-tổ phái Thiên-lý-giáo, tức là người đàn bà tên là Trung-sơn-hàn-tử. Nói rằng : có một hôm Hàn-tử gặp con cáo nhỏ mắc nạn, động lòng thương sót, đem về nhà nuôi, con cáo ấy dần dần cảm-ngộ, biết giúp những sự sinh nở cho người ta và phát-ngôn nhiều câu kỳ-dị, bởi thế người tin theo càng ngày càng nhiều, Hàn-tử lại tự sưng là tự thần

sai khiến lập ra phái Thiên-lý-giáo, vân vân....Còn các phái khác, rất nhiều điều hoang-đản buồn cười. Lúc ta ở trọ bên nước Nhật-bản, thỉnh thoảng đi qua tự-viện thờ về Thần-đạo-giáo các nơi, thường thấy ngoài cửa bày la-liệt con cáo đá, con ly đá, khắp nhân dân Nhật-bản ai cũng tin là thiêng liêng lắm, khả-dĩ làm họa-phúc cho người. Những hạng đàn bà con trẻ Nhật-bản, đối với những loài cáo ấy, không giám gọi tên bao giờ ; vì sợ gọi tên, lại bị loài ấy tác-quái, sinh ra bệnh-tật tai-ương gì chăng. Bởi thế nhỡ gặp sự hung-tai hoạn-nạn, tất phải đến cầu-bảo ở chỗ thần-xã, mà nhất là bọn đàn bà con trẻ lại kính sợ giống hồ-ly ấy chẳng khác tổ-tiên chút nào.

Các khoa-học càng ngày càng phát đạt thì sự mê-tín càng ngày càng giảm bớt dần đi, đó là cái thông-lệ trên thế-giới ; nhưng nước Nhật-bản thì lại không thế : Ta đã xem cái biểu kê năm 1918, về cái số-mục các phái thần-xã trong nước, cả thảy tới 116.866 sở (đây chỉ nói riêng về thần-đạo-giáo, còn phật-giáo tự-viện chưa kể), những thần-quan chức-chưởng coi về các thần-xã ấy có tới vài vạn người. Hồi mười năm về trước, các phái thần-đạo-giáo ở Đông-kinh báo cáo rằng : trong một năm họ giảng giáo cả thảy 6948 lần, những người đến nghe giảng cả thảy 769.480 người đông bằng một nửa nhân-số kinh-đô Đông-kinh. Đến bây giờ nghe nói lại còn thịnh hơn. Thế mới biết người Nhật-bản sùng-tín thần-đạo-giáo càng ngày càng nhiều vậy.

Nay xem cái biểu-kê tự tháng giêng đến tháng sáu năm Minh-trị thứ 41, những người quan-lại, giáo-viên khoáng-nghiệp, mỹ-thuật và các sắc nhân-dân đến kỳ-đảo ở chỗ thần-xã Việt-hậu-ri-nghiện, cả thảy 9860 người.

Ta xem cái biểu-kê ấy mà không thể nhịn cười được, là vì những người đã làm nên chức giáo-viên, quan lại, mà còn cầu thần phù-hộ, thì thực là một việc kỳ-khôi trên thế-giới vậy.

Trong khi họ đem đồ lễ cầu-nguyện thì có gì đâu, chẳng qua chỉ một ít hương nến giấy mã, với một đồng tiền-đồng năm ly, bỏ vào cái hòm gỗ trước ban thờ mà thôi. Lấy cái lễ-phí nhỏ mọn như thế, mà cầu những cái dề-mục lớn như quan-vận phát đạt, giáo-chức bình-an, thì chẳng khác gì một câu truyện hoạt-kê vậy.

Trước kia cái tư-tưởng tôn-giáo người Nhật, như sự thờ kính tổ-tiên, còn chất-phác nhiều hơn. Đến vua Ứng-thần thiên-hoàng, Nho-giáo của Trung-quốc tràn vào, bấy giờ tư-tưởng bọn họ, càng ngày lại càng phức-tạp : Trước kia chưa có chữ-nghĩa ; bấy giờ mới tập thành chữ-nghĩa. Trước kia trên xã-hội thuần một mầu chất-phác mà thôi ; bấy giờ mới thêm cái danh-sưng « trung, hiếu, nhân, nghĩa » ; thế mới biết cái tư-tưởng-giới của Nhật-bản đời xưa, chịu cái ảnh-hưởng triết-học của nước Tầu, cũng đã sâu lắm.

Trong sách Hoàng-đạo-quán kỷ-thuật-nghĩa của ông Đặng-điền-đông-triều có mấy câu rằng :

« Đời xưa quê kịch, không có văn-tự thư-khế gì, nên không nghe có gì là « đạo », Thế thì « đạo » ấy, không phải gốc từ đời xưa chăng ? Không phải thế, đời xưa chỉ không có cái danh-sưng chữ « đạo » mà thôi ».

Mấy câu đó khả-gĩ chứng-minh cái tư-tưởng của Nhật-bản đời xưa thực là chất-phác. Về sau có đạo-đức luân-lý, mà biết đem chữ đạo biểu-hiện trên đời, đều là cái công-hiệu hấp-thụ của nho-giáo.

Tam-cương ngũ-thường của nho-giáo, so với tư-tưởng của Nhật-bản sùng-bái thần-đạo-giáo (như sùng-bái tổ-tiên và tôn-kính nhà vua), không có sung đột chút gì ; người Nhật-bản vốn là chất-phác sùng thượng thần-đạo, lại thêm một từng tam-cương ngũ-thường nữa, khác gì một cái màn gấm che ngoài, lại càng cách ngoại tôn-nghiêm lắm. Mà nhất là từ khi lý-học Tống, Minh của Tầu tràn vào Nhật-bản, lại khiến cho tư-tưởng của dân-tộc Nhật-bản càng mạnh-mẽ nhiều lên. Thế cho nên người Nhật-bản ai cũng sùng kính Nho-học, vì đã lấy cái tinh-thần Nho-học làm cốt-yếu cái tư-tưởng của dân-tộc nước Nhật.

Phật-giáo truyền vào Nhật-bản, so với Nho-giáo lại không giống nhau. Tư-tưởng Phật-giáo, nào là vị-lai, đạm-bạc và bình-đẳng ; nào là vô-hình, vô-ngã ; sánh với những sự hiện-thực của Nhật-bản, nào là đa-dục, và giai cấp tư-tưởng, thì thực khác nhau, nên không thể rung-hợp được.

Đương lúc Phật-giáo mới tràn vào, Triều-đình và những người quyền-qúi nước Nhật, chia ra hai phái : « sùng-tín » và « bài-sích ».

Phái « bài-sích » cho là Phật-lý làm phương-ngại Thần-đạo, ngay như nhà vua xưa nay quen sùng bái tổ-tiên bấy giờ cũng không chịu tán-thành.

Phái « sùng-tín » thì cho là Phật-giáo là một thứ tôn-giáo thế-giới cộng-đồng tín-ngưỡng, Nhật-bản sao nên kỳ-thị. Trải bao nhiêu sự tranh-chấp và điều-đình, về sau mới đem được cái đại-thể của Phật-giáo tồn-lập ở xã-hội Nhật-bản.

Thế mới biết cái linh-hồn của Phật-giáo được xuất-hiện trong nước Nhật-bản, đều là người Nhật-bản đem cái cốt-tủy thần-đạo thay đổi mà ra. Xem như lúc giải Phật-điển, mà lại đem chữ « trung-quân ái-quốc » phụ vào, có phải là khác hẳn cái tinh-thần của Phật-giáo không ?

Trong Hoàng-phái Nhật-bản sùng-tín Phật-giáo hơn cả, là ông Thánh-đức Thái-tử. Ông Thánh-đức Thái-tử là con cả vua Dụng-minh Thiên-hoàng, là người thông-minh học rộng, tin Phật-giáo lắm, đời bấy giờ gọi là Thánh-đức Thái-tử.

Bấy giờ Thái-tử chú-thích kinh nhà Phật, dựng làm tự-viện các nơi, phép phật lầu thông, chung-thán không lúc nào trễ nhác.

Năm thứ 11, đời Suy-cổ Thiên-hoàng Thái-tử khâm định 17 điều hiến-pháp, truyền-bá cho đời sau, tức là lấy Phật-lý làm cơ-sở, mà tham-đinh những Thần-đạo, Nho-đạo và Hoàng, Lão các đạo. Trong tôn-giáo-sử nước Nhật-bản, Phật-giáo và Thần-đạo-giáo không sung-đột nhau, thực là khởi thủy từ lúc này.

Kể đến tôn-phái phật-giáo nước Nhật hiện nay, thì có : Thiên-thai, Chân-ngôn, Chân-ngôn-luật, Luật, Tĩnh-đỗ, Lâm-tế, Tào-động, Hoàng-tích, Chân, Bản-môn, Bản-môn pháp hoa ; Nhật-liên, Hiển-bản-pháp-hoa, Pháp-hoa, Bản-riệu-pháp-hoa, Nhật-liên-chính-thời, Rung-thông-niệm-phật, Pháp-tướng và Hoa-nghiêm, cả thảy hơn hai mươi tôn, phân ra đến bốn mươi phái.

Số tự-viện có 71.681 sở ; phật-đường có 36.109 sở. Xem thế đủ biết cái thế-lực phật-giáo không phải là nhỏ vậy.

Tôn-giáo Cơ-đốc mới mấy đời gần đây truyền vào Nhật-bản vì cái giáo-nghĩa ấy chủ-chương cái chủ-nghĩa « Thiên-quốc » không chủ-trương cái chủ-nghĩa « Đế-quốc » ; vả lại cái căn-bản tôn-giáo ấy, thường hay bài-bác tôn-giáo khác, cho nên phải xã-hội công-kích nhiều. Vẫn hay rằng hiến-pháp nước Nhật đã định điều-lệ « tự do tin giáo » song những người trong Triều ngoài nội, ai cũng coi lãnh-đạm khinh thường, mà ngay như những người tín-đồ Thần-đạo-giáo và Phật-giáo, cũng hay bài-bác Cơ-đốc-giáo, gây ra những việc phá-hoại nhà giáo-đường ; ẩu-đả người giáo-sĩ. Nếu không phải những người nước truyền-giáo là người nước phú-cường như nước Anh nước Mỹ, thì cái danh-mục Cơ-đốc-giáo, không thể nào còn lưu trên xã-hội Nhật-bản được.

Từ cuối đời Đức-xuyên đến nay, đã bao năm rồi, mà hợp cả Thiên-chúa-giáo, Gia-tô-giáo và Phúc-âm-giáo cả thảy đến hơn hai mươi giáo-phái, mà mới lập được 1400 nhà giáo-hội, tín-đồ chưa được 20 vạn người. Thế mới biết tôn-giáo Cơ-đốc cũng khó lan rộng trên xã-hội Nhật-bản thực.

(*còn nữa*)

NGHIÊM-XUÂN-LÃM

Người ta lấy vợ, không nên bắt vợ làm nô-lệ cho mình, cũng không nên đem mình làm nô-lệ cho vợ.

* * *

Bao giờ những người nghe lời nịnh hót biết rằng lời ấy là vô-ích, là có hại cho mình, thì bấy giờ đời mới tuyệt cái giống người nịnh-hót.

* * *

Trách người không phải là sự dễ : trước hết phải làm sao cho người không trách được mình.

Thần-kinh thắng-cảnh

Bài ký chơi chùa Túy-vân và làng Mỹ-lợi

(Tiếp-theo)

Tôi đương viết bài ký chơi núi Túy-vân, mà ngừng lại không nói lại nói đến chợ-búa, buôn-bán, cảnh-vật làng Mỹ-lợi ròng dài lôi thôi đến mấy tờ rồi, khiến cho độc-giả phải chán ; vì tánh tôi thích những việc kinh-tế của xã-hội, mà thấy sự cư-tụ thương-mại của làng Mỹ-lợi có lắm điều thích-hợp với sự kinh-doanh thương-mại ; cho nên tôi mới ròng dài vừa ký-thuật vừa nghị-luận ra như thế. Tưởng độc-giả chư-tôn cũng lượng cho, nếu nói những sự ký-ức mà không có nghị-luận tư-tưởng thời dẫu cảnh-sắc có xinh mà cũng chẳng bổ-ích gì.

Gần mười giờ lại xuống thuyền để lên Túy-vân.

Thuyền ra khỏi bến thời ăn cơm. Thuyền đi trong lạch gặp khi ngược gió, chạy vác, chạy gánh không được, chèo chống cũng không xong, thuyền bị gió bẻ nặng trì trì, người trong thuyền buồn rức rức, sau phải đóng giây, người bỏ chèo lội xuống nước kéo. Thuyền từ từ đi một hồi lâu mới ra khỏi lạch ; rồi mới cheo buồm chạy vác. Xem trong thuyền những lèo lái, chèo chống mui dè đều dùng bằng cách cột trói lôi thôi, thực không có một chỗ nào là có chút then-chốt mánh-lới cho linh-lợi để phòng khi trái gió ngược sóng cho khỏi lo. Bọn thủy-thủ trong thuyền khi gặp sự trắc trở kêu gọi nhau có giọng luống cuống, có vẻ kinh-khiếp, hình như mới gặp sự trắc-trở một lần đầu. Chẳng có thấy hiệu-lịnh gì để sai khiến cho linh-lợi trong những công việc tầm-thường ấy, xem như một cây đèn, đến khi thắp phải người giữ và che cho khỏi ngã và khỏi tắt, chứ không chịu sắm một cây đèn treo có lồng gương. Có lẽ nước ta tự bỏ được chiếc thuyền độc-mộc (thuyền-mỗ) chi hậu, mà đóng được chiếc thuyền lối này, kể đã có mấy trăm năm rồi mà không tiến-hóa thêm được chút gì, văn-minh nước ta thiệt có trước người, mà phải bị cầm chừng, như người Tây đã nói quả là thiệt vậy.

Thuyền đi chậm lắm, ngồi buồn xem bọn chài chấn sáo dưới nước mà đánh cá, lại nhớ đến bài « Túy-vân-khúc » của ông Mộng-si. Nguyên tiên-sinh là một bậc thi-ông ở Thần-Kinh. Làm một bài văn có thể gọi là tuyệt-tác, văn-chương tao-nhã mà ý-tứ huyền-diệu thâm-thúy vô cùng. Đây tôi xin kể lại ít câu :

. . . . . .

Bao la trời bể nước mây,
Sắc chàm mới hớt nhuốm say một màu.
Chiếc ngư-phủ buông câu bãi-lục,
Tiếng địch chiều rồi khúc thương-lang.

. . . . . .

Giọng nỉ-non con buôn khéo hát,
Khúc hải-hồ rải rác bên sông.
Khách vui ta có chạnh lòng.
Mới hầu thế-giới cũ vòng giang-sơn. »

. . . . . .

Trong một bài thi-luật của ông lại có câu rằng :

. . . . . .

Cá móng trộ (1) say dường khuyến rượu,
Chài buông tiếng sáo giúp nên thơ.
Giang-hồ cũng đội chung trời đất,
Thị-tử nào ham lợi sớm trưa.

. . . . . .

Ngồi trên thuyền buồn xem bọn chài đánh cá, họ ngâm nga những câu thi ca ấy còn gì bằng, bao nhiêu ý hay, cảnh đẹp đã tóm vào mấy câu ấy cả, mình hà tất phải ngâm vịnh làm gì; vả trong bài ấy còn nhiều câu hay lắm nói không xiết.

Khi thuyền chèo đã gần đến núi Túy-vân trông xa xa thấy cửa Tư-hiền và núi Linh-thái lại như trong khúc Túy-vân có mấy câu :

. . . . . .

Trông Nam nhớ đến mò-mò,
Kinh chìm bể Bắc, cáo rừa non Tây
Trời Nam-việt càng ngày sáng quắc,
Nhóm mảm sao vẳng - vặc chuôi Khuê.
Mỏ sóng lặng Tư-Dung cửa bể,
Bóng tinh-kỳ Võ-đế còn phơi.

. . . . . .

Khi thuyền đã đến gần, trông thấy chùa và tháp lại nhớ đến câu.

. . . . . .

Thánh-duyên bia dựng công trời,
Chùa kề mặt phá, tháp ngồi đỉnh non.

. . . . . .

Văn-chương có đủ điệu - khác, tinh-thần và cảm-khái, tài-tình thay!

(1) Trộ say : là sào vây cá có đóng cọc, cọc ấy bị sóng sao hay ngúc-ngắc : mấy bác chài gọi là cây say.

Bây giờ thuyền đã đến gần, trông quả núi không được to là mấy, hình-thế không lấy gì làm đẹp lắm, vì không phải là có kỳ-phong quái-thạch gì, mà là một hòn núi lài-lài, thấp-thấp, trên ấy cây cối trùm kín cả, phía dưới có giăm ba viên phục-thạch cũng không lấy gì làm lạ lắm. Chỉ có chăng là có mấy hàng cổ-tùng, nhánh-nhấp sà-nha, cỏ-quái, trông thiệt là đẹp ; lại nhớ đến câu thi của ông Mộng-sĩ :

. . . . . .

« Pháp-phới làn-tùng che tháp nhạn,
Dịu-dàng quạt gió thổi non-rùa. »

Chùa này tự đời xưa đã có rồi, nhưng chỉ một cái am nhỏ tên là Túy-vân-am. Đến đời đức Minh-Mệnh làm thêm to ra đặt tên là Túy-vân-tự. Đến đời Thiệu-Trị, Tự-Đức đều có làm thêm và sùng-tu lại cũng nhiều. Tự đó về sau, thời không mấy khi tu-bổ nữa, cho nên nay cảnh chùa tuy quy-mô vẫn còn, mà đã có chiều đổ nát nhiều nơi.

Trước bến bước lên có cửa Tam-quan, rồi đến cái hành-cung, nhưng cái hành-cung đã dỡ đi rồi, chỉ còn lại cái nền và mấy viên đá tảng. Bên hữu có hai cái bia đá, một cái dựng phía trong núi, khắc ba chữ là « Túy-vân-sơn », bia đã sắp đổ. Một cái nữa dựng phía ngoài có nhà che, trong bia có khắc mấy bài thi Ngự-chế đời Thiệu-Trị. Đại ý chỉ tả cảnh-trí núi Túy-vân và dầm Câu-hai, chớ không nói đến sự tích gì. Chứng ấy vật là nằm về dưới chưn núi.

Còn trông lên từng trên núi mới có chùa cao cửa lớn, có cổ-thành, tảng-thụ, quang-cảnh u-thúy cũng xinh lắm. Bước lên một lối cấp xây đá thiệt cao, hai bên có hai hàng-tùng, đọt cao chót-vót rồi đến một

cái Tam-quang đề là « Bắc-môn » vào cửa ấy thời có chùa đề là « Thánh-duyên-tự », chùa cũng to lắm ra giáng cổ ; qua một lớp thành nữa, lên một từng cấp cao nữa, thời có một cái các hai từng, dưới thờ Tam-thế trên thời thờ phật Quan-âm. Đứng trên các ấy trông xuống đẹp nhứt là lối đường cấp đi lên, khuất-khúc hai bên có tùng cao như làn-che ; lặng-lẽ không nghe một tiếng phiền-tạp gì, chỉ nghe thấy ù-ù tiếng tùng-reo ; thực là có vẻ tĩnh-mịch thanh-u. Tài nào những người chán-đời chẳng hay mến phật, tìm những cảnh này làm bạn để qua ngày tháng. Mà cũng lạ thật, nước ta hễ là nơi nào có thắng-cảnh, thời đều có nhà phật ở, có tháp phật, tụng kinh ; chẳng khác gì dưới trần-gian, từ nơi thị-tứ phồn - ba, cho đến những chốn cùng-thôn lậu-hạng, mà hễ có được độ vài mươi nóc nhà thời đã có một vài nhà chú Chệc buôn bán. Chỉ khác nhau có hai điều là các chú-Chệc thời ở những nơi náo-nhiệt ô-uế, mà các nhà phật thời ở nơi tĩnh-mịch thanh-cao; một đàng thời đem phúc đến cho người còn một đàng thời cướp lợi người mà đi.

Khá khen người Tây-trúc, tu mấy đời mà được phúc cao dày, được kẻ xa xuôi như nước ta mấy muôn dặm, cách trở mấy nghìn trùng, mà phụng-thờ trân-trọng đến cực điểm như vậy. Gẫm lại cũng nên biết ơn nhà phật lắm thay ! Xét như nước ta có nhiều nơi danh-thắng mà hầu hết những nơi danh-thắng ấy đến nay vẫn được bảo-tồn, có đường lên xuống vào ra, có nơi nghỉ ngơi chơi bời, có người dọn xén để cho tao-nhơn mặc-khách tới lui chơi bời ; ấy cũng nhờ có nhà phật ở, nhờ có một cái chùa hoặc có một cái miếu tọa-lạc vào một nơi nào, thời nơi ấy núi khỏi bị đốt, cây khỏi bị đẵn, đá khỏi bị đục, cảnh-vật tự nhiên không đến nỗi tàn ; các nhà thi-sĩ mới nhờ đó mà vun bón cho nền văn-chương, các nhà bảo-tồn nhờ đó mà truy ra sự cổ-tích. ấy cũng nhờ bóng-phật hơi-thần vậy.

Ôi, cái phật-giáo đối với nước ta rất linh-nghiệm thay !

Đứng trên các ấy trông xuống còn nhiều cảnh đẹp lắm, lại trông ra được rất rộng rất xa. Các làng như là Mỹ-lợi, Miêu-na, Vân-hòa, Mỹ-á, núi Linh-Thái, cửa Tư-Hiền đều trông rõ cả. Trên núi Linh-Thái có một cái tháp Hời cổ lắm, lại có một cái nền phong-hỏa-đài của ngày xưa tiền-triều dùng để phòng-kinh vì đứng trên đọt núi Linh-Thái có thể trông đến Kinh-đô.

Các làng ấy cây cối xanh um, mọc trên bãi cát trắng-xóa, xem như một mớ rau-sống đơm trên cái đĩa sành.

Đang khi đứng tư-tưởng, sực thấy một nhà-sư, mặt mũi gầy-gò như có bệnh-sắc, khoác cái áo dà-xa, lén sẽ bảo tôi rằng : « Tôi là từ giữ các Đại-từ này đây, xin thưa ông chớ có đứng lâu đây không tiện », rồi chỉ cho tôi xem cái mái nhà phía sau các ấy, thấy có rác và rêu mọc um-tùm, rồi bảo tôi rằng : « Ông xem đó thời biết cỏ rêu mọc đường ấy, mà tôi không dám ra dọn xén, vì dưới nầy kèo-cột có nhiều cái mục nát, muốn bỏ ra dọn dẹp, nhưng chỉ sợ sập đổ thời chết, bởi vậy mà xin ông chớ bước nặng chưn. » Tôi lại hỏi sao không bẩm bộ xin sửa sang lại ? — Ông đáp : « Đã xin nhiều lần, song không thấy sửa sang gì cả. »

Tôi nghĩ rằng độ trong năm mươi năm nữa sự tu-bổ bảo-tồn các đình-

từ miếu-vũ nước ta nếu không chú ý lại, thời may ra mỗi chùa e chỉ còn một cái tháp là may. Nhớ khi tôi lên chơi chùa Thiên-Mụ, xem trong bia đá kể số đình, tạ, lăng, các, đến hơn bốn mươi cái, mà tôi đếm hiện số còn đó thời chỉ độ tám chín cái mà thôi.

Người Thái-tây thường chê ta biết cách kiến-trúc mà không hiểu lẽ bảo-tồn, dầu có sức làm cầu qua sông-cái mà không có sức giữ-gìn cầu ấy cho được bền chặt, thời cũng như không làm; lời nói ấy chẳng ngoa vậy.

Tôi vâng lời ông từ dón đé bước xuống, nhìn xuống dưới gầm thấy có vài nơi đã lún, tôi khiếp lạnh cả mình. Vừa xuống thang vừa hỏi chuyện ông từ. Hỏi ở chùa nầy được mấy thầy, lương-bổng bao nhiêu, và nhờ ông từ đưa đường lên xem tháp và đình, ông từ đáp rằng: « Ở đây có bốn thầy và một vị hòa-thượng nguyệt-bổng là một đồng rưỡi còn lương chúng tăng thời được một đồng sáu xu.

Ôi! lộc-nước thanh-đạm thay! thiệt là xứng với cái tư-cách của nhà chùa tương-rau nâu-sòng suốt đời vậy! Lương ấy là lương từ ngày xưa, mỗi thầy là mấy quan tiền, mấy vuông gạo, đến sau bỏ gạo tiền mà trị thành số bạc, thời được mỗi tháng là một đồng rưỡi. Tự ấy đến nay lương-bổng các quan-lại nhà-nước đã cải tăng lên nhiều, mà lương các thầy vẫn thủ-cựu.

Các thầy ôi! cũng chớ nên ta-thán làm gì, vì phật-giáo đã chẳng bành-trướng lên, thời lương-lộc các thầy thế nào mà tăng-ích cho được như người?

Phật-giáo nay đã tiệm hói-lãnh dần đi, mà lương các thầy vẫn được cầm chừng như xưa khỏi bị tiêu-tán hói-lãnh như phật-giáo, ấy cũng còn nhờ phật-pháp độ-trì lắm vậy.

Đi một lối cấp cong-cong nữa, về phía tả thời tháp có chữ đề là: « Điều-ngự-tháp ». Tháp dầu có 3, 4 từng, cách xây đúc chắc chắn lắm. Trên ngọn tháp có cái pháp-luân của phật thường ngày luân-chuyển trông ba nghìn thế-giới huyền-vi. Nhưng nay bánh-xe ấy máy dã liệt, sắt đã mòn, không chuyển vào dâu được nữa, chỉ đứng trơ trơ gan chịu với phong vũ tàn-thời.

Gần tháp ấy chỉ lên giăm tầng cấp đá nữa, là đến đình Tiếng-sảng. Đình nầy rộng chỉ độ một gian nhà, bốn bề trông ra bể, trông vào đầm, trông xuống các làng lại được rõ hơn đứng trên Đại-từ-các kia. Đẹp nhứt là trông ra cửa Tư-hiền; núi Linh-thái; vui nhứt là xem bọn chài dưới đầm dăng-lưới đánh-sáo thành ra hình nọ hình kia, như một cái thủy trận, hoặc là một cái thủy-thành đời xưa vậy. Trông thấy mấy chiếc tròng nhao chở cá mà thèm gỏi, trông thấy mấy hàng dừa làng Mỹ-am mà khát nước. Gần chưn núi là dân cư chợ-đình đông-đúc, phía ngoài là bể thẳm mù mù, phía trong là đầm rộng thênh thênh ba bề núi xanh như nhuộm, nơi gần nơi xa đều có thú vui cảnh đẹp cả. Xem mãi không chán, nếu tiết hạ-thiên mà được lên đứng đây thời khoái-lạc dường nào.

Người Thái-tây đến tiết nóng-nực, muốn tránh nắng phải kiếm một dọt núi cực kỳ cao, bờ bể cực kỳ rộng mà ở, để hóng gió mát, hớp không-khí mới, những lẽ đó toàn là thiết-thực với cái tình-tình người Tây; người mình hiếu-kỳ cũng bắt chước, mà khi đi đến nơi không hợp cảnh, lại phải trở về. Có người

lên núi Bà-nà cho là cảnh khổ, chịu không nổi khí thích-hợp của người Tây là cái khí lạnh lạ lùng. Cả ngày phải trùm tai quấn mền nằm co không dám bước ra. Đến khi về nhà cũng bất-đắc-dĩ phải tán-dương nói rằng khỏe-mạnh, chớ kỳ-thực thời bại hứng phần nhiều. Đến năm sau không thấy cao-hứng đi Bà-nà nữa. Tưởng chỉ nên nói rằng lên Bà-nà mà xem cho biết cái độ cao, cái thú hứng của người Tây thời nhiều, hơn là nói lên thưởng khí lạnh, hớp không-khí sạch, thời e không đúng. Có người ra cửa Tùng, cửa Việt, cho là một cảnh sầu, chịu gió bể thổi không nổi, phải long-óc sổ-mũi ho cảm mà trở về. Các lẽ đó một là bởi cái tư-tưởng người mình phần nhiều hãy còn thấp, chưa có cái lòng chán ngán chỗ thành-thị lâu-đài, mà đi kiếm nơi thanh-cao tịch-mịch. Hai là khí-lực còn nhu-nhược, vẫn sinh-trưởng ở trong nhiệt-đái đã quen, không lấy khí nóng-nực mùa hè làm khó chịu là mấy, nay đột nhiên bước đến một nơi khí hậu, cảnh sắc thái quá tư-thường, khác nào một người cả đời ở gần bếp-lửa, mà thình lình đem ném vào một đầm băng, thời tài nào mà chẳng khổ chịu. Thiệt là « quế Thanh-hóa không chuộng, mà chuộng sâm Cao-ly; lụa Thái-bình không ưa, mà ưa hàng Thượng-hải. » Còn những cái tánh hiếu-thượng thanh-cao như người, sao lại chẳng bắt chước cho!

Vậy thời qua mùa hè muốn tránh nắng, thời chi cho bằng: thuê một chiếc thuyền, chèo xuống đầm Cầu-hai, nếu muốn đăng-cao lãm-thắng thời đã có chùa Túy-vân, núi Linh-Thái, muốn hóng mát đã có đình Tiến-sảng, bãi Mỹ-am; muốn hớp không-khí sạch; muốn ăn nghiêu-hến ngon đã có cửa Tư-Hiền; muốn cá tốt, tôm cua tươi đã có đầm Cầu-hai, chợ Mỹ-lợi; muốn ăn dừa ngon đã có làng Mỹ-Am, Mỹ-Á; muốn thú tiêu-dao nhàn-nhã đã có phong-cảnh làng Mỹ-lợi, đã nói trên kia.

Những câu tôi nói đây chẳng phải bịa đặt để nói cho thành-pho: song cảnh-vật xinh-đẹp lại còn hơn lời nói, mà đến các thực-phẩm lại vừa nhiều, vừa ngon vừa kẻ hơn các nơi. Sẵn thức ăn ở chơi bời, sẵn chỗ tiêu-dao ngâm-vịnh, mà không phải ở dâu xa, chỉ trong một vùng ấy cả, muốn đi đường thủy cũng tiện mà đường bộ cũng vui, thiệt là một chốn xinh đẹp mà tạo-hóa đã có lòng yêu riêng dành để cho người xứ ấy vậy.

Gần hai giờ chiều, người chủ thuyền giục tôi ra về; tôi bồi-hồi không muốn dời gọt.

Ông từ lễ-mạo tiễn tôi ra về. Tôi sực nhớ đến ơn ông đã chuyện trò và chỉ-thị cho tôi đủ việc. Tôi bèn tạ ơn ông bằng chút tình riêng mà từ-giã ông; xem ra bộ ông cũng biết khách đến viếng cảnh, chớ không phải khách đến mua phúc, cho nên ông cũng chẳng nài nhiều ít mà đưa tôi ra về.

Bước xuống thuyền gặp lúc thuận gió, buồm nọ, thuyền cỡi lên song mà đi. Đoái nhìn núi Túy-Vân mới trong giây phút mà đã xa vời, núi nhỏ dần lại, rồi biến sắc đi, trước là mùi lục sau là mùi túy, rồi sau lại hóa ra mùi đại mà lạt dần dần. Lúc đi về chỉ một lèo là tới nơi, chẳng như lúc đi qua thấy quả núi đã sầm-sầm trước mặt, mà thuyền đi hàng giờ chưa tới được gần.

Nào dừa-xanh, mía-đỏ, cam-vàng chất đầy trước mũi thuyền, ấy là thổ-sản làng Mỹ-lợi mà các thân-hữu tặng cho.

Thuyền đi như tên, chỉ trong một giờ thời tới bến, trở về chốn cũ.

Vân-phong, TÔN-THẤT-CHƯƠNG

BÀI DIỄN-VĂN
về Pasteur tiên-sinh

Pasteur tiên-sinh là một nhà học-tổ về các khoa sưu-tầm các bệnh-căn của nhân-loại, phương-danh lừng-lẫy khắp hoàn-cầu.

Cõi Đông-Pháp ta đối với ngày kỷ-niệm tiên-sinh không phải là không có can-thiệp chút nào đâu. Vì xứ ta đã có công lập phòng thí-nghiệm Pasteur thuộc về những phòng thí-nghiệm ở ngoài địa-hạt nước Pháp trước nhất. Mà không những riêng một xứ ta nên kỷ-niệm Pasteur *tiên-sinh đâu. Ngày nay hình như ở khắp hoàn-cầu, đâu đâu cũng thấy có phòng thí-nghiệm Pasteur cả, và đâu đâu cũng thấy những nhà cao-tài bác-học nghiên-cứu sưu-tầm, để nối cái công-nghiệp vĩ-đại của tiên-sinh đã đào-tạo.*

Bài diễn-văn về Pasteur *tiên-sinh sau đây là của ông* Lafferranderie *soạn, nay nhân dịp các nơi làm lễ kỷ-niệm tiên-sinh, nên đem lược-thuật lại để độc-giả chư-quân đồng-lãm, tưởng cũng là có bổ-ích vậy.*

Dịch-giả

Pasteur tiên-sinh chẳng những là một bực cao-tài vô-địch, mà cứ như những sự sáng-kiến có ích-dụng của tiên-sinh đã tìm-tòi ra, thì tiên-sinh lại là một nhà cứu-nhân độ-thế vào bậc nhất nữa.

I
Truyện-ký và phẩm-cách của Pasteur tiên-sinh

Pasteur tiên-sinh đã hi-sinh suốt đời mình để sưu-tầm về các khoa-học. Tiên-sinh sinh tại thành Dôle ngày 27 Décembre 1822, vào học trường Sư-phạm, đỗ tốt-nghiệp, rồi đỗ Khoa-học Tiến-sĩ ; đến năm 26 tuổi, tiên-sinh đã sáng-kiến được nhiều điều hay về các loài tinh-thạch. Tiên-sinh được lần lần bổ-dụng làm giáo-sư trường Lycée ở Dijon, các trường chuyên-nghiệp ở Strasbourg và Lille, làm Đốc-học về các khoa-học ở trường Sư-phạm, làm giáo-sư ở trường Sorbonne, đến năm 1860, tiên-sinh giảng-thuyết về sự phát-sinh tự-nhiên là vô-lý ; tiên-sinh lập-lý rằng : các bệnh chứng làm thối là do một thứ sinh-vật rất nhỏ, gọi là vi-trùng mà ra, ví như các chất đem ủ lâu thì thấy vậy. Tiên-sinh lại tìm ra cách làm dấm chua rất tiện-tợi, các bệnh rượu vang, rượu bia và con tằm ; đến năm 1881 tiên-sinh tìm ra thứ thuốc chữa bệnh lên đậu, năm 1885 lại tìm ra thứ thuốc chữa bệnh dại. Năm 40 tuổi tiên-sinh được cử vào viện Khoa-học Hàn-lâm, năm 50 tuổi vào viện Y-học Hàn-lâm, năm 60 tuổi vào viện Đại-pháp Hàn-lâm, tiên-sinh được hai lần nhà-nước ban thưởng, được các kỳ Vạn-quốc giảng-luận khoa-học học-hội hoan-nghênh, làm nên danh-giá vang-lừng. Đến ngày 28 Septembre 1895 thì tiên-sinh quỉ-ẩn, để lại cho hậu-thế « ngọn đuốc đã biết bao ánh hào-quang rực-rỡ ».

Pasteur tiên-sinh thường hay nói rằng : « Ta hãy làm việc. » Lại rằng : « Có ngày nào ta không làm việc, thì ta thấy hình như đã ăn trộm ăn cắp gì vậy. » Năm 1884 tiên-sinh có giảng cùng các sinh-viên trường Cao-đẳng Edimbourg rằng : « Ta nhớ kỹ lại trong đời ta, chẳng hề bao giờ ta gặp một người học-trò mà không bảo rằng : Ngươi hãy làm việc và hãy kiên-tâm ; sự làm việc thực có thể khiến cho ta vui-thú và duy chỉ có sự làm việc là có thể bổ-ích cho người ta, cho dân nước, cho nước nhà.... ».

Pasteur tiên-sinh đã cố để làm gương cho kẻ khác, đến nỗi chẳng quản hao-mòn sức-lực của mình. Năm 64 tuổi, tiên-sinh thú thực rằng suốt đời mình chưa vào qua nhà hát tới mười lần. Cả đời tiên-sinh sống thực chỉ là « những cảnh gia-đình lạc-thú, cùng những lúc cao-hứng có vẻ cay-nghiệt của sự nghiên-cứu. » Tiên-sinh thường hay ở trong một cái phòng thí-nghiệm rất nghiêm-cấm những kẻ lăng-nhăng đến phiền. Tiên-sinh là một nhà thí-nghiệm có tư-cách hoàn-toàn, tiên-sinh tìm được nhiều cách để thí-nghiệm thật là khéo-léo vô-cùng, khiến cho mỗi lần tiên-sinh làm cái thí-nghiệm nào, cũng chắc-chắn cũng phải được kết-quả hay. Ông tiến-sĩ Roux là môn-đệ tiên-sinh có nói rằng : « Phải được mục-kích thấy Pasteur tiên-sinh tay cầm ống kính hiển-vi, thì mới biết tiên-sinh có chí kiên-nhẫn mà khảo-xát, là nhường nào... Mắt tiên-sinh cận-thị mà không có hơi mảy gì là tiên-sinh không trông thấy. » Những sách-vở tiên-sinh biên-chép các việc thí-nghiệm, thì tiên-sinh giữ-gìn cẩn-thận lắm, và khi tiên-sinh đã tìm ra được đến hàng trăm điều thực chắc-chắn rồi, tiên-sinh mới dám đem ra mà quyết-nghị. Tiên-sinh chẳng những hay khinh-thường những điều thiết-dụ, mà tiên-sinh lại nghĩ rằng phàm là sự tìm-tòi thí-nghiệm thì tất phải có những ý-kiến đã chỉ-vẽ của người trước, như ngọn đèn chiếu sáng đưa-dắt người sau. Trong chỉ tiên-sinh lúc nào cũng chứa-chan những ý-kiến mới-lạ, vì tiên-sinh được có cái thiên-tính rất quí, là các ý-tưởng trong chỉ tiên-sinh bao giờ cũng vẫn rồi-rào. Cái thiên-tính đó là cái thiên-tính của các nhà sáng-tạo, nó khiến cho nhà bác-học cũng nên một tay kiện-tướng trong văn-đàn. Nhưng những ý-tưởng ấy, dầu có cao-thượng dị-kỳ đến đâu mà không thích-hợp với sự thực, thì tiên-sinh cũng sẵn lòng một lúc bỏ đi không tiếc nữa.

Tiên-sinh chỉ chuyên-chú nhất về nơi phòng thí-nghiệm của tiên-sinh mà thôi. Ấy cũng vì tiên-sinh khéo dung-hợp sự thí-nghiệm xác-đáng với những tư-tưởng mới-lạ của mình, mà tiên-sinh đã sáng-kiến và định được nhiều lẽ thần-tình về các lý-do bất-dịch.

Muốn nhận kỹ ra cái vẻ cao-trọng của sự-nghiệp và cái vẻ hoa-mĩ của tinh-thần loài người là thể nào, thì phải gác hẳn cái bác-vật-viện Pasteur nguy-nga tráng-lệ kia đã do tiền lạc-quyên lập nên trong năm 1888, mà nhớ đến chính cái phòng thí-nghiệm tồi-tàn của Pasteur tiên-sinh đã lập trong gác xép của trường Sư-phạm, khi muốn vào phải quì hai gối mới chui lọt cửa ấy. Ta lại phải hồi-tưởng lại những lúc tiên-sinh phải luôn luôn chiến-đấu để đem những sự sáng-kiến kỳ-khôi đạp đổ cái dư-luận của người đời, và chống-chỏi cùng những kẻ đa-nghi và bất-tín họ hay phản-đối lại rằng: «Hay lắm»

song không phải là thực dâu.» Tiên-sinh lại phải đối-phó cùng những kẻ bất-học vô-tài, họ lúc nào cũng sẵn lòng phá-hoại những sự-nghiệp lớn-lao ; đối-phó cùng những thầy lang dởm mà định cho họ một cái phương-châm mới về nghiệp thuốc-men, nhất là phải đối - phó với những nhà bác-học ngoại-quốc,như những ông Liebic, Tiến-sĩ Koch,mà khi tiên-sinh đã đem ánh hào-quang mới chiếu-diệu trong cõi nhân-hoàn này, thì các điều lập-pháp của họ trước phải tiêu-diệt đi hết cả. Sau hết ta lại phải nhớ đến khi tiên-sinh phải cơn họa-biến trong gia-đình,là khi ba cô con gái yêu-dấu của tiên-sinh lần-lượt từ trần, mà tiên - sinh một lòng kiên-nghị, lại chăm - chỉ vào những sự khảo-xát mới, để lấy đó vùi sầu lấp thảm. Đến năm 46 tuổi, tiên-sinh phải bệnh bán-thân bất-toại, mà vài hôm sau khi mới đau tiên-sinh cũng còn có thể nằm ở giường bệnh mà đọc cho người ta chép một bài về các chứng - bệnh của loài tằm, về sau trong bản của viện Hàn-lâm khoa-học xuất-bản cũng cứ để gần nguyên như thế.

Người ta nói rằng : Pasteur tiên-sinh có một cái tin-đức có thể làm lay non chuyển núi, một tấm lòng nhiệt-thành quả-quyết, khiến cho làm nên những sự-nghiệp lớn-lao. Khi tiên-sinh được hoan-nghênh vào tòa Hàn-lâm Đại-Pháp, trong bài diễn-văn tiên - sinh có nói rằng : « Sung-sướng thay ! kẻ nào trong lòng thường tưởng-vọng một Đức Chúa-Trời,một ý-tưởng về cái đẹp nó vâng lệnh mình, là cái ý-tưởng về mỹ-thuật, về khoa-học hay về Tổ-quốc. Đó toàn là những nguồn-gốc rực-rỡ của những tâm-chí cao-thượng và những công - nghiệp vĩ-đại vậy.

(Còn nữa)

NHẤT-TRAI *dịch-thuật*

Lợi ai cũng muốn có, nhưng nếu cứ thấy lợi mà muội lòng đi, thì vị-tất đã được thực lợi.

Vị-tất đã thực lợi, mà mình cũng cứ muốn, thế gọi là «tham».

Tình ai cũng muốn có, nhưng nếu cứ thấy tình mà hip mắt lại, thì vị-tất đã được thực tình.

Vị-tất đã thực tình, mà mình cũng cứ muốn, thế gọi là « si ».

Đã tham lại si, giá-trị còn chi !

Ai tình ? ai lợi ? biết chăng thế thì. . . .

Hỏa-lân ở đâu mà ra?

Cứ theo như lời La-Phần (Raphael) tiên-sinh là một nhà sinh-lý-học cắt nghĩa thì hỏa-lân là một thứ ánh sáng sinh ra bởi những loài vật và bởi những loài cây. Ta thường thấy những vật sinh-hỏa-lân ở trên cạn và ở dưới biển, song những vật ở dưới biển thì bao giờ cũng nhiều hơn.

Những ánh sáng sinh bởi loài cây, về mùa thu hay có ở những cái lá rụng xuống đất,cái ánh sáng đó sinh bởi những cái nấm (vú) phủ ở ngoài cái lá hoặc là bởi những giống vi-trùng mỏng tý, ta thường gọi là loài sâu sinh ánh-sáng (les photo-bactériacées). Những ánh sáng lân-sinh bởi loài cây thì ít khi có lắm, và ánh sáng lân-sinh bởi loài vật thì rất nhiều.

Những loài trùng sinh ánh-sáng (les photobactériacées) không những chỉ bám vào các lá cây khô mà thôi, mà ở những loài vật chết rồi cũng nhiều khi có. Trong các lò sát-sinh thường hay có nhiều những trùng sinh-lân có khi cái ánh sáng nó lan cả sang thịt lợn và hồi lâu mới tan. Nhưng trừ ra khi nào thịt biến mùi thì tự nhiên nó tiêu tán đi hết.

Hỏa-lân là một chất rất cần cho giống vật nào sinh ra nó lắm.

Có con vật lấy nó làm một cái đèn để đi kiếm ăn hoặc để cùng giao-du với vật đồng-loại,và để tránh những vật cừu-địch và những sự nguy-hiểm v. v.... song có lẽ lại là tự làm cái mồi đem hiến vật bên thù, hay là một cái khí-dụng để che thân chúng trong khi gặp những loài vật mà chúng vẫn sợ sưa nay.

Thường thường những loài thủy-tộc như loài copépodes hay có cái biệt-tính có thể phun ra một thứ tia sáng. Thế mà khi nào có cái tia sáng phun ra thế, những vật cừu-địch lại chú-ý tìm đến ngày để ăn thịt.

Hỏa-lân ở ngoài biển mà có là bởi những giống vi-trùng ở tự do dưới nước, hoặc ở trong cát hay có, nhất là giống trùng (noctiluque miliaire). Những đêm trăng-thanh gió-mát về mùa hạ thì giống trùng đó hay nổi lênh-đênh trên mặt bể khơi. Cũng có khi nó nổi lên nhiều quá đến nỗi ngoài mặt biển trông tựa như một đám kem bằng tủy (crème gélatineuse) giầy có tới mấy ly, và mỗi phân khối nước (centimètre cube) có tới 1000 hay 1500 con trùng. Đám kem bằng tủy ấy trông thì hơi trăng-trắng mà lại xanh-xanh.

Khi nào sóng cồn lên thì cái ngọn sóng trông càng sáng lắm. Khi nào sóng to quá thì mới tan hết.

Kể những giống trùng sinh hỏa-lân hình lớn thì có giống Gorgones và giống Cennatules hay bám chặt ở dưới đáy biển; hai giống đó sinh nhiều ánh sáng lạ, làm thành ra đáy biển như một cảnh quang-lâm,trông rất quái-lạ thần-tình,tuyệt-diệu. Những tia sáng ở trong cái cảnh quang-lâm đó,chiếu ra khi thì tỏ, lúc thì mờ, lúc thì đương hồng thay ra tím, đang đỏ hóa vàng và xanh biếc.

Có loài trùng sinh hỏa-lân hễ động đến thì lại càng sáng lắm, ở trong những biển nông, những trùng sinh hỏa-lân thường súm nhau thành một đám rồi bay bám vào các tầu bè, trông như một lượt đèn nhỏ, lúc thì sáng xanh lúc thì sáng trắng, những nhà đi biển thường được mục-kích luôn. Những vật như cá mòng gà v. v... thường ít khi có hỏa-lân. Còn như những loài tôm thì lại nhiều con có hỏa-lân lắm.

Trên kia ta đã nói loài copépodes là một loài sinh nhiều hỏa-lân nhất. Các bộ-phận trong mình nó nhiều cái sinh hỏa-lân, cả hai mắt nó có khi cũng có hỏa-lân nữa.

Kể những loài trai, hến thì có loài Céphalopodes cũng sinh hỏa-lân. Những cơ-quan sinh lân của nó rất nhiều, có khi hầu khắp thân-thể có khi giồn thành một chỗ.

Loài Histioleuthis bonelliana mỗi đầu chân lại có hỏa-lân, có thể soi khắp sung quanh mình được. Loài Leachiacyclura có sáu cái cơ-quan sinh hỏa-lân ở gần mắt.

Loài cá cũng nhiều con có, như loài mélanocète de Johuson, phải ở sâu dưới nước từ 2.520 cho tới 4.789 thước, trên đầu

có một cái vòi, đầu cái vòi ấy có thể sinh hỏa-lân được; loài malacostée choristodactyle, ở sâu dưới nước từ 1.400 cho tới 2.200 thước, hai đầu mỗi bên có một cái cơ-quan sinh hỏa-lân và hai bên mình đều có những cái nốt nhỏ, cũng là nốt sinh hỏa-lân được. Loài stomices boa, phải ở sâu dưới nước ít ra cũng 800 thước, hai bên mình cũng có mỗi bên là ba hàng cơ-quan sinh hỏa-lân và râu nó cũng có hỏa-lân.

Loài vật ở trên cạn thì có con giời leo và các loài sâu bọ khác nữa.

Ở miền nam Âu-châu có một loài sâu, mình sam-sám đen-đen, dài ước một phân tây, tên là (lucioles) dưới bụng có chất hỏa-lân sáng, mà cái ánh sáng đó lại hình như tự-ý con vật muốn cho sáng thì được sáng, không cho sáng thì không sáng, cứ từ 9 giờ tối cho đến 11 giờ là bay ra có tới hàng mấy trăm con, trông như sao băng, có lúc sáng chưng lên, có lúc lại tắt phụt đi.

Những vật sinh hỏa-lân tên là « pyrophores » thì ở bên Tân-thế-giới (Nouveau Monde) — nhất là ở nam Mỹ-châu và ở quần-Antille hay có những loài sâu, có hai cái cơ-quan sinh-lân ở trên lưng và một cái cơ-quan sinh-lân ở dưới bụng.

Ban ngày thì nó nấp cả ở dưới lá cây, tối lại bay ra lập-lòe sáng, bên ta thường gọi loài sâu đó là con đom-đóm.

Loài đom-đóm cũng có hai giống: giống đực và giống cái. Đom-đóm đực thì có cánh và sinh được ít hỏa-lân không bằng đom đóm cái, vì rằng đom đóm cái thì có những sáu cái cơ-quan sinh hỏa-lân mà đom đóm đực thì chỉ có hai.

Đom-đóm cái tức là giống sâu đất ở bên ta vậy. Về mùa thu và mùa hạ; nó thường bay bò ở những đống hủ-thảo (cỏ nát) như đống bẻo, thỉnh thoảng lại lật bụng lên có ý tỏ nó là loài vật sinh hỏa-lân đấy.

Ánh sáng hỏa-lân sinh bởi tự trong những viên (cellules) mà ra, và tùy theo vật có một viên uni-cellulaire) hay là nhiều viên (plucicellaire), còn cái mầu ánh sáng thì theo giống vật thường cũng có giống vật mà mầu ánh sáng khác nhau là bởi tại hoàn cảnh (le milieu) thường lại có khi mỗi tuổi cái ánh sáng của con vật lại một khác. Có một điều lạ là có khi cái ánh sáng hỏa-lân của một con vật mà cũng thấy đổi mầu luôn.

Nhờ có những loài vật sinh hỏa-lân mà ông giáo-sư R. Dublois có thể làm cho một cái hầm sáng suốt trong mấy ngày, ở tại kỳ Đấu-xảo Vạn-quốc ở thành Paris năm 1900.

Ở bên Đông-dương ta, bên Ấn-độ và ở xứ Malaisie có một thứ chim rất hay bắt những loài sâu sinh hỏa-lân. Khi nó làm song cái tổ hình tròn như cái trai của nó song rồi, nó bèn đi kiếm sâu sinh hỏa-lân về để cả sung quanh sườn tổ nó, không biết nó định để thế cho sáng tổ nó, hay là nó định dùng để trấn áp quân thù, cái đó không rõ.

Người ta cũng có nhiều người lợi-dụng hỏa-lân. Như ông R. Dublois là người dùng trước nhất.

Trong thế-kỷ thứ mười sáu có người đi du-lịch ở miền nam châu Mỹ, về thuật rằng: những dân-tộc ở miền đó, trong thời bấy giờ họ thường hay dùng hỏa-lân làm một thứ lửa để soi.

Họ dùng những con sâu sinh hỏa-lân làm đèn hiệu riêng trong lúc binh đao. Họ bắt lấy những con trùng sinh hỏa-lân đem gài vào cổ áo hoặc vào đầu, để tối tăm nhận nhau cho rẻ và để soi đường trong lúc tối tăm.

Bên Tân-thế-giới những dân bà sinh-trưởng ở xứ Havane lại còn dùng nó làm chuỗi hạt đeo cổ hoặc làm đôi hoãn đeo tai nữa. Hoặc có người lại khâu một cái túi con tỷ bằng vải mỏng, bỏ nó vào rồi khâu lên tràng áo. Lại cũng có người đem sâu nó vào những cái lồng chim gài mái tóc cho đẹp.

Đến khi dự tiệc về, những con trùng sinh-lân nhọc mệt không còn ánh sáng nữa. Thì lại thả xuống nước cho nó nghỉ ngơi mát mẻ rồi bỏ vào một cái lồng con cho nó ăn mía.

Những người Âu-châu cũng muốn bắt chước những người sinh-trưởng trong xứ thuộc-địa này, mà cũng bắt những con đom đóm bản-thổ (les lucioles) để dùng, song không sáng bằng những con trùng sinh hỏa-lân ở bên thuộc-địa, nên cái đó lại không được thông hành.

DỊCH-THUẬT GIẢ

VĂN THƠ

Tự chào

(Của cụ Tam-nguyên An-đồ)

Thì giờ thấm thoắt tựa chim bay,
Ông ngẫm mình ông, nghĩ cũng hay.
Tóc bạc bao giờ không biết nhỉ ?
Răng lòng ngày trước hãy còn đây.
Câu thơ chưa được, thưa rằng được,
Chén rượu say rồi, nói chửa say.
Kẻ ở trên đời lo lắng cả,
Nghĩ ra ông sợ cái ông này.

Vịnh con cò mổ con trai

Trai dâu chẳng biết tính con cò,
Mày hở hang chi, nó mổ cho.
Chỉ cậy đầy mu không sợ cắn,
Những toan dài mỏ chực ăn to.
Thôi về bãi bể cho êm - ấm,
Để mặc bên sông nó gật-gù.
Cò trắng có khôn đành gác mỏ,
Trai già chờ nắng sẽ phơi mu.

Ngẫu hứng

Năm nay tớ mới bảy mươi tư,
Rằng lão, rằng quan, tớ cũng ư.
Lúc hứng đánh thêm vài chén rượu,
Khi buồn ngâm láo mấy câu thơ.
Bạn già thửa trước, nay đâu cả ?
Việc cũ mười phần, chín chẳng như.
Cũng muốn sống thêm mươi tuổi nữa
Thử xem mãi mãi thế này dư.

NGHIÊM-XUÂN-LÃM *sao lục*

Dạo cảnh đêm thu

Kìa bóng gương-nga tỏ lọt mành,
Bốn bề bát ngát cảnh sinh sinh.
Kim-phong hây hẩy mai gày vỏ,
Mặt đất lơ thơ cúc lần quanh.
Vơ vẩn canh khuya người với bóng,
Nhớn nhơ nguyệt sáng cảnh sinh tình.
Khuôn xanh bầy đặt hay hay nhỉ ?
Kìa bóng gương nga tỏ lọt mành.

Thương gái cuối xuân

Buồn tênh có gái lúc xuân cùng,
Trông quả mai già dụng tứ tung.
Giáng bạc vốn là hay dắt díu,
Má hồng sao nỡ để long đong ?
Hắt hiu gối chếch cơn sương lạnh,
Bằng-bỡ lòng son trận lửa nồng.
Nói truyện cùng ai, ai biết truyện ?
Hạt mưa lún phún ngọn đông phong.

ÁI-LIÊN BÙI-MIỄN-QUÂN

Vịnh hai bà Trưng

I

Lược-thao rỏng Võ-tướng.
Nổi tiếng gái nhà Hồng.
Chí-quyết em cùng chị,
Ơn đền nước với chồng.
Trời Nam gây nghiệp chúa,
Đất Bắc khiếp uy-hùng.
Lẫy-bẫy còn ghi dấu,
Nghìn thu lớp sóng trong.

II

Tham-bạo chàng Tô khéo nỡ lòng !
Thù này bà chẳng đội giời chung.
Đồng-tâm với chị đền ơn nước,
Quyết-chí cùng em giả nghĩa chồng.
Xoay lại non-sông nhà Xích-quỉ,
Nối ròng Vua-chúa giống Tiên-long.
Hai nghìn năm lẻ gương còn đó,
Con cháu kia ai có nhớ không ?

Vịnh quả Địa-cầu

Ai nặn cho nên quả Địa-cầu ?
Xoay quanh xoay quẩn đã bao lâu.
Năm châu xum họp người năm giống,
Bốn bể mênh mông nước bốn mầu.
Cây cối đã già, phương Tế-á,
Non sông như vẽ, xứ Tây-âu.
Buổi đời có lẽ văn - minh nữa,
Ta cũng nên đi khắp ngũ-châu.

Vịnh ếch

Các loài da-lạnh, ếch là hơn,
Ỷ-ọp năm canh nổi tiếng đồn.
Sinh-sản trên bờ đều những trứng,
Vẫy-vùng dưới nước lúc còn non.
Ngồi-lì đáy giếng chê giời nhỏ,
Thủ-hiểm trong hang tỏ đất mồn.
Quen thú ao chuôm cùng bụi-rậm,
Thấy hoa râm-bụt tưởng mồi-ngon.

Vịnh hồ Hoàn-kiếm

Hồ này khai-tạc tự ai ra,
Trải mấy tang-thương vẫn đó mà.
Một mảnh gương trong lồng bóng nguyệt,
Nửa vành nước biếc rực màu hoa.
Muốn tìm thần-kiếm không dâu thấy,
Hỏi đến kim-qui cũng tếch xa.
Chỉ thấy chùa kia cùng tháp nọ,
Nghìn năm trơ đứng, tuyết sương pha !

Nghiêm-xuân-Lâm

Năm canh không ngủ

I

Trống chòi tiếng một điểm đầu canh,
Trước án khêu đèn đọc sử xanh.
Gương tốt người xưa ghi để lại,
Trông gương mà luống thẹn cho mình.

II

Thùng ! thùng ! ! trống đã đồ canh hai,
Càng nghĩ, càng như muốn chán đời.
Quanh-quẩn phòng-văn ngồi lại đứng,
Kêu sầu con dế dục lòng ai ?

III

Chuông mười hai tiếng, giữa canh ba,
Lặng ngắt sân khuya bóng nguyệt tà.
Hỡi khách da-sầu ai thức đó,
Hay là không ngủ một mình ta ?

IV

Ô kìa trống dục chuyển sang tư,
Thức mãi nghe như mắt đã mờ...
Đem ấm rượu tăm ra uống thử,
Say rồi ta hãy gọi hồn thơ.

V

Hồn thơ chưa tỉnh, đã canh năm,
Cố uống thêm vài chén rượu tăm.
Trời rạng vừng đông gà gáy sáng,
Năm canh thơ thẩn tớ quên nằm.

Nguyễn-Lê-Bông

Vịnh phong cảnh núi Gôi trong ngày hội

Gôi-sơn phong-cảnh khéo sinh thay,
Thợ tạo thêu riêng bức họa này.
Mặt núi cỏ-hoa nhuần giọt móc,
Đầu non hương-khói lộn từng mây.
Trong chùa nhộn-nhịp cô cùng cậu,
Ngoài cửa sôn-sao tớ với thầy.
Còn nước, còn non, con vẫn hội,
Chị em chầy hội lắm trò hay.

Phong cảnh chùa Tháp

Xa trông bát ngát mấy tòa nhà,
Không biết từ ai khéo dựng ra.
Chót-vót tháp cao, rêu phủ kín.
Le-te bia thấp, nét hơi nhòa.
Ao sen trước mặt, hương ngào ngạt,
Vườn cúc sau lưng vẻ dậm đà.
Trơ với nước-non cùng tuế-nguyệt,
Ngàn năm còn rõ dấu Đông-a.

Kim-giang Chu-thế-Hựu

Hát nói

NỢ

Mưỡu

Ai sinh ra cái nợ nần,
Vay vay, giả giả, mấy lần chẳng thôi.
Bao giờ giầu có mười mươi,
Để cho thiện-hạ lắm người đến vay.

Nói

Nợ đâu lắm nợ,
Giả đã nhiều, mà chẳng dỡ được là bao. Mốt ăn chơi vẫn phết giọng anh-hào, động không có lại vay cào vay cấu.
Văn-tự tay ngang chừng đã lâu, lãi bao nhiêu, chơi láo chẳng cần chi.

Khi cao lâu, khi rạp hát, khi kỹ-nữ, lúc ca-nhi, chơi cho thỏa, hết thì ta lại viết.
Giữ của bo bo mang tiếng kiệt,
Bạc chôn dầu chết nọ hơn ai.
Lễ tuần-hoàn bĩ cực tất thái lai, chẳng vỗ nợ chẳng ai giám kể.
Rồi cũng lúc tiền rừng bạc bể, món nợ xưa chẳng xuể có là bao !
Sét-ty nào những chú nào ?

Mộng tưởng

Nghe như đêm nảo đêm nào,
Mơ-màng ta thấy ta vào nhà ai ?
Nhà ai trông tựa lâu-đài,
Có người mỹ-nữ mày ngài, mặt hoa.
Môi son, mắt phượng, da ngà,
Gót hài rón rén bước ra mời chào.
Hỏi rằng chẳng ở nơi nao ?
Ở nơi hạ-giới, Thiên-tào chi đây ?
Lên đây đã được bao ngày ?
Dám xin tỏ bảo lòng này mới cam.
Rằng tôi quán ở Việt-nam,
Vẫn hay múa-mép thích làm thơ văn.
Bao nhiêu thời-sự còi trần,
Đã từng tỏ hết mười phần chuyện đời ;
Chỉ còn thiên-giới xa-xôi,
Không ai lai-cảo không người thông tin.
Trời cao cách mấy dặm nghìn,
May nhờ luồng gió đưa lên trên này.
Chuyện gì mách bảo cho hay ?
Cho phu lòng khách bấy chầy ước-ao.
Thưa rằng : chút-phận yêu-đào
Bấy lâu thiếp phải bận vào tiên-ban;
Vừa nghe có chuyện trần-gian,
Một người thiếu-phụ khiếu oan Thiên-đình :
« *Vì chồng ăn ở bạc tình,*
« *Sống thừa nàng phải deo mình xuống sông.*
« *Ngọc-hoàng nổi giận đùng đùng,*
« *Giao ra tòa-án hội-đồng cứu-tra.*
« *Nghị xong án mới tuyên ra,*
« *Bắt chàng bạc-hạnh hóa là kiếp « dê ».*
« *Truyền cho sứ-giả điệu đi,*
« *Đem về hạ-giới tức thì không lâu »,*
Thiếp nghe được bấy nhiêu câu,
Không hay dê ấy về sau thế nào ?
Dê con, dê cái được bao ?
Hẳn nay hạ-giới có nhiều thứ dê.
Nghe song ta đã toan về,
Để đem bá-cáo chuyện kỳ này ra.
Tiên-cô mời lại thiết-tha,
Chốc rồi lại hỏi lân-la mấy lời :
Rằng nghe hạ-giới các nơi,
« *Bình-quyền » hai chữ người người trước-ao,*
Sự kết quả ra làm sao ?
Hiện nay phụ-nữ nước nào giỏi hơn?
Ta nghe như giục cơn buồn !
Gượng cười mà phải đáp luôn mấy lời :
Rằng nay thế-giới các nơi,
Quần-thoa nổi tiếng nhất người Âu-tây,
Văn-chương, chức-nghiệp giỏi thay !
Lợi nhà ích nước lại hay đỡ chồng,
Khen thay gái đã có công,
Bình-quyền xướng-nghị cũng không thẹn rồi.
Đến như con gái nước tôi,
Kể bề nhan sắc chẳng tồi kém ai.
Chỉ vì dương buổi bán-khai,
Cho nên tư-tưởng cũng sai ít nhiều ;
Có người giỏi lối đong-điều !
Có người cờ-bạc phá-tiêu hại chồng !
Có người cậy của cậy công,
Chỉ quen bắt nạt « đức-ông » ở nhà!
Suy đi, xét lại, gần xa,
Bình-quyền nghĩa ấy dễ mà bàn chăng ?
Tiên-cô nghe nói vừa song,
Mới hay tin trước đồn xằng đó thôi,
Ta liền từ-dã mấy lời,
Thẳng lên xe-gió về nơi đất nhà.
Đồng-hồ báo thức khua la.
Tỉnh rồi mới biết là ta mơ-màng.

Nghiêm Xuân-Lâm

Lữ-khách hoài ngâm

Buồn trông tràng lận, sao mờ,
Hơi sương lạnh ngắt, mây lờ dờ bay :
Buồn trông ngọn cỏ, bóng cây.
Thướt tha trước gió rơi bay là vàng.
Một mình lưỡng lự canh trường.
Đoái trông chiếc bóng mà thương sót thầm.

Thương cho thân-thế phù trầm,
Lưu-ly đất khách, xa xăm phương trời.

Thương thân tủi phận bời bời.
Biết cùng ai giãi mọi lời bi-hoan.
Mơ-màng một giấc hương-quan,
Thần-hồn ai kẻ lo toan việc mình ?
Bẽ bàng duyên nợ ba sinh.
Lửa hương vắng lạnh, chung-tình san đôi.

Sân hòe ai nỡ chia phôi.
Đắng cay ai đó, ngọt bùi là ai ?
Non cao vọng trưởng hôm mai,
Ba xuân tắc cỏ lấy ai đó giờ,
Linh-phần trải mấy nắng mưa.
Cỏ khâu có lẽ đã vừa bao quanh.
Nỗi riêng, riêng biết một mình.
Khuôn-thiêng biết có thấu tình cho chăng !

Trải bao thỏ lận, ác vàng,
Hoàng-hôn thôi lại hôn-hoàng thế thôi,

Buồn trông cảnh-vật quê người.
Cảm tình lữ-khách nên vài bốn câu.

Mộng-Đào

Nhớ bạn

Nọi lữ-xá đêm xuân lạng ngắt,
Bóng thiều-quang thấm-thoắt đưa qua.
Kể từ đôi ngả cách xa.
Kẻ nam, người bắc, nghĩ mà buồn tênh!
Nhớ ai những một mình đằng đẵng.
Thú hữu-tình, vui chẳng ai cùng.
Kể từ non Tản tương-phùng.
Mấy lời tri-kỷ cạnh rừng có nhau,
Biết bao chuyện tâm-đầu ý-hiệp.
Nghĩa chi - lan giao - thiệp những ngày.
Từ khi xa cách bấy nay.
Tình riêng ngao ngán đêm ngày nhớ mong !
Nhớ những lúc văn-phòng trò-chuyện.
Nhớ những khi chuốc chén đầy vơi.
Cùng nhau trông mặt cả cười,
Trang thanh gió mát là nơi hữu-tình.
Nhớ những lúc lan-đình thưởng-ngoạn.
Nhớ những khi giang-bạn thừa-lương.
Cỏ hoa vui dẹp lạ thường,
Non-sông như vẽ, dạ càng thêm vui.
Mà nay bỗng xa xôi đất khách,
Trời một phương, trở cách quan-san.
Tình tình, cảnh cảnh chứa chan,
Xui người lữ-khách dạ càng ngẩn ngơ !
Thôi ngẫm nghĩ bây giờ thêm bận.
Bước trùng-phùng ắt hẳn mừng vui.
Còn trời, còn đất, còn người,
Còn non, còn nước, còn lời nước non.

Kim-giang CHU-THẾ-HỰU

CON MẮT TINH ĐỜI

NGHIÊM-XUÂN-LÃM *dịch-thuật*

Chuyện này là chuyện một người tài-nữ. Kể nhan - sắc thì thực là ngọc nói hoa cười, chim sa cá lặn ; kể văn-chương thì thực là thơ tài bảy bước, học đủ năm xe. Mà nhất là gặp bao những kẻ giả-trang danh-sĩ, toan đánh lừa để kết bạn trăm năm, mà cái tài thông-tuệ cái chí minh-đoán kia, không bao giờ phải mắc hợm. Mà quả nhiên kết-cục gặp người tài-tử, trăm năm chung-đỉnh, xum họp một nhà.

Rõ thực là :

Khen cho con mắt tinh đời,
Hồng nhan đà dễ mấy người thế ru ?

Hồi thứ I

Người tài-nữ thay cha đề thơ

Trong đời Chính-thống nước Tầu, có một người họ Bạch tên Huyền, quê ở Kim-long, thi đỗ, làm quan Thái-thường. Chỉ vì quan Tể-tướng bấy giờ là Vương-Chấn lộng quyền, nên Bạch-công mới từ quan giả ấn.

Bạch-công không có anh em gì cả, chỉ có một người em gái, gả cho quan Phó-sứ họ Lư ở tỉnh Sơn-đông. Ông là người trầm-mặc, không ham danh lợi, cũng không hay xu-phụ những nơi quyền quí ; chỉ thích ngâm thơ, uống rượu, ngày tháng tiêu-dao. Bởi vậy ông từ bỏ chốn kinh-thành, ra ở làng Cẩm-thạch cho được yên tĩnh.

Chỗ làng ấy chung-quanh những núi, lại thêm ngòi nước trong veo, nao nao dòng nước chảy quanh, trông hình thế như rồng xanh lượn khúc. Ngoài cái ngòi lại có cái đê, hai bên bờ đê lại những đào hồng liễu lục, rõ thực là phong - cảnh u-nhã, quả nhiên sơn-thủy hữu-tình.

Kể những bực phú-qui trong làng ấy, thì không ai được bằng ông; mà tài học văn-chương, ông lại rất có danh tiếng. Chỉ hiềm ngoài bốn mươi tuổi, chưa có con giai, dẫu có lấy thêm vợ lẽ, nàng hầu, năm ba năm cũng không ai sinh nở ; đến lúc cho đi lấy chồng khác, thì ai ai cũng lại có con. Bởi thế mà ông thở vắn than dài, cho là mệnh-số !

Bà phu-nhân người họ Ngô đi cầu thần lễ phật, chẳng thiếu nơi nào. Mãi đến năm tuổi bốn mươi tư, mới sinh được một người con gái.

Trước khi sắp sinh, ông có nằm mộng thấy thần-nhân, cho một viên ngọc, trông viên ngọc đỏ tia như mặt giời, nhân mới đặt tên là Hồng-ngọc.

Kể nàng Hồng-ngọc, thì nhan-sắc sinh đẹp lạ thường, mày liễu mặt hoa, tính tình sáng suốt, mới tám chín tuổi, mà những nghề kim chỉ, cũng đã thông thạo lắm rồi. Không may lúc mười một tuổi, mẹ là Ngô-phu-nhân bị bệnh qui-tiên, từ đó nàng lại chuyên nghề nghiên-bút. Quả nhiên khí thiêng non sông chung-đúc, đã có trăm phần nhan-sắc, lại có trăm phần thông minh. Đến khi mười bốn

mười lăm, đã chữ tốt văn hay, nổi danh một nhà nữ-học-sĩ. Lại được cha ưa thích nghề thơ, nên về phương-diện thơ từ, nàng lại thạo lắm.

Bấy giờ Bạch-công tự nghĩ : thôi ta đã được người con gái nhan-sắc thông-minh như thế, cũng chẳng lơi đâu cầu cạnh con giai làm gì ; chỉ mong sao kén được người để tài-mạo song-toàn, thế là mãn-nguyện.

Nhưng kén chọn như thế, mấy người đã được vừa lòng. Vì thế mà đến năm nàng mười sáu tuổi, cũng chưa kết duyên với ai cả.

Không ngờ Triều-đình gặp buổi can-qua, vua Chính-thống bị giặc bắt, vua Cảnh-thái lên ngôi, Tể-tướng Vương-chấn phải giết, bao nhiêu người Triều-thần cố-cựu lại triệu ra làm quan. Bấy giờ Lại-bộ lại cử Bạch-công làm quan Thái-thường như cũ. Trong lòng ông cũng không muốn làm nữa, song vì nhân-duyên của Hồng-ngọc chưa xong, mà nếu cứ khu khu ở chỗ hương-ấp này, thì làm sao cho kén được để hiền. Bất-nhược nhân dịp ta đi chuyến này, may ra tìm được người tài giỏi, cũng chưa biết chừng.

Chủ-ý đã định, Bạch-công chọn ngày đem Hồng-ngọc cùng đi. Khi tới Kinh-đô, vào triều bệ-kiến, song rồi tìm một nhà riêng để ở.

Không bao lâu đến trung-tuần tháng chín, có một người học - trò đem biếu Bạch-công 12 chậu cúc, bày ở trước cửa thư-phòng. Có thứ gọi là kê-quan-tử ; thứ gọi là tuý-dương-phi ; và có thứ gọi là ngân-hạc-hạm. Chậu nào cũng hương bay ngào-ngạt, bóng cây thấp - thoáng trước rèm thưa. Bạch-công vui vẻ xiết bao, ngày nào cũng vừa uống rượu vừa ngoạn-thưởng.

Một hôm Bạch-công đương thưởng cúc, thấy người nhà báo có quan Hàn-làm họ Ngô và quan Ngự-sử họ Tô đến chơi.

Nguyên Ngô Hàn-làn là em vợ Bạch-công, tên gọi Ngô-Khuê, hiệu là Thụy-am, lại cùng Bạch - công cùng ở một làng, là người rất trọng nghĩa-khí.

Tô Ngự-sử tên gọi Tô - uyên, tên chữ là Phương-hồi, dầu lúc đỗ Tiến-sĩ lấy tên-bạ ở tỉnh Hà-nam, nhưng nguyên-quán cũng ở Kim-long, lại đỗ đồng-khoa với Bạch - công. Ba người giao-tình rất hậu, mỗi khi việc quan nhàn-hạ, không người nọ tìm đến người kia, tất người kia tìm đến chơi người nọ.

Hôm ấy Bạch-công thấy nói hai người đến chơi, vội-vàng ra đón. Bạch-công vừa cười vừa nói : hai hôm nay hoa cúc đương nở, rực rỡ lạ thường, sao hai bác không đến thưởng-ngoạn với đệ ?

Ngô Hàn-làm nói :

— Đệ vẫn muốn đến thăm bác từ bữa nọ, chỉ vì lúc sắp đi, lại gặp quan Ngự-sử họ Dương mượn sửa bài văn chúc thọ phu-nhân quan Thạch Đô-đốc, nên hôm nay đệ đủ bác Tô cùng đi.

— Tô Ngự-sử cũng nói : mấy hôm nay trong nha nhiều việc, đệ không đến bác được, thực là có-phụ thì giờ qui báu biết bao !

Nói đoạn, ba người cùng vào thư-phòng xem cúc, quả-nhiên hương thơm ngào-ngạt, sắc vàng chen sắc tía, ai cũng khen ngợi vô cùng.

Bạch-công sai người nhà bày tiệc. Khi uống được vài chén.

— Ngô Hàn-làm nói : hoa này đủ cả các sắc, thanh-nhã khác thường, nhưng vẫn đối cái khí-vị tiêu-sái, khiến cho ai cũng đem lòng yêu kính, chẳng khác hai bác cùng đệ chút nào ; không như lão Dương Ngự-sử, chỉ hay tưng-nịnh những nơi quyền-quí, mong cho chóng được thăng quan, vị-tất đã khỏi hoa này chào - tiếu.

Bạch-công cười mà rằng :

— Tuy vậy, nhưng chỉ sợ họ lại cười chúng ta không biết cách làm quan:

Buổng văn hơi lạnh như đồng.
Cả ngày chỉ thích bạn cùng cỏ cây.

Tô Ngự-sử nói :

— Ừ mà họ cười chúng ta, để cũng có lẽ, chứ ta cười họ thì thực là sai.

Ngô Hàn-làm hỏi : Tại sao ?

Tô Ngự-sử nói :

— Chốn kinh-đô này vốn là cái trường danh-lợi, họ có lòng tranh danh đoạt lợi, thực là phải lắm. Còn như chúng ta thì không thế. Huống chi Bạch-huynh và tiểu-đệ, đều là hiếm hoi, hà-tất quyến-luyến ở đây, mua một tiếng cười với thiên-hạ.

Bạch-công thở dài mà rằng :

— Niên-huynh nói phải lắm.

Đoạn rồi, ba người uống rượu vui cười, chén đã ngà say, bất-giác phát ra thi-hứng. Bạch-công sai người nhà đi lấy bút nghiên, cùng Ngô Hàn-làm và Tô Ngự-sử làm thơ thưởng cúc. Vừa sắp làm, lại thấy báo có Dương Ngự-sử đến, ba người đều chán-nản cả, vì Dương Ngự-sử là người thế-lợi, không hợp ý với ba người. Bạch-công ngồi thừ một lúc, bất-đắc-dĩ phải ra cửa đón vào.

Nguyên Dương Ngự - sử tên là Dương-đình-Chiếu, người tỉnh Sơn-tây, cũng là bạn đồng - khoa với Bạch-công, vốn người ăn nói thô-bỉ, ghen-ghét những người hay, a-phụ với người quyền-quý. Lúc ấy Dương Ngự-sử, mới đến trước thềm, liền trách Bạch-công rằng : Tôi tưởng anh em bạn thì ai cũng thế, không nên coi ai hơn ai. Cớ sao bác có cuộc thưởng hoa, mà chỉ mời bác Ngô bác Tô, lại không bảo tôi một tiếng ? dễ tôi không phải đồng-khoa với bác hay sao ?

— Không phải thế, đệ vẫn sẵn lòng muốn mời niên-huynh đến chơi, song chỉ sợ qui-nha lắm việc, còn thì giờ nào mà chơi những cảnh tịch-mịch này ; ngay như bác Tô bác Ngô cũng là quá yêu ngẫu-nhiên mà đến. Thôi, xin bác hãng giải áo ngồi chơi.

Dương Ngự-sử cởi áo song, liền đi thẳng vào thư-phòng. Ngô Hàn-làm và Tô Ngự-sử đứng dậy đón chào.

Dương Ngự-sử chào lại Tô Ngự-sử mà rằng : Bác cũng khoảnh quá, cái cảnh-thú khoái-lạc thế này, sao bác đi một mình mà không dủ tôi. Rồi lại chào Ngô Hàn-làm mà rằng: Đa-tạ cái đại-tài của lão-huynh, vì lão-huynh sửa cho bài văn chúc-thọ sớm hôm nay đưa mừng phu-nhân Thạch Đô-đốc, ngài lấy làm mừng rỡ vô-cùng.

Ngô Hàn-làm cười mà rằng :

— Quan Thạch Đô-đốc mừng-rỡ, chẳng qua cảm cái hậu lễ của đại-huynh, vị-tất tại mấy câu văn-chương nước-ốc của đệ.

— Không, cái lệ nhà tôi đi mừng, chỉ có văn thọ, chứ có hậu lễ gì đâu.

Tô Ngự-sử vừa cười vừa nói :

— Đó, niên-huynh chỉ biết trách tiểu-đệ không dủ đi thưởng hoa, thế niên-huynh đi chúc thọ một vị phu-nhân, sao không bảo đệ.

— Nói đoạn, ai cũng cười ầm cả lên.

Đoạn rồi, Bạch-công mời ba người uống rượu.

Dương Ngự-sử uống vài chén, rồi nói với Tô Ngự-sử rằng :

— Hôm nay đi mừng thọ phu-nhân quan Thạch Đô-đốc, dẫu có dẫu niên-huynh, nhưng cái trò ở đời, tình-riện phải thế, chẳng biết có được thăng-thưởng gì không ? à này, đệ có một việc, muốn thương-nghị với niên-huynh, nếu giúp đệ một tay, thì chúng ta đều được việc thượng-hảo.

— Việc gì mà hảo thế ?

— Hiện nay bà qui-phi họ Uông được vua phong làm Hoàng-hậu, quan Đô-đốc là Uông-Toàn chắc hẳn được là quốc-thích, mới rồi thấy có một thửa ruộng tốt của dân, cách đô-thành hai mươi dặm, Uông-Toàn sai ngay người nhà tranh-chiếm. Hôm nay nha môn nhộn nhịp ai cũng muốn luận-tội Uông-toàn. Uông Đô-đốc nghe tin, lấy làm sợ-hãi, mượn người cầu tiểu-đệ che chở cho. Tiểu-đệ nghĩ những người trong nha-môn thì còn dễ xử ; chỉ vì có một bác Chu tính-khí cương-nghị, việc đã định làm là cứ làm, không sao nói chuyển, tôi nghe bác ấy tin phục niên-huynh lắm. Nếu niên-huynh nói giúp một tiếng, không những Uông Đô-đốc cảm tạ mà thôi, mà mình làm quan ở đây, có lẽ phải biết Uông Đô-đốc mới được, chẳng qua chỉ mất câu nói mà thôi, chứ có mất vốn lãi gì đâu. Niên-huynh ngẫm sao ?

Tô Ngự-sử trong lòng bực tức, liền nghiêm nét mặt mà nói rằng :

Nếu Uông-toàn cậy thế là quốc-thích, thiện-tiện chiếm ruộng của dân, không cứ bác Chu, ngay như tiểu-đệ với niên-huynh, cũng nên luận-tội hắn là phải ; cớ sao niên-huynh lại che đậy cho hắn, chẳng hóa ra vị thế-lợi quá lắm ru !

Dương Ngự-sử thấy Tô Ngự-sử không thuận, ngồi lặng yên không nói gì.

Bạch-công cười mà rằng :

— Tiểu-đệ ngỡ là Dương niên-huynh đến đây thưởng cúc, chẳng hóa ra chỉ vị Uông-toàn nói chuyện tình-riện mà thôi ! Thế mà còn trách tiểu-đệ không mời.

Ngô Hàn-lâm nói : Phong-cảnh đẹp đẽ thế này, chỉ nên uống rượu ngâm thơ là thú, chứ đem việc triều-chính bàn ở dưới hoa, thực là không tiện nên phạt Dương-huynh một chén rượu lớn, để tạ tội với hoa-thần.

Dương Ngự-sử bị Tô Ngự-sử trách nói mấy lời, đã là hổ thẹn ; lại phải Ngô Hàn-lâm và Bạch-công cười nói, có ý chê mình, bất-đắc-dĩ phải miễn-cưỡng nói rằng :

— Tiểu-đệ ngẫu-nhiên nói chuyện Uông-toàn, cũng là vô-tâm, cớ sao phạt rượu ?

Bạch-công nói :

— Nên phạt là phải, liền sai người hầu rót chén rượu rõ lớn đưa cho Dương Ngự-sử.

Dương Ngự-sử bưng chén rượu mà rằng :

Nếu ai có nói đến triều-chính, đệ cũng quyết không tha.

Ngô Hàn-lâm nói : Cái đó đã hẳn.

Dương Ngự-sử uống song, thấy trên bàn có bút nghiên, liền hỏi :

Sao ba bác cao-hứng làm thơ, mà không bảo đệ ?

Ngô Hàn-lâm nói :

— Vẫn có ý thế, nhưng chưa ai làm.

Dương Ngự-sử nói : Xin ba bác đừng tiếc lời châu ngọc, cho đệ phụng-bồi có được không ?

Bạch-công nói : Nếu Dương-huynh đã có ý ấy, sao không cùng vịnh một bài, để kỷ-niệm cái lương-thời mỹ-cảnh ?

Dương Ngự-sử nói : Đó, Bạch-huynh buộc tiểu-đệ sao ? cái nghề tám câu, bảy chữ này, đệ thực không sao làm nổi.

Bạch-công cười mà rằng :

— Cha chả, những bài trường-thiên chúc thọ, sưng-công tụng-đức những nơi quyền-qui, thì thực là thạo ; thế mà có một bài thơ mấy chục chữ, thì lại chối từ, à phải, thưởng cúc có thăng-thưởng gì đâu ! ! !

Dương Ngự-sử reo lên mà rằng :

— Nên phạt Bạch niên-huynh mười chén rượu ; như tiểu-đệ nói việc chính-sự thì phạt rượu ngay, có lẽ niên-huynh cũng nói, mà thôi không phạt hay sao ? Liền sai người rót một chén rượu lớn đưa Bạch-công.

Ngô Hàn-lâm nói :

— Đó là nói chuyện bài văn chúc thọ, không thể gọi là triều-chính được.

Tô Ngự-sử cười mà rằng :

— Văn thọ vẫn là văn thọ, thế mà cũng quan-hệ với triều-chính ; nếu không quan-hệ đến triều-chính, chắc Dương niên-huynh cũng không làm văn thọ chi. Vậy nên phạt Bạch-huynh lắm.

Bạch-công cười rồi nâng chén rượu uống cạn ngay. Liền nói : Rượu phạt đã uống rồi, còn việc làm thơ, chắc ai cũng phải làm, nếu ai lắm không xong, phải phạt mười chén rượu lớn.

Ngô Hàn-lâm nói : Có lẽ lắm.

Dương Ngự-sử nói : Hai anh đừng cậy tài cao, khinh thường tiểu-đệ. Ngày trước Thánh-thượng muốn sai người mời rước đức Thượng-hoàng, mà không ai dám đi, đó mới là việc khó : còn như uống rượu làm thơ, tưởng chẳng cần gì.

Tô Ngự-sử nói : Đó Dương niên-huynh lại nói việc triều-chính rồi, có nên phạt hay không ?

Bạch-công thấy Dương Ngự-sử nói những lời hèn nhát khó nghe, xúc-động tấm lòng trung-nghĩa. Nhịn không được phải nói :

— Dương niên-huynh nói thế, thực không có chút gì là khí-phách trượng-phụ ! Anh em mình làm quan ở đây, đều là thần-tử Triều-đình cả. Vô-luận phải trèo non vượt bể, nay đông mai tây, phải theo lệnh Triều-đình sai khiến. Nếu nay Triều-đình xuống chiếu, sai rõ tên người nào đi, ai giám từ chối. Cứ như lời niên-huynh nói, thế thì bổng lộc Triều-đình nuôi người để làm gì ?

Dương Ngự-sử cười nhạt mà rằng :

— Những lời trung-nghĩa, ai chẳng biết nói ; chỉ sợ có việc đến nơi, rồi lại chân tay dụng rời, không biết làm sao cho được.

Bạch-công nói : Nếu gặp việc khó mà đến nỗi chân tay dụng rời, thì chỉ là một người ngu không can-đảm mà thôi !

Ngô Hàn-lâm và Tô Ngự-sử thấy hai người có ý nói sói-móc nhau, đều nói rằng : lúc ban đầu đã giao hẹn không ai được nói đến Triều-chính, cớ sao hai bác lại nói hoài ? Vậy thì mỗi người phải uống hai chén rượu phạt bội hơn trước mới phải. Nhân sai tả hữu rót mỗi người một chén.

Dương Ngự-sử còn cãi lý chối từ.

Bạch-công đương cơn bực tức, không đợi Dương Ngự-sử nữa, bưng ngay chén rượu, uống một hơi cạn ngay ; lại sai tả hữu rót luôn chén nữa uống hết.

Uống song liền nói :

– Tiểu-đệ nói nhiều, phải phạt hai chén rượu, đã uống song rồi ; còn hai chén về phần Dương niên-huynh có uống hay không, đệ không giám ép.

Dương Ngự-sử cười mà rằng :

– Niên-huynh hà-tất phải tức làm gì, lẽ nào đệ lại không uống. Đệ uống song còn muốn theo đòi các bác học lối thơ hay nữa kia.

– Tô Ngự-sử nói : Nếu niên-huynh có ý hứng làm thơ, thì nên uống cạn ngay đi.

Dương Ngự-sử nghe lời, uống cạn luôn hai chén rượu, rồi nói : rượu tiểu-đệ đã uống cạn rồi, ba bác có ý làm thơ, thì xin ra đầu bài ngay, để cho đệ còn phải nghĩ dần.

Ngô Hàn-lâm nói : Bất-tất phải tìm đầu bài nào nữa, cứ lấy hai chữ « thưởng cúc » mà làm là hay hơn.

Bạch-công nói : Hôm nay tiểu-đệ không muốn làm thơ, ba bác có hứng, cứ làm.

Dương Ngự-sử nói gắt rằng :

—Bạch-huynh khinh người quá ! vừa rồi tiểu-đệ không làm, thì ép phải cùng làm ; nếu không làm, thì phạt mười chén rượu ; bây giờ đệ muốn làm, thì lại không thèm làm, thực là niên-huynh khinh tiểu-đệ quá. Nay đệ dẫu dốt đến đâu, cũng là đồng-khoa với bác, cũng có thể làm láo được mấy câu thơ, chưa đến nỗi bôi nhọ bác đâu ! Nếu bác định không làm, là bác tự phạm lỗi đó, nên phạt bác hai mươi chén, dẫu say đến đâu bác cũng phải uống.

Bạch-công nói : Đệ bằng lòng uống rượu phạt ; chứ bảo làm thơ thì quyết không làm xong.

Dương Ngự-sử nói : Thế thì còn nói gì nữa. Tả hữu lấy chén lớn rót rượu đi.

Tô Ngự-sử và Ngô Hàn-lâm còn muốn giải khuyến.

Bạch-công liền cầm chén rượu uống luôn mấy hụm cạn hết. Dương Ngự-sử lại sai rót nữa.

Ngô Hàn-lâm nói : Bạch-huynh không chịu làm thơ, phạt một chén rượu cũng đủ.

Dương Ngự-sử nói : Không được, phải uống đủ hai mươi chén mới song.

Bạch-công cười mà rằng :

Uống rượu thưởng hoa, vốn là cái lạc-thú của đệ, can chi đến bác, mà phải dục-dã như thế. Nói xong lại bưng chén rượu lớn nữa uống hết.

Dương Ngự-sử cũng cười mà rằng :

Không cứ có phải là thú vui của bác hay không ; có can chi đến tiểu-đệ hay không ? nhưng thế nào cũng phải uống đủ hai mươi chén.

Bạch-công uống luôn bốn năm chén, trong bụng bồn-chồn, có ý say lắm, ngồi không được yên, đứng dậy vào buồng trong lên giường đi ngủ.

Dương Ngự-sử toan xuống kéo lại.

Tô Ngự-sử ngăn mà rằng :

—Thôi Bạch-huynh uống vội luôn năm bảy chén, thế cũng đủ rồi, hãy để cho ngủ một lát.

Ngô Hàn-lâm cũng nói : nếu muốn phạt bác ấy nữa, hãy đợi chúng ta làm thơ xong.

— Nói đoạn, ba người đem bút giấy ra, đối hoa ngâm-vịnh. Rõ thực là :

Chén vui là bữa hôm nay,
Yêu hoa nên phải vịnh ngay mấy lời.
Nếu không bạn tốt thì thôi.
Làm chi thêm bận lòng người yêu hoa.

Lại nói đến Bạch-công từ khi phu-nhân qua đời, không lấy vợ lẽ nàng hầu chi cả, bao nhiêu công việc lớn nhỏ trong nhà, đều một tay Hồng-ngọc tiểu-thư coi sóc ; mà ngay như Bạch-công có những việc ngoài, thường vẫn thương-lượng với tiểu-thư cả.

Ngày hôm ấy những việc Bạch-công cùng Dương Ngự-sử tranh luận làm thơ, người nhà đã báo tiểu-thư rồi, tiểu-thư vẫn biết Dương Ngự-sử là người bất-chính, sợ cha cãy-bầy với hắn, gây mối họa căn ; nhân hỏi người nhà rằng : phụ-thân ta đã làm xong thơ chưa ?

Tên người nhà thưa rằng : Lão-gia nhất định không làm, bị Dương Ngự-sử ép uống năm sáu chén rượu lớn, Lão-gia say quá, hiện nằm ngủ ở giường.

— Tiểu-thư lại hỏi : thế bây giờ ông Dương ông Tô và cậu ta (Ngô Hàn-lâm) uống rượu hay làm thơ ?

Thưa cô, các ngài đều làm thơ cả ? Dương Ngự-sử chỉ đợi làm thơ xong, sẽ gọi Lão-gia dậy ép uống rượu nữa.

— Tiểu-thư nghĩ một lát rồi nói : mày sẽ ra lấy cái giấy viết đầu bài thơ đem đây cho ta.

Thưa vâng, rồi ra trước tiệc, nhân lúc mọi người không lưu-tâm, lấy ngay được cái giấy hoa-tiên để đầu bài thơ, đưa cho Tiểu-thư.

Tiểu-thư xem xong, biết là thơ « thưởng-cúc », liền sai đứa hầu gái là Yên-tố đem nghiên bút ra, một lát làm xong ngay bài thơ.

Hồng-ngọc tiểu-thư làm xong thơ rồi, lại lấy một cái danh-thiếp, viết hai hàng chữ nhỏ, đưa cả cho tên người nhà, và dặn rằng : mày đem bài thơ và cái thiếp này sẽ đi trước chỗ phụ-thân ta nằm, chờ lúc nào tỉnh dậy thì đưa ; nhưng đừng để cho Dương Ngự-sử trông thấy. Tên người nhà vâng dạ rồi đi.

Khi tên người nhà đi đến thư phòng, thấy Ngô Hàn-lâm đương cầm bút toan viết ; Tô Ngự-sử mắt đương nhìn hoa, có ý tìm tòi nghĩ-ngợi ; còn Dương Ngự-sử thì không viết, cũng không thấy nghĩ ; chỉ thấy tay cầm chén rượu, miệng sẽ ngâm-nga, mỗi người riêng một cái trạng-thái. Lúc đi đến giường Bạch-công, đứng một lát, thì thấy Bạch-công tỉnh giấc, tên người nhà sẽ đưa bài thơ và cái thiếp ra, Bạch-công xem cái thiếp trước, thấy chữ rằng :

« Chốn Trường-an này là nơi hiểm-địa, xin đừng lấy « thi-tửu » mua vạ vào mình ».

Bạch-công xem xong, gật đầu luôn mấy cái. Lại xem đến tờ hoa-tiên, thấy bài thơ thưởng-cúc, hiểu ngay là Hồng-ngọc làm thay, vội vàng đứng giậy, ra chỗ thư phòng.

Tô Ngự-sử trông thấy, liền reo lên rằng : Bạch-huynh tỉnh rồi, tốt lắm.

Bạch-công nói : tiểu-đệ quá say, không bồi được ba bác, vậy để ba bác làm thơ song rồi chứ ?

Dương Ngự-sử nói ; Niên-huynh giả cách say, khéo lắm, còn thiếu mười bốn chén rượu phạt nữa, nếu tiểu-đệ làm thơ song, thiếu một chén cũng không tha.

— Ngô Hàn-lâm nói : Bạch-huynh tài rất nhanh chóng, sao đã tỉnh rượu, mà không làm thơ ngay đi.

Bạch-công cười mà rằng :

Thơ của tiểu-đệ đã song rồi, chỉ sợ có Dương niên-huynh ở đây, chẳng bõ mua một trò cười.

— Dương Ngự-sử nói : Bạch-huynh đừng mỉa mai tiểu-đệ nữa, dẫu có tài nhanh chóng cũng không thần-tốc được như thế. Nếu quả nhiên thơ bác song rồi, tiểu-đệ xin uống mười chén rượu ; nếu bác chưa làm mà lại nói xong rồi, há không phải là cười tiểu-đệ đó ru? thế thì trừ phải uống mười bốn chén rượu phạt còn thiếu không kể, lại phạt thêm ba chén nữa. Hễ bác không uống, thì từ đây tuyệt giao.

Bạch-công cười mà rằng :

Không làm thì nói không làm ; làm rồi thì nói làm rồi, việc gì phải nói dối. Nói đoạn liền đưa thơ ra.

Ba người cùng tiếp xem.

Tô Ngự-sử cầm bài thơ mà khen rằng : niên-huynh quả nhiên làm song rồi, nhanh lạ.

Ngô Hàn-lâm cùng Dương Ngự-sử chạy đến ngó xem, thấy thơ rằng:

« Đỏ tía xanh vàng, mọi sắc tươi,
« Tuần Thu đua nở, đẹp mười mươi.
« Tìm người cao-sĩ hương bay ngát,
« Nhìn khách giai-nhân, miệng tựa cười.
« Mọi vẻ tiêu-sơ không nhiễm tục,
« Một mầu thanh-đạm khác hơn đời.
« Hiềm chi cửa đóng, quan xuống nhạt,
« Cái cảnh hoa hương đã sẵn rồi».

Ba người xem xong, lấy làm cả kinh. Tô Ngự-sử nói : Bạch-huynh hôm nay lạ thực, không những nhanh chóng mà thôi, mà dùng chữ lại thanh-tân lắm, chẳng khác giọng tiên chút nào, đáng kinh thay, đáng-phục thay ! lũ tiểu-đệ đành xin gác bút.

— Bạch-công nói : Tiểu-đệ sở-dĩ làm bài thơ này, một là sợ trái mịnh Dương-huynh, hai là muốn mời Dương-huynh một chén, cũng miễn cưỡng phụng bồi đó thôi, chứ có câu gì hay đâu.

Dương Ngự-sử thấy thế liền hỏi :

— Ngô-huynh cười gì ? hẳn có duyên cớ sao đây ? nếu không nói rõ, quyết tiểu-đệ không uống rượu.

Ngô Hàn-lâm chỉ cười, chẳng nói chi cả.

Bạch-công cũng cười mà rằng :

— Vì tiểu-đệ không làm thơ, phải uống biết bao rượu phạt, bây giờ đã làm song thơ, tất bác phải uống rượu, có nghi ngại chi nữa, hay là bảo bài thơ này giả-mạo chăng ?

Tô Ngự-sử bảo Ngô Hàn-lâm rằng :

— Hẳn bác thấy Bạch-huynh say rượu, nên bác làm thay.

— Ngô Hàn-lâm nói : Bác đừng nói thế mà thêm hiện cho tiểu-đệ, tiểu-đệ làm thế nào được.

Dương Ngự-sử cũng nói :

Hiện nay trong nhà Bạch-huynh không có người khách nào nữa, nếu bác không làm còn ai làm.

Ngô Hàn-lâm không nói chi cả, chỉ cứ cười hoài.

Bạch-công cười mà rằng :

— Dễ có khi tiểu-đệ không biết làm, phải mượn người làm giúp hay sao ?

— Dương Ngự-sử : Không phải thế, chỉ vì Ngô-huynh cười cũng có cớ, hoặc là Ngô-huynh với bác là chỗ thân-quyến với nhau, làm thành mưu mẹo chi chi, để lừa tiểu-đệ uống rượu ; vậy thì nên phạt Ngô-huynh ba chén lớn đã, rồi đệ uống sau.

Ngô Hàn-lâm nói : Bất-tất phải phạt làm gì, cứ như tiểu-đệ, thì bài thơ này quyết là cháu gái đệ (tức là Hồng-ngọc) sợ phụ-thân say rượu, nên mới làm thay đó.

Dương Ngự-sử và Tô Ngự-sử đều cả kinh, nhân hỏi Bạch-công rằng : Có phải là giai-tác của lịnh-ái không?

Bạch-công nói : Thực tiểu-nữ thấy đệ quá say, nên làm giúp cho tắc-trách đấy thôi.

Dương, Tô hai người cả kinh mà khen rằng : Lịnh-ái của niên-huynh tài cao như thế, không những trong bọn khuê-các không ai được thế, dẫu đến bực thi-sĩ trong thiên-hạ, dễ cũng chưa đã mấy người. Thế mà đệ cùng bạn đồng-khoa với niên-huynh đã nửa đời người, mà không biết lịnh-ái hay thơ giỏi chữ, thực đáng kinh lắm thay !

Ngô Hàn-lâm nói : Sá-sanh (tức là cháu gọi bằng cậu) không những tài thơ mà thôi, mà lại sách nào cũng học, hạ-bút thành văn nữa.

Tô Ngự-sử khen rằng :

Thế mới thực là người Đại-học-sĩ trong đám nữ-lưu.

Bạch-công nói : Đệ nay tuổi già hiếm hoi, dẫu có con gái tài năng, cũng là vô dụng !

Tô Ngự-sử nói : Đệ còn nhớ lịnh-ái năm nay mới độ mười sáu tuổi.

Bạch-công rằng : Vâng.

Dương Ngự-sử nói : Vậy đã gả cho ai chưa ?

Bạch-công nói : Một là vì tiểu-đệ đã già không có con giai ; hai là vì chuyết-kinh (là vợ) qua đời đã lâu, nên đến bây giờ cũng chưa gả cho ai cả.

Dương Ngự-sử nói : Con giai lớn nên lấy vợ, con gái lớn nên gả chồng, mới là chính-lý ; lẽ đâu con gái đã lớn, nỡ để quá độ thanh-xuân hay sao ?

Ngô Hàn-lâm nói : Không phải thế, vì chưa kén được người giai-tế đó thôi.

Dương Ngự-sử nói : Chỗ Trường-an lớn này, há không có con nhà phú-quí nào đáng gả hay sao ?

Bạch-công nói : Xin đừng nói đùa nữa, ba bác hẵng làm song thơ đi.

Tô Ngự-sử nói : Tiểu-đệ văn chương bã-đả, bây giờ thực không thể làm được, tình nguyện mỗi người uống rượu phạt, các niên-huynh nghĩ sao?

Dương Ngự-sử nói : Phải lắm, tiểu-đệ tình-nguyện xin uống.

Ngô Hàn-lâm thấy hai người chịu phạt, thơ của mình cũng không viết ra, đành uống rượu phạt luôn thể.

Chỉ vì một bài thơ của nàng Hồng-ngọc, mà ai ai cũng yêu-kính vui cười, mãi đến tối lên đèn mới tan tiệc.

Rõ thực là :

Tốt-ông có kể làm chi !
Một bài thưởng-cúc, ngỏ ý mãi ra.
Khen thay một khách quần-thoa,
Chưa cầm đến bút đã là song thơ.

(*Còn nữa*)

GÁI PHỤC THÙ CHA

(Cô-lông-ba thiếu-nữ)

Colomba par Prosper Mérimé

Bùi Huy-Cường dịch-thuật

(Tiếp-theo)

Chàng lấy ra một cái áo dài, một cái khăn-quàng và một vài đồ vặt-vãnh nữa đưa tặng chị.

Cô-lông-ba thấy vậy kêu lên rằng :

— Đẹp nhỉ ! những đồ trang-sức đẹp nhỉ ! Cậu để tôi đem cất vào hòm, dành đến khi nào có tiệc, có cưới mới được, kẻo nó ố ra mất. Chao ôi ! bây giờ tôi hãy còn tang kia mà !

Nàng vừa nói câu sau cùng đó, vừa cười nụ một cách buồn-rầu, rồi cúi đầu xuống hôn tay cậu em.

Chàng lại nói :

— Chị để tang quá hạn thế là không phải đạo, là có ý nệ đó, chị ạ.

Nàng khẳng-khái đáp em rằng :

— Tôi đã thề rồi, cậu ạ ; tôi thề rằng tôi nhất-định không bao giờ bỏ tang... »

Nàng nói vậy, mắt đưa sang nhìn bên cửa sổ nhà Bi-ly-sĩ.

Liếp-ba không muốn nghe chị nói nốt, bèn tìm tiếng nói lảng rằng :

— Chị nhất-định không bao giờ bỏ tang mãi tới khi nào chị về nhà chồng chớ gì !

— Tôi lấy chồng à ! Tôi chỉ lấy người nào có thể làm được ba điều nhất-định của tôi thôi : »

Nàng nói vậy, mắt cũng vẫn nhìn một cách ghê-gớm sang bên nhà Bi-ly-sĩ.

— Nhan-sắc chị như thế, em thấy chị chưa có chồng thật em cũng lấy làm ngạc-nhiên. Thôi, ai đã có tình-ý với chị thế ? chị nói cho em biết. Em đã nghe thấy thiên-hạ lắm lời oanh, tiếng én lắm đấy ! Chắc những lời đó thú-vị lắm mới khiến cho siêu lòng được một vị nữ-sĩ tài-danh như chị đấy chớ !

— Ai thiết một đứa con gái mồ-côi, hử cậu ? Vả-chăng, cái người muốn bắt tôi bỏ đồ tang-phục đi tất phải là người đem tang-phục mà mặc cho những đàn-bà con gái ở trước mặt ta kia mà !

Liếp-ba bụng bảo dạ rằng : « Nếu cứ dần dần thế này mãi thì khéo không hóa điên mất ! » Rồi chàng không đáp tiếng nào nữa, có ý để khỏi sinh chuyện lôi-thôi.

Cô-lông-ba, lúc ấy nhún-nhặn bảo em rằng :

— Này cậu, tôi cũng có một vật này biếu cậu. Những áo quần cậu vận đó đối với xứ ta đây thực quá-đáng lắm. Nếu cậu mặc nó vào trong ma-ky thì chỉ độ hai ngày là rách bươm ra như bươm-bướm. Cậu phải cất để dành đến khi nào Ni-viên nữ-sĩ về chơi mới được. »

Rồi nàng mở tủ ra, lấy một bộ quần áo đi săn đưa cho trung-úy : « Đây là một cái áo nhung và một cái mũ dạ tự tay tôi thêu để biếu cậu. Ở nước ta, ăn-mặc như thế này đã là sang-trọng lắm rồi. Cậu thử xem có vừa ý không ? »

Rồi nàng khoác áo và đội mũ cho em. Áo thì sắc nhung xanh, ở đàng sau có một cái túi rất lớn. Mũ thì khâu bằng dạ và lụa đen, trên đầu mũ nhọn hoắt lên và có một chùm tua xuống. Nàng nói :

— Đây lại cái thắt-lưng dựng đạn của cha để lại nữa này ! con dao găm của cha, cậu sờ ở trong túi áo thì thấy, chị đã để sẵn trong đó rồi. Còn khẩu súng lục cũ của cha, để chị đi lấy ngay bây giờ cho cậu.

Con ở cầm gương vào soi cho Liếp-ba. Liếp-ba nhìn thấy hình-tượng mình kêu lên rằng:

— Mình thật ra dáng một thằng đại-bợm !

Con ở nghe chủ kêu vậy, đáp rằng :

— Thưa cậu, cậu ăn-mặc thế trông hùng-dũng lắm chớ !

Tất cả những hạng người đội-mũ nhọn đầu ở nước ta xưa nay cũng chưa thấy ai nên được như cậu!

Liếp-ba mặc cả bộ quần-áo mới đó, ngồi ăn cơm. Trong lúc ăn chàng bảo chị rằng ở trong hòm chàng còn nhiều sách-vở chàng mua ở Pháp và ở Ý về.

Chàng mua thế là có ý để đem về dạy chị cho chóng giỏi. Chàng lại bảo chị rằng :

— Người con gái lớn như chị mà không biết chữ gì, thực cũng đáng cười lắm thay ! Ở nơi bình-địa, những trẻ con mới khỏi tay vú bõ đã biết nhiều chữ hơn là chị bây giờ rồi, chị ạ ! Chị phải học mới được.

— Cậu nói phải lắm. Tôi vốn vẫn biết tôi còn cần phải học nhiều. Nay lại thấy cậu ngỏ-ý dạy cho tôi học thì còn cái gì là may-mắn hơn nữa!»

Trong vài bốn hôm, nàng ở trước mặt em không hề thấy đọc đến tên Bi-ly-sĩ. Nàng rất là siêng năng coi-sóc cho em, thường thường lúc nào cũng nhắc với em cái tên Ni-viên thiếu-nữ luôn. Chàng thì dạy chị học, học đến đâu biết đến đấy. Cô-lông-ba xem sách Pháp và Ý, lắm lúc phải ngạc nhiên về lời nói của chước-giả là đúng, lắm lúc lại phải kỳ-lạ về nỗi những điều rất tầm-thường mà bây giờ nàng mới biết đến.

Một hôm, cơm sáng vừa xong, Cô-lông-ba đi ra ngoài một lát, đến lúc trở vào thì không thấy mang sách và bút như mọi khi, thấy nàng đầu đội một cái khăn tang nghiêm nét mặt tiến vào. Hôm ấy trông nàng đứng-đắn hơn mọi hôm nhiều, nàng bảo Liếp-ba rằng : « Cậu ơi ! cậu đi ra với tôi một lát. »

Liếp-ba đưa cánh tay ra cho chị vịn mà hỏi rằng :

— Chị muốn đưa tôi đi đâu thế ?

— Tôi không cần phải vịn cánh tay cậu ; tôi cám ơn cậu. Cậu hãy cầm lấy súng và rắt lấy đạn. Một người như cậu không nên bao giờ đi tay không hết !

— Chị nói phải lắm ! Tôi phải theo tục-lệ nước tôi mới được. Nào ta đi đâu nào ? »

Cô-lông-ba không đáp, rít cái khăn tang quàng chặt vào đầu, rồi hút còi gọi chó, cùng với cậu em bước đi. . . Khi ra khỏi tỉnh, nàng và chàng đi xuống một con đường hẻm ở trong ruộng dâu. Nàng ra hiệu cho con chó, tức thì con chó ấy chạy lên xa trước mặt chừng năm

mươi thước dài, khi thì nó sục bên này, lúc thì nó tìm bên nọ, sau nó chẳng thấy chi hết, nó đứng lại nhìn nàng và vẫy đuôi hình như đi mở đường đã hết nghĩa-vụ lắm rồi vậy. Cô-lông-ba bảo em.

— Hễ con Vện kia nó sủa thì cậu phải nạp đạn mà đứng cho yên nhé!

Đi quanh-quẩn trong làng chừng nửa dặm đất mới đến một chỗ đường ngoặt. Chỗ ấy có một đống cành cây vừa khô, vừa tươi chồng chất lên nhau. Ở trên giữa đống có một cái chữ thập sơn đen cắm thẳng. Ấy là tục ở bên xứ Cọoc. Ở xứ ấy còn nhiều nơi quê-mùa, mà nhất là ở đồi núi, họ còn theo tục ấy lắm. Hễ khi nào có một người bị giết, hay là bị chết tự-nhiên ở chỗ nào thì ở chỗ ấy họ hay chất đá hay là cành cây lên thành đống. Ai qua lại đó thấy vậy cũng nên nhặt một hòn đá hay là bẻ một cành cây ném vào đó cho cao và cho bền chắc. Họ cứ chồng-chất như thế mãi, chưa biết mấy mươi năm mới thôi, hễ bao giờ không ai còn nhớ người ấy bị chết cách thế nào nữa thì họa may họ mới nghỉ tay. Người ta thường gọi đống đó là *đống đá* hay *đống cây* cũng được.

Cô-lông-ba đứng lại, bẻ một cành cây ném vào đống ấy, rồi bảo em rằng :

— Đây là nơi của cha ta bị chết. Ta cầu-nguyện cho linh-hồn cha ta đi, cậu ơi ! »

Nàng nói vậy, gối quỳ xuống đất. Liếp-ba cũng theo nàng quỳ xuống. Đang lúc ấy, ở đàng xa văng-vẳng tiếng chuông nhà thờ đánh báo hiệu cho dân sớm biết rằng đêm hôm trước có người bị chết ở trong rừng rậm. Liếp-ba nghĩ đến động-lòng rơi lụy.

Được một vài phút nữa, Cô-lông-ba đứng dậy, mắt ráo hoảnh, nhưng mặt thì trông ra có vẻ hậm-hụi lắm. Nàng đưa ngón tay cái lên trán làm dấu chữ thập rồi nguyền một câu rất dữ ; cái đó cũng là một sự thường-tình của phần nhiều những người đồng-hương với nàng vậy. Nàng nguyền xong, kéo em đi thẳng về sớm. Hai chị em cứ lẳng-lạng rồi ai về buồng nấy.

Liếp-ba ngồi trên ghế nghỉ chưa được bao lâu thì đã thấy chị mang một cái hòm nhỏ đến để trên bàn.

Nàng mở hòm ra, lấy một cái áo *sơ-my* dày-dướm những vết máu, ném lên gối Liếp-ba mà rằng : « Đây, áo *sơ-my* của cha ta đây ! » Rồi nàng lại lấy hai viên đạn đã dĩ quẹn để trên cái áo, bảo em rằng : « Còn đây là đạn của người ta giết cha ta đây ! » Nàng vừa nói vừa ôm choàng lấy em vào trong cánh tay chặt như rắn quấn mà nói thêm một câu gớm-ghiếc nữa rằng : « Liếp-ba em hỡi ! em phải trả-thù cho nhé ! » Nàng nói xong, hôn bên má em, rồi hôn hai viên đạn nọ ; xong đâu vào đấy nàng mới để mặc Liếp-ba ngồi đó một mình với cái sơ-my dày máu kia mà lẳng đi ra ngoài mất.

Liếp-ba ngồi một lát lâu không dám để xa những cái đồ kỷ-vật đáng ghê kia ra chỗ khác. Sau, chàng lấy hết can-đảm ra mới đủ sức đứng dậy bỏ cái sơ-my cùng hai viên đạn vào trong hòm nhỏ. Xong chàng chạy thẳng ra đằng giường, nằm quay úp mặt vào tường, gối đầy kín cả đầu đi hình như sợ phải trông một cái oan-hồn nào sẽ hiện đến vậy. Chàng còn văng-vẳng tai thấy mấy lời cuối cùng của chị dặn lại. Chàng coi những lời ấy như là lời của thầy-tướng đã đoán số

chàng phải như thế, đã bắt chàng phải tuân-theo cái mệng-lệnh gớm-ghê như thế, nghĩa là bắt chàng phải gây nên một cuộc lưu-huyết với những con người nghi oan để trả cho thân-phụ chàng, chàng muốn thôi cũng khó mà tránh được.

Ký-giả không muốn tả hết cái cảm-tưởng của chàng trong lúc ấy ra đây làm gì, ký-giả chỉ xin nói để độc-giả biết rằng trong óc người diên ra làm sao, thì trong đầu Liếp-ba trong lúc thảm-thương ấy cũng y như thế. Chàng cứ nằm im như thế một lát không hề dám quay đầu nhìn lại chỗ cũ, sau chàng đánh liều đứng dậy dậy cái hòm kia lại, bước ra ngoài cổng, cứ thẳng đường làng đi mãi, chẳng biết là đi đâu cả.

Dần dần, chàng thở được cái không-khí phóng-khoáng cũng thấy hơi tỉnh-tạo người lại. Chàng mới hơi yên tâm mà suy-nghĩ đến cái tình-thế nguy-nan của chàng, chàng lấy hết đạo mà sử-chí cho vẹn cả đôi đường bấy giờ ! Chàng không nghi cho Bi-ly-sĩ giết cha, sự ấy thời đã cố-nhiên rồi ; song chàng quyết là Bi-ly-sĩ có viết mạo tên giặc A-gô-ty để đến nỗi cha chàng phải giết oan. Xem thế, Bi-ly-sĩ tuy không cầm súng bắn cha chàng, nhưng cũng giết cha chàng một cách gián-tiếp vậy. Chàng muốn kiện Bi-ly-sĩ về việc giả-mạo đó ư ? Chàng cũng tự-biết luật-pháp không có cớ gì mà trị nổi; chàng phải tự-sử lấy mới được!

Tuy nhiên, chàng nghĩ vậy thì nghĩ, chớ như sự giết một kẻ thù ở một chỗ khỉn đường hẻm là một sự chỉ chớp mắt là xong, chàng cũng không hề để tâm đến một mảy-may, đó là cũng nhờ về sự chàng tưởng tới các bạn-bè ở quân-vụ trước, các lâu-đài ở Ba-ly trước, và nhất là vì chàng tưởng tới nữ-sĩ Ni-viên vậy. Nhưng, dẫu thế mặc lòng, chàng cũng không thể nào quên được lời chị dặn. Trong tâm chàng còn một tý gì là cái tinh người Cọoc sót lại thì cái tý ấy cũng phát-hiện ra ngoài mà bênh lời của chị chàng nguyền mắng là phải đạo. Vậy muốn cho vẹn cả đôi đường, chàng chỉ còn có một tí hi-vọng, là gây sự cãi nhau với một người con luật-sư để rồi cùng hắn đấu võ (duel) mà giết hắn đi là không ai nói được chàng thôi. Khi đấu-võ mà chàng giết được hắn, ấy là chàng không thẹn với phong-tục người Pháp đó.

Chàng nghĩ vậy, tưởng như sự nghĩ của chàng đã là hoàn-toàn viên-mãn lắm rồi, chàng thấy như nhẹ được nửa người vậy. Đang lúc chàng khoái-trá, những cái tư-tưởng êm-ái, kia ở đâu lại đến vồ-về chẳng khiến cho chàng hầu quên cả sự cũ. Chàng nghĩ rằng : Ciceron ngày xưa mất con gái quý, bèn kể hết những sự may cái chết kia đã giúp con gái mình khỏi phải nặng nợ thì tự thấy nguôi lòng ; Shandy khi mất con trai yêu cũng đem triết-học ra mà phân-biệt cái chết cùng cái sống thì thấy hởi dạ. Vì chàng nghĩ vậy, chàng cũng muốn noi gương cổ-nhân, chàng bèn định bụng đem cái tâm-lý của chàng trong lúc ấy tả ra cho Ni-viên nữ-sĩ xem. Mà Ni-viên đã dẹp lòng, chàng đây há lại không vui-ý hay sao ?

Chàng vừa nghĩ vậy, vừa quay trở về làng thì ra khi nẫy chàng đi xa quá mà không biết. Chàng đang lững-thững đi bước một, sẩy nghe tiếng một con bé nhỏ đang hát ở bờ *Ma-quy*. Chắc con bé ấy tưởng có một mình nên mới hát câu ca ảo-não và buồn-rầu kia. Câu ấy tóm lại rằng ;

Ới con ơi ! hỡi con ơi !

Từ con xa-cách phương trời bấy nay.

Con nên giữ cái áo này,
Áo này dây huyết từ ngày xa nhau.

Liếp-ba thình lình bước lại, tỏ ra ý giận hỏi con bé nọ rằng :

— Mày hát gì thế, con kia ?

Con bé sợ hãi, kêu lên rằng :

— Kìa cậu Liếp-ba ! Đó là câu hát của cô Cô-lông-ba đấy, cậu ạ !

Liếp-ba cau mặt nói rằng :

— Ta cấm mày không được hát câu ấy nữa đó.

Con bé có ý sợ-hãi, hết quay đầu bên phải lại nhìn sang bên trái, hình tìm đường để chạy trốn Liếp-ba vậy. Mà nếu nó không vướng một bọc lớn để dưới chân nó thì có lẽ nó cũng ù té chạy mất rồi.

Liếp-ba thấy vậy hơi có ý thẹn, bèn gượng hỏi nó một câu dịu dàng rằng :

— Em mang bọc gì đó em ?

Con bé Chi-ly nọ chưa dám trả lời thì Liếp-ba đã vội lật cái bọc kia lên, chàng thấy trong bọc có những bánh và các đồ ăn khác. Chàng hỏi :

— Em mang lương-thực này cho ai đó ?

— Thưa cậu, chắc cậu cũng biết rồi, tôi mang vào cho chú tôi đó mà !

— Thế chú em không phải là giặc chớ ?

Thưa cậu vâng. Nếu cậu muốn như vậy tất chú tôi cũng phải chiều lòng cậu.

— Nay thì-dụ như sen-đầm bắt gặp được em, hỏi em đi đâu thì...

Con bé không ấp-úng nửa lời, đáp lại Liếp-ba rằng :

— Thì tôi bảo họ rằng tôi mang cơm cho phu làm trong Ma-quy ăn.

— Thế nếu em gặp phải mấy tên đi săn đói bụng, chúng muốn ăn hiếp đồ lương của em mang kia thì sao ?

— Chúng không dám thế đâu, cậu ạ ! Vì tôi sẽ bảo chúng rằng đó là cơm tôi mang vào rừng cho chú tôi đấy.

— Có lẽ thật, ai lại là người cướp cơm của chú em nhỉ ! Thế chú em yêu em lắm chớ !

— Ồ ! chú tôi yêu tôi lắm, cậu ạ. Từ khi cha tôi mất, chú tôi vẫn trông nom đến cửa nhà tôi luôn. Nào là mẹ tôi, nào là tôi và em gái tôi cũng là nhờ vào chú tôi cả. Khi mẹ tôi còn khỏe, chú tôi thường kỳ mẹ tôi cùng những nhà giầu có để lấy việc làm ăn. Tôi cũng vì chú tôi mà mỗi năm quan-lý cho tôi một cặp áo mới và ông cố cho tôi được vào nhà đạo đọc kinh. Nhưng mà người có lòng tốt đối với nhà tôi nhất, ấy chính là cô Cô-lông-ba đó. »

Đang lúc ấy, ở trong đường hẻm lòi ra một con chó lớn. Chị bé Chi-ly thấy vậy, đưa hai ngón tay lên miệng huýt một tiếng còi ; tức thì chó kia ve vẩy đuôi chạy lại bên mình Chi-ly mừng rỡ. Rồi được giây phút, chó lại vùng vẫng chạy vào trong Ma-quy ngay, hình như để đi báo hiệu vậy. Chó vừa vào khỏi sẩy đâu ở bên cạnh Liếp-ba có hiện ra hai người, ăn mặc rất rách-rưới, nhưng khí-giới mang theo rất nhiều. Hai người này bỗng nhiên mà tới, trưởng như họ bò ở trong bụi rậm lại như con rắn dữ thì phải. Một người lớn tuổi hơn bảo Liếp-ba rằng :

— Ấy, chào bác Liếp-ba ! Đã lâu nay tôi mới gặp bác! ... Kìa, bác quên tôi rồi sao ?

Liếp-ba lại càng nhìn kỹ đáp rằng :

— Tôi không biết bác là ai cả.

— Thế thì ra một bộ râu với một cái mũ đã khiến cho bác không nhớ mặt người bạn cố-tri thật ! Này, để bác quên những người đồng-sự với bác ở nơi trận-địa Va-tê-lô rồi sao ? Bác có còn nhớ tên Xã-va-ly, người cùng với bác đã giết kể có hàng trăm quân thù không ?

— Kìa, thế thì ra bác Xã đấy ư ? Có phải bác đã trốn lính trong năm 1816 đây không ?

— Đích phải đấy, trung-úy ạ ! Khi ấy công việc chiến-tranh tôi lấy làm nản lắm, vả chăng tôi lại có việc phải về sử-chi ở nơi tổ-quốc cho xong ; vì vậy tôi mới hóa ra thế này, bác ạ. Kìa Chi-Lý ! cháu rọn cơm cho chúng ta ăn đi, chúng ta đói lắm rồi. Này, trung-úy ạ ! trung-úy không biết chớ, chúng tôi ở trong ma-quy thèm ăn lắm kia ! Ai gửi đồ ăn cho chúng ta thế hử cháu ? Lại có Cô-lông-ba hay là quan Lý-trưởng đó.

— Thưa chú, không ! đấy là bà hàng sáo trong làng gửi bánh cho chú và lại đưa chăn cho mẹ tôi đắp đấy.

— Vậy thì bà ấy muốn gì mà lại giúp nhà ta như thế ?

— Bà ta than với cháu rằng, những người thợ mà bà ta thuê để phá một khu rừng thì nay vì trong sóm có bệnh sốt-rét lây, đòi bà ta những ba mươi-nhăm su công-nhật kia, bà ta không lấy đâu trả được.

— Những đồ khốn ! Để đấy rồi chú liệu cho. — Này, trung-úy, ta cùng ngồi ăn cơm đi ! Từ khi Nã-phá-luôn đồng-hương của ta bị thải-hồi thì chẳng bao giờ ta tại còn được ăn ngon miệng nữa, trung-úy nhỉ ?

— Thôi, tôi xin thất lễ. — Tôi đây cũng bị người ta thải hồi đây mà !

— Phải, tôi cũng phẳng-phất nghe thấy người ta đồn như vậy. Nhưng tôi chắc rằng bác cũng không lấy thế làm giận, vì chắc bác cũng có việc phải về sử-chi ở nơi xứ này kia mà !

Rồi Xã-va-ly nói với bạn cùng trốn rằng :

— Ta ngồi ăn thôi, ông cố ạ.

Hắn nói song tủm-tỉm cười, ngoảnh lại giới-thiệu bạn cùng Liếp-ba rằng :

Tôi xin giới-thiệt với trung-úy, người bạn tôi vốn là cố-đạo ; tôi chẳng rõ bác ấy có thực là cố-đạo không ? Xong tôi biết đích rằng bác ấy có đủ tư-cách và học-thức làm nổi một ông cố-đạo vậy.

Người giặc kia tự nói với Liếp-ba rằng :

— Tôi là một tên hàn-nho đi theo học-đạo, những chẳng may vì việc cần-trở phải bỏ lớp mà về ! Nếu mà tôi được theo học nữa thì có lẽ tôi lên tới Giáo-hoàng cũng chưa biết chừng !

Liếp-ba vội hỏi :

— Thế thì vì việc gì mà nhà thờ ta thiệt mất một tay thần-minh giảng đạo như ông đó ?

— Chẳng có việc chi hết ; cứ theo như lời của bác Xã tôi nói thì đó chỉ là một việc sử-chi thôi. Tôi vốn có một người em gái, người em gái đó, trong khi tôi đang nấu sử sôi kinh ở trong chốn học-đường thành Pise, thì đã hoang chơi quá bước, lỡ một lầm hai. . . Tôi phải vội về cưới cho em tôi ; song tình-nhân của em tôi đã sớm mất từ ba hôm trước rồi. Tôi bèn hỏi đến em trai tên ấy, nhưng em hắn cũng lại đã có vợ. Vậy tôi biết tính làm sao cho đôi đường ổn-thỏa ? Mà thì-dụ như ông ở trong cảnh-ngộ tôi cũng đến phải sử-chi như tôi chớ gì !

— Phải, cảnh đó khó tính quá ! Rồi sau ông phải sử-chi ra làm sao?

— Rồi tôi lại phải dùng đến hòn đạn chớ còn xoay ra làm sao được nữa.

— Thế ra. . ,

Người nọ nghiễm-nhiên đáp rằng:

— Tôi phải dùng đạn in vào trong óc người em hắn ấy mới ổn chuyện được.

Liếp-ba nghe nói rật mình kinh-sợ. Những một là vì tính tò-mò, hai là vì chưa muốn đi về nhà sớm quá vội, chàng bèn đứng lại đó mà trò chuyện với hai người đáng lánh kia, vì mỗi người ấy ít ra cũng giết một mạng người khác rồi.

Trong khi người nọ vẫn-dài với Liếp-ba thì Xã-va-ly giở bánh cùng thịt và ngồi cắt lấy mà ăn. Hắn vừa ăn vừa chia cho con chó của hắn, và vừa giới-thiệu với Liếp-ba rằng con chó ấy tên là Bích-cô tài giỏi nghề dọ thám lắm, hễ quân sen-dầm ăn mặc giả-dối đến đâu nó cũng biết ngay. . . Rồi hắn mới cắt một miếng giăm-bông, bẻ một miếng bánh mì đưa cho cháu gái ăn.

Tay Cao-đẳng học-sinh nọ ăn một đôi miếng rồi nói với Liếp-ba rằng:

— Thực không còn gì xướng bằng ở lỏng trong rừng như tôi đây ! Chắc rồi cũng có khi ngài được nếm biết chớ chẳng không ! Rồi tới khi đó ngài mới rõ rằng chỉ có lấy tinh tự-nhiên làm chủ là mới có đủ mùi phóng-khoáng rảnh- rang thôi...

Người ấy từ nẫy đến giờ nói rật tiếng Ý cả, nhưng nay lại tiếp-theo một đoạn bằng tiếng Pháp rằng:

— Xứ Coọc không phải là một nơi lạc-cảnh cho một gã thiếu-niên, song là một xứ tuyệt thú cho một tên giặc cướp như tôi đây ! Ở trong xứ này, thật là đàn bà con gái chết mệt về chúng tôi đây. Cứ như một tôi đây cũng đã có được ba ả tình-nhân rồi. . . mà trong số tình-nhân đó, lại có một ả chính là vợ một tên sen-dầm. Mỗi ả ở một tổng khác nhau, chớ không phải ở cùng một nơi đâu ! Thực tôi đi đến đâu cũng là nhà tôi cả, không hề bao giờ bị họ bạc-đãi hết !

Liếp-ba đứng-dắn hỏi rằng:

— Ông giỏi các tiếng lắm nhỉ ?

— Tôi sở-dĩ mà phải nói tiếng Pháp, là vì sợ con bé cháu kia nó nghe lộ thì hư nó mất. . . Kìa, Xã-viên-lý ! con cháu nó đi nhanh và lượn khéo nhỉ !

Xã-viên-ly cũng nói :

— Hễ đến năm nó 15 tuổi, tôi sẽ có nơi sứng-đáng cưới xin cho nó, sự ấy tôi đã trù-tính cả rồi.

Liếp-ba ngạc-nhiên hỏi :

— Thế chính bác đi hỏi chồng cho nó sao ?

Có lẽ thế ! Nay bác cứ tưởng-tượng một câu này ra thì đủ rõ. Thí- dụ như bây giờ tôi bảo một người giầu có trong sóm rằng : « Tôi là Xã-viên-ly mong rằng ngài sẽ cưới cháu gái tôi cho con giai ngài ; nếu được như vậy tôi lấy làm hân-hạnh lắm ». thì tất người ấy cũng không đợi ai đến kéo tai mới chịu làm nữa.

Kẻ học-sinh kia nói rằng :

— Sự đó tôi không khuyên bác đâu nhé, bác hay vung tay quá lắm.

— Bác phải biết rằng nếu tôi là thằng khốn, thằng mạt, thằng chết toi, thì tôi chỉ mở bị ra là tiền-bác rơi vào đó như mưa xa, nước chảy rồi, bác ạ !

Liếp-ba bèn hỏi :

— Vậy ở trong bị bác có chất gì hút được tiền bạc vào sao ?

— Không có chất gì hết ; song nếu tôi viết giấy cho một người nhà giầu rằng tôi cần tiền thì người ấy phải lập tức gửi lại cho tôi ngay. Đó là những quân đê-mạt nó hay làm thế, chớ như tôi đây là người biết lấy danh-dự làm trọng, khi nào tôi lại khốn-nạn như thế.

Người học-sinh kia bảo Liếp-ba rằng :

— Này quan trung-úy, ngài có biết rằng ở trong xứ chất-phác của ta đây thường có lắm kẻ khốn-nạn giả mạo chúng tôi để dùng tờ giấy thông-hành này (hắn chỉ vào khẩu súng của hắn) mà lấy tiền mai-lộ của con dân hiền-lành đó không ? Ấy cũng vì chúng thấy quốc-dân có lòng yêu-mến chúng tôi mà chúng mới lợi-dụng đem giả-mạo tên chúng tôi để kiếm tiền một cách bất-lương như thế.

Liếp-ba đáp :

— Tôi biết lắm, nhưng tôi chưa được hiểu ý ngài muốn nói đó lắm..

Tên cướp bèn đáp rằng:

— Đã được sáu tháng nay, khi tôi đi chơi ở vùng Orezza, bỗng thấy ở đâu tiến lại gần tôi một tên ăn-mặc tồi-tàn. Tên ấy thấy tôi ở đàng xa đã ngả mũ chào tôi rằng : « Tôi chào ông Cố ! — Ấy họ vẫn thường gọi tôi như thế. — Xin ông tha lỗi cho tôi, xin ông ra hạn cho tôi, nay tôi chỉ kiếm được 55 phật-lăng thôi ; quả thế, ông ạ, tôi hết sức mới kiếm được bấy nhiêu đồng thôi. »

Tôi thấy vậy, ngạc-nhiên khôn cùng, hỏi nó rằng :

« Thế là nghĩa gì, hử ngốc ! 55 phật-lăng nào, hử ngu ? »

Tên ấy đáp : « À quên, 65 phật-lăng, kia đấy ! Tôi chỉ kiếm ra được 65 phật-lăng thôi, chớ như một trăm mà ông hỏi tôi thì tôi không thể kiếm ra đâu được ! »

Tôi ngơ-ngác hỏi : « Thế nào ? Tao hỏi mày một trăm phật-lăng ? Tao quen thuộc gì mày mà tao hỏi ? »

Tức thì tên kia đưa ra cho tôi một mảnh giấy nhầu. Tôi vội giở ra xem, thấy lòng thư nói rằng, người nhận thư phải cầm một trăm phật-lăng đến để một nơi , . . đã chỉ đó, cho tên *Cát-tiên-Qui* (là tên tôi) bằng không tên ấy sẽ đốt nhà và giết hết trâu bò đi. Rồi tôi lại thấy nó mạo ký tên tôi nữa mới can-đảm chớ ! Nhưng mà sự làm cho tôi giận nhất là vì cái giấy kia viết sai be-bét, không có văn-chương chữ nghĩa gì cả. Tôi đây là một viên Đại-học đã được mọi cái phần thưởng nhất ở học-đường mà lại còn viết một lá thư sai như vậy à. Tôi giận tên nhận thư kia không hiểu ra thế mà lại tưởng tôi là người đe rọa kẻ khác kiếm tiền, tôi mới nổi khùng lên, tát cho một chiếc, người quay đi hai vòng mới đứng yên lại được. Rồi tôi mắng tên ấy rằng : « Mày lại dám nghi tao là kẻ đe người hiếp của à ? Mày thật là đồ khốn-nạn ! » Tôi lại đá bồi cho nó một cái nữa, tôi mới bớt giận hỏi nó rằng : « Thế bao giờ nó bắt mày phải mang tiền đến chỗ kia ? »

Nó đáp : « Thưa hôm nay ạ ! »

(*còn nữa*)

Cậu bé bán nhật-trình

(Tả-chân tiểu-thuyết)

Trung-Bắc hai xu nào?? Đó là tiếng một cậu bé độ chừng 14, 15 tuổi, cứ chiều chiều vào hồi 7, 8 giờ thì mang một ôm nhật-trình đi bán các phố, vừa chạy vừa rao. Cậu bé mặt mũi cũng sáng sủa, ăn nói cũng lảu lỉnh, dễ thương đáo để. Tôi thường mua nhật-trình tháng của cậu bé, nên tối nào cũng mang đến cho tôi.

Mùa đông rét-mướt, sương sa lạnh lùng, đồng-hồ vừa điểm 11 tiếng, tôi toan tắt đèn đi nghỉ, thì vừa thấy tiếng cậu bé rao nheo nhéo ngoài phố ; tôi vội xuống gác, ra mở cửa để lấy nhật-trình xem, thì đã thấy cậu bé khoác cái áo tơi tây mũi xanh chùm cả đầu, chân đi đất, mang một ôm nhật-trình chờ đấy rồi.

Tôi hỏi :

— Sao hôm nay em đưa chậm thế?

— Thưa ông, vì có một việc lạ, nên nhật-trình hôm nay ra chậm.

— Việc gì thế ?

— Thưa ông, việc một người con bất-hiếu giết mẹ vừa sảy ra bốn giờ chiều hôm nay, bởi thế nhật-trình mới ra chậm.

— Thôi nào em đưa nhật-trình đây.

Song, cậu bé chẳng ngại rét-mướt lại chạy ton-tót vừa đi vừa rao :

Trung-Bắc nào ?

* * *

Một hôm vào ngày chủ-nhật, tôi mặc quần áo song, sắp sửa đi chơi, thì thấy cậu bé mang sổ đến lấy tiền báo. Tôi đưa cho cậu bé cái giấy một đồng ; cậu bé trả lại bốn hào rưỡi, rồi chào tôi mà đi. Tôi vừa bước ra cửa, chợt nhìn xuống đất, thấy cái giấy gấp tư, nhặt lên, mở ra xem thì là một cái thư chỉ có vài giòng như sau này :

« Thưa mẹ, việc đó con đã thu-xếp song suôi cả rồi, nhưng con nghĩ lại việc của con thì chưa cần mấy, giá mẹ đem món tiền của con mà làm cái vốn nhỏ, buôn bán tạp-nhạp, dành-dụm họa may sau này có thể tìm cách sinh lợi thì hơn. Xin mẹ sét lại cho ».

Kính thư

Mỗ,

Tôi xem song lá thư, hồ-đồ, không biết thư của ai đánh rơi, nghĩ ra thì chỉ có cậu bé bán nhật-trình vào ban nẫy mà thôi. Mà xem chữ trong thư viết cũng xấu, cong-queo giống như chữ cậu bé viết trong quyển sổ nhật-trình, nên tôi càng tin là thư của cậu bé lắm. Tôi liền cất kỹ đi, nhìn đồng-hồ đã mười hai giờ chưa, vội vàng đi chơi.

Ra đến bờ-hồ thấy cậu bé, tay cầm cái que củi, vừa đi vừa dạy bảo em ra dáng người nhớn lắm. Tôi tò-mò đi theo sau nghe thì thấy cậu bé mắng em rằng :

. . . . . Mày không chịu khó, chỉ đánh đinh đánh đáo, sảy đâu chơi đấy, rồi nhớn lên lấy gì mà ăn. Người ta gọi mua nhật-trình mà chơi không biết để người khác bán tranh mất cả...

Cậu bé vừa nói đến đấy, nghe tiếng giầy-tây đi sau, vội nhìn lại, thấy tôi thì chào mà hỏi tôi rằng :

— Chào ông, ông đi chơi đâu đấy? À, lúc ban sáng con có bỏ rơi cái thư đâu đằng nhà, ông có bắt được làm ơn cho con xin.

— Có đấy em ạ, ừ chiều đến mà lấy.

Rồi đó tôi rẽ ra Hàng-đào, còn về sau cậu bé dạy em những gì nữa, tôi không được biết, nhưng tôi nghe bấy nhiêu lời đủ biết cậu bé ít tuổi mà đã có trí, trong bụng tôi rất khen ngợi.

Buổi chiều đến, cậu bé lại lấy cái thư tôi bắt được ; ăn mặc chững-chạc lắm, coi chẳng khác các vị công-tử bột. Một đôi khi tôi lại thấy cậu ta đi xe-đạp. Bộ-cánh như thế thì ai cho là một thằng đi bán nhật-trình, nhưng khốn thay ! cái tiếng cậu rao hàng ngày ở các phố, đã làm cho hàng-tỉnh ai cũng nhẵn mặt cả rồi, khó nỗi dấu đi được, nên dù cậu ăn mặc thế nào vẫn trơ ra là anh bán nhật-trình. Tôi đem cái thư ra trả lại cậu bé mà cũng vì cái thư ấy tôi được nghe câu chuyện cả một đời người cậu bé như sau này :

— Thưa ông, ông đã có lòng hỏi đến con, vả con bán nhật-trình đây với ông đã lâu, con thấy ông có lòng mến con, thì con cũng có lòng tin ông nên mới dám nói câu chuyện ra đây để ông nghe, chớ như người khác thì không khi nào con lại nói.

Cái thư đó, nguyên là thư con viết về quê trình mẹ con. Mấy hôm trước, mẹ con có viết thư ra bảo con thu-sếp để về nhà cưới vợ ; nhưng con nghĩ mới mười mấy tuổi đầu như con, nhà cửa có gì, kiếm lấy nuôi mẹ, nuôi em còn chưa song, lại còn đèo thêm người nữa vào thì biết làm sao ; vả như con này, vợ chi cho sớm, thêm quẩn vào thân. Con nhờ trời đi bán mỗi tối cũng được vài hào lãi, ăn uống dành-dụm, bây giờ cũng được ít vốn. Mẹ con định đem số tiền ấy mà lấy vợ cho con, nhưng con thì muốn để làm vốn buôn bán tạp-nhạp, họa chăng dành-dụm, mai sau có thể mở ngôi hàng to chăng. Bởi thế con viết thư về xin mẹ con nghĩ lại.

Tôi nói : Nhưng ta trông em mặt mũi sáng sủa chắc không phải con nhà tầm thường cho lắm. Vậy sao lại phải đi kiếm ăn như thế này.

— Ông hỏi chẳng lẽ con không nói, chứ nói ra hao nhiêu càng thêm đau lòng bấy nhiêu. Nguyên trước kia nhà con cũng khá. Tổ-phụ con trước có làm quan. Ông con khi mất đi có để lại cho cha con gia-tài cũng khá. Sau vì cha con chỉ cờ bạc, thuốc sái, rượu chè, chẳng nghĩ gì đến công ăn việc làm, phá tan cửa nhà, chẳng bao lâu mà sành-kiệt, của-cải không còn mấy may. Được ít lâu, cha con lo lắng nghĩ ngợi quá mà mắc bệnh rồi qua đời, để lại mẹ con thì già yếu, em con thì thơ dại, chỉ có một mình con là nhớn. Cửa nhà bấy giờ xa xút, nghĩ quanh nghĩ quẩn, chẳng còn cách gì kiếm ăn bằng ra phất Hà-nội đi bán nhật-trình, được ít nhiều nuôi nhà thì thôi. Con tính con đi bán nhật-trình đã được sáu bảy năm nay rồi, con cố dành-dụm, bây giờ vốn liếng đã được ít nhiều. Con muốn dùng món tiền ấy làm vốn buôn bán, mong sao sau này sẽ có thể khôi phục được cái cơ-đồ nhà con.

Nói song, hai mắt cậu bé rơm rớm như muốn khóc ; tôi lấy nhời an-ủy mà rằng :

— Em ơi, ta nghe câu chuyện của em cũng lấy làm thương tâm, nhưng khá khen cho em biết chăm chỉ làm lụng, lo trước nghĩ sau, ăn tiêu dành-dụm để trước là phụng-dưỡng mẹ già, nuôi em, sau là nuôi thân. Ít người chí-khí được như em, vậy em nên kiên tâm, cứ mà chăm làm công-việc, sau này ắt bẵn trời chẳng phụ người có công. Thôi, em đi về kẻo nói truyện đã lâu rồi.

Cậu bé cầm lá thư bỏ túi, chào tôi mà đi ra. Tôi đưa tay, bắt tay cậu một cách rất là trân trọng.

LÊ-ANH-DIỄM

THỜI-ĐÀM

Quan Toàn-quyền Merlin sang Đông-Pháp.

Bản-chí được tin rằng nếu quan Toàn-quyền Merlin đi thương-thuyết về các vấn-đề của Đông-Pháp tại qui-quốc xong, thì chừng đến đầu tháng Août ngài sẽ đi tàu *Aramis* là chiếc tàu thơ mới của sở Messageries-Maritimes sang trọng-nhậm tại Đông-Pháp ta.

Một tin buồn trong học-giới.

Cụ Louis-Marie Nicolas Péralle, Giám-đốc-hàm nha Học-chánh Bắc-kỳ hồi-hưu, đã tạ-thế hồi 1 giờ chiều ngày 2 Juin 1923 tại qui-xá ở số 3 đường Henri-Rivière Hanoi, năm nay cụ hưởng-thọ 58 tuổi.

Cụ là một nhà giáo-dục lão-luyện, bình-sinh chỉ chăm-chỉ về việc học, thực là một tay có công lớn trong cuộc mở-mang cái tiền-đồ văn-học cho cõi đất Việt nhà, nay bản-chí xin kể qua cái sự-nghiệp của cụ đối với dân An-nam ta ra đây, gọi là cùng non sông kỷ-niệm cái ơn giáo-hóa.

Khi cụ bước chân sang cõi Đông-Pháp này, thì cụ được bổ làm giáo-sư tập-sự ở Nam-kỳ. Từ năm 1887 đến năm 1908 cụ sung chức giáo-sư ở trường Mỹ-tho, trường Chasseloup-Laubat. Cụ lại lĩnh chức chưởng-giáo trường Chasseloup-Laubat ít lâu, sau cùng cụ mòng-bổ thanh-tra các trường-học ở Nam-kỳ. Trong khi tòng-sự cụ đã tỏ ra là một nhà có biệt-tài về khoa sư-phạm, nên ngày 3 Décembre 1908, chính-phủ đã cử cụ sung vào chức Giám-đốc nha Học-chánh Bắc-kỳ. Cụ giữ chức Giám-đốc nha Học-chánh mười năm trời, lúc nào cũng hết sức lo-toan việc mở-mang các nền học cho lũ anh-niên Nam-việt. Năm 1910, cụ có xuất-bản ra một quyển sách có các lời khuyên-bảo thực-nghiệm rất đắc-dụng cho các thầy giáo trong việc quản-đốc một trường học. Cụ rất nhân-từ với các viên-chức tòng-sự dưới quyền mình, mà lại rất thận-trọng với công-việc chính-phủ. Đến năm 1917, cụ đã già-yếu, thấy công việc nặng-nề quá sức-lực mình, nên cụ đã xin về hưu-trí. Về sau cụ còn đứng chủ-trương tạp-chí *Eveil Economique* một ít lâu nữa.

Ôi ! trong lúc bình-sinh cụ đã hi-sinh làm việc cho đời, đến khi cụ chưa đã được thư-nhàn thì là bước ngay vào giấc ngủ ngàn thâu !

Đồng-bào ta đội ơn giáo-hóa của cụ kể đã nhiều người, nay cụ bỗng-nhiên qui-tiên, thực đã là một cái tang chung cho cả học-giới ta vậy.

Bản-chí xin kính viếng cụ và chia buồn cùng qui-quyến.

Hội các nhà đi săn-bắn

Mới đây có ít nhiều nhà thích săn-bắn đến họp tại tòa Đốc-lý Hanoi để tổ-chức một hội riêng những nhà săn-bắn. Họp đến 12 giờ rưỡi trưa thì nghỉ. Đến 5 giờ chiều lại họp. Trong khi hội-đồng, các nhà dự cuộc đều rất là thỏa-thuận. Hội-đồng đã định những khoản như sau này :

— Xin quan Thống-sứ cứ theo hai cách đã dự-tính của viên thầy-kiện Chính phủ mà thi-hành lệ-luật săn-bắn ở bản-xứ.

— Giảm bớt cái thời-kỳ về vụ săn bắn. Về việc này thì phải làm như sau đây :

Nhà nào có súng thì phải đem trình tòa để nộp thuế là 12 đồng bạc lấy giấy phép, chỉ trừ những viên quản đội và lính tây, lính ta thì được giảm đi một nửa tiền thuế.

— Điều-đình với các quan Công-sứ các hạt đặt ra ban hội-đồng các nhà săn bắn để định những giới-hạn về các địa-hạt săn bắn. Trong những chỗ đất này thì thả những súc-vật để cho sinh nở tự-do, mà cấm không được săn bắn trong một năm.

— Cấm không được đánh chim bằng bẫy.

Tịch-biên những con chim mà lệ-luật đã cấm không được bắn.

Định những số các con vật được phép bắn khi ban đêm.

Hội-đồng đã cử quan Thống-soái Blondlat, quan Đốc-lý Mourroux, ông trạng-sư Berthellot yết-kiến quan Thống-sứ mà trình bày những khoản trên này.

Hội-đồng định đến cuối tháng lại họp một lần nữa, để xét xem có phải thay đổi gì trong điều-lệ hay không

Luật bênh-vực kẻ lao-động

Mấy tháng trước khi Phái-bộ Nghị-viên Đại-pháp qua Hanoi, các đại-biểu hội Bắc-Kỳ Công-Thương đồng-nghiệp có nhờ Phái-bộ chuyển-đệ lời yêu-cầu của bản-hội về quí Chánh-phủ xin thi-hành luật bênh-vực kẻ lao-động tại bản-xứ. Đương khi các nhà lao-động ta đương mong-ngóng về tiêu-tức ấy thì thấy bộ Thuộc-địa ở Đại-pháp có hỏi ý-kiến Chánh-phủ Đông-pháp xem tại bản-xứ có nên thi-hành đạo luật đó để bênh-vực những người lao-động về công-việc làm mà phải tàng-tật cùng là bị hại hay không.

Tại kỳ Hội-đồng phòng Thương-mại ngày thứ sáu 25 Mai 1923, có bàn về vấn-đề này. Xem ý-kiến phần rất nhiều các ông Hội-viên tây và ta đều không thuận thi-hành, đại-để lấy lẽ rằng ở Đại-pháp làm việc phần nhiều về cơ-khí, các nhà máy, các xưởng-thợ đều là những cái cơ-quan rất có trật-tự, vậy đạo luật kia đem thi-hành về những thợ-thuyền ấy thì rất thích-hợp. Ở bản-xứ kẻ lao-động phần nhiều làm bằng tay, thường lỡ chân lỡ tay mà bị thương.

Nhưng việc làm cho mình bị thương như thế, dù hư thực thế nào mặc dầu, song ở Đại-pháp cũng đã thấy nhiều việc khiến cho kẻ lao-động lợi-dụng được đạo luật bênh-vực kẻ vì công việc mà gặp sự tai-nạn.

Nếu ở Đông-Pháp đem thi-hành toàn-thể đạo luật này thì không nên ; mà có thi-hành thì chỉ nên lựa một vài khoản thích-hợp với hiện-tình lao-động-giới bản-xứ mà thôi.

Ông Hội-viên Nguyễn-huy-Hợi là Hội-trưởng hội Bắc-Kỳ Công-Thương đồng-nghiệp có nói rằng họa chăng mới có việc xảy ra như thế ; những người lao-động đổi công khó-nhọc lấy đồng tiền, nhỡ ra gặp tai-nạn vì việc làm, nhiều khi phải thiệt cả đến tính-mệnh nữa, có nhẽ nào ai lại muốn tự hủy-thương thân-thể để lấy tiền bồi-thường. Hoặc-giả có thế chăng nữa thì cũng chỉ là phần rất ít mà thôi. Như vậy thì sự thi-hành luật lao-động ở đây cũng là một cái ơn to mà Chánh-phủ nên làm cho dân bản-xứ. Ông Hội-viên Lê-văn-Phúc là chủ-nhân nhà Đông-Kinh ấn-quán cũng biểu-đồng-tình với ông Nguyễn-huy-Hợi, song phần nhiều trong Hội-đồng không thuận, nên vấn-đề đó vẫn chưa giải-quyết xong.

Nhời con trẻ

Là một quyển gồm các bài tập-đọc cho con trẻ, của ông Nam-hương Bùi-huy-Cường mới xuất-bản; in tại nhà in Thanh-niên, dài 34 trang, giá bán 0p.15. — Trong sách này ông có chia từng tiết-mục, lại khéo chọn lời lẽ thích-hợp với cái trình-độ cho con trẻ, mà có bổ-ích về phần luân-lý, vệ-sinh. Ông là một nhà giáo-sư nên nhiệt-thành chước-tác các sách có thể gọi là sách giáo-khoa cho lớp đồng-ấu được.

— Ông có gửi tặng bản-chí, vậy xin cảm ơn ông và vui lòng giới-thiệu sách ông cùng độc-giả.

* * *

Châu tú Điểm

Bản-chí mới tiếp được một quyển sách nhan-đề là « Châu-tú-Điểm » của ông Bùi-mai-Điểm tặng. Sách này nói về đàn hát trống phách và các lối hát ả-đào, giá bán 0.35 ; vậy bản-chí xin cảm ơn ông và xin giới-thiệu cùng các độc-giả.

Tiểu-thuyết « Tùy-Đường Diễn-Nghĩa ».

Kỳ báo này tiểu-thuyết « Tùy-Đường Diễn-Nghĩa » *xin hoãn lại đến kỳ sau sẽ đăng tiếp theo.*

CÔNG VIỆC HỘI
CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP
HỘI-CHÁNH HÀ-NỘI
Đại - hội - đồng
(Tiếp theo)

Biên-bản ngày 22 Avril 1923

(Tiếp theo). — *Ông Nguyễn-xuân-Đài trình hội-đồng rằng về mấy ông thay mặt Chi-hội Haiphong lên dự hội-đồng về việc bầu tòa Trị-sự, Chi-hội ở xa không hiểu tình-thế của các ông ra ứng-cử, duy chỉ có viên Hội-trưởng là viên có can-thiệp của toàn-thể hội thì phải cần một người có nhiệt-tâm giúp hội, dẫu một ông có tư-cách cao-thượng hơn nhưng không có lòng giúp hội thì cũng không tiện cho hội, vậy Chi-hội Haiphong chỉ có dự bầu viên Hội-trưởng mà thôi, còn các viên-chức khác trong tòa Trị-sự thì tùy các Hội-viên Hội-chánh định-liệu.*

Hội-đồng bỏ vé kín bầu tòa Trị-sự kết-quả được như sau này :

Chánh Hội-trưởng

M. Nguyễn-huy-Hợi được 755 phiếu

Các viên-chức

M.M. Trần-đình-Quang	được	334 »
Bạch-thái-Sơ	»	336 »
Nguyễn-Thống	»	384 »
M.M. Nguyễn-duy-Nho	được	394 »
Nguyễn-đình-Liên	»	278 »
Lê-sĩ-Mão	»	220 »
Bùi-thiện-Nhân	»	298 »
Nguyễn-Long	»	278 »
Nghiêm-Vịnh	»	336 »
Mai-du-Lân	»	214 »
Trần-như-Chất	»	210 »
Nguyễn-Tiến	»	348 »
Lê-ngọc-Giản	»	335 »
Phan-văn-Điền	»	202 »
Nguyễn-hữu-Quát	»	161 »
Nguyễn-bình-Giai	»	88 »
Ng-thượng-Huyền	»	439 »
Phạm-trung-Duật	»	15 »
Nguyễn-khánh-Vân	»	15 »
Đào-trinh-Nhất	»	335 »

Đúng 5 giờ chiều, không còn việc gì bàn nữa, thì Đại-hội-đồng giải-tán.

Thư-ký Nguyễn-đức-Hân — *Chủ-tọa* Nguyễn-huy-Hợi

Kiểm-phiếu-viên

Nguyễn-thái-Định
Vũ-quang-Khánh

Biên-bản kỳ Tiểu-hội-đồng thường nguyệt ngày 4 Mai 1923. — *Họp tại nhà hội-quán số 58 Phố hàng Bông, hiện-diện có những: ông Nguyễn huy Hợi, Trần đình Quang, Lê ngọc Giản, Mai du Lân, Nguyễn Tiến tức Thái lạc, Trần như Chất tức Phong ký, Nguyễn duy Nho, Bùi thiện Nhân, Phan văn Điền, Nguyễn đình Liên, Nguyễn Thống, còn các ông khác kiếu cả.*

Ông Hội trưởng Nguyễn huy Hợi làm chủ-tọa, ông Tổng Thư ký Nguyễn Thống làm thư ký hội-đồng.

Đúng 8 giờ ông Nguyễn huy Hợi khai hội đồng bàn các việc theo chương trình như sau này :

1· Trình về tiệc Champagne và việc Thủ-quĩ. — *Ông Lê ngọc Giản và ông Nguyễn duy Nho là nguyên Phó Thủ quĩ ban Trị sự khóa trước nói rằng, việc quĩ hiện nay tiền nong phải giả các nơi về tiệc Champagne chưa giả xong nên chưa có thể bàn giao được quĩ ; vậy việc quĩ xin để kỳ hội đồng tháng sau sẽ trình. Hội đồng ưng-thuận. Ông Nguyễn duy Nho lại trình hiện nay ông đã lấy tư cách Chánh Thủ quĩ mà đạt giấy hỏi tiền nguyệt-cấp của các ông Hội viên chậm đóng rồi. Hội đồng xin ông chu tất cho về việc đó.*

2· Trình về việc Thư-ký. — *Ông Nguyễn huy Hợi và ông Nguyễn Thống trình các thư của ông Vũ bá Lương, Hội trưởng Chi hội Uông-bí nói về tình thế Chi-hội đương phát đạt và tỏ tấm cảm tình với tòa Trị sự Hội-chánh ; 2· thư của ông Ưng Hạ, Hội trưởng Chi hội Tourane nói muốn từ chức chán Trị sự, vì bận nhiều việc riêng, hội đồng đồng thanh muốn lưu ông Ưng Hạ tại chức vì ông có công với Chi hội từ đầu ; 3· thư của ông Tạ đình Thận, Đại biểu ủy viên Chi hội Haidương, vì bận việc riêng xin từ chức và tiến cử ông Nguyễn khắc Ngọc lên thay, hội đồng chuẩn y và định viết thư cảm ơn ông Thận về các công việc ông đã giúp hội về trước ; 4· thư ông Nguyễn khắc Ngọc nói về việc Chi hội Haidương, và mấy bức thư của các ông Hội viên cảm ơn hội đã cắt cử Ủy viên đi thăm nom phúng viếng vân vân...*

Ông Nguyễn Thống nói : Như biên bản xin cứ đến kỳ hội đồng sau thì đọc biên bản kỳ hội đồng trước, để hội đồng nghe, có sửa đổi lại điều gì thì sửa ngay và chỉ có viên Chủ tọa và viên Thư ký hội-đồng ký tên mà thôi vì nhiều ông đi dự hội đồng kỳ trước đến kỳ sau không đi thì khó lấy chữ ký cho đủ ; vậy nay xin cứ đọc lên để cả hội đồng công nhận là đủ. Hội đồng chuẩn y.

3· Xét lời bàn của ông Nguyễn thế Long (*Hội trưởng Chi hội Vietri*). — *Ông Nguyễn huy Hợi trình hội đồng lời bàn của ông Nguyễn thế Long Hội trưởng Chi hội Vietri nói hội ta nên lập ra các thứ bội tinh để thưởng cho các ông Hội viên có công với hội. Hội đồng chuẩn y và định sẽ loan báo cho toàn thể hội biết, và định sẽ cử một ban tiểu hội đồng trông nom vào việc đó.*

4· Việc cử thêm Đại-biểu các nơi. — *Ông Nguyễn huy Hợi trình mấy bức thư của hội viết cho ông Nguyễn khắc Ngọc và ông Nguyễn đức Tường ở Haidương, ông Nguyễn trung Chính ở Vinh để hỏi ý kiến các ông về việc các ông định giúp hội làm Đại biểu ở hai tỉnh ấy. Ông Lê ngọc Giản nói rằng Hongay và Uông bí là nơi hẻo lánh mà nay đồng bào ta đã rõ nghĩa « hợp quần hữu ái » nên mỗi nơi đã thành lập một Chi hội, huống chi là Tuyên quang cũng có nhiều mỏ, nhất là mỏ Tràng-đà, gần ngay tỉnh, người*

làm tất cũng có đến mấy nghìn người, ông bèn giới thiệu cùng hội đồng ông Trần kim Khánh làm kế toán ở mỏ Tràng-đà đã lâu năm, là người rất đứng đắn và có giá-trị ở tỉnh Tuyên quang, xin để gửi thư mời ông Khánh vào hội, và nhờ ông ấy đứng lập cho chi hội Tuyên quang. Hội đồng điều lấy nhời bàn làm chánh đáng và giao cho ông Lê ngọc Giản thay mặt hội mà viết thư cho ông Trần kim Khánh. Cứ như lời ông Giản nói thì ông Trần kim Khánh ở Tuyên-quang ai cũng kính mến chắc không bao lâu ông Khánh sẽ lập thành một Chi hội ở Tuyên quang.

Các việc vặt :

5· Việc báo-chương. — Ông Nguyễn Thống nói : Hội ta đã có tạp-chí Hữu-Thanh mỗi kỳ mười trang làm cơ-quan cho hội, sự ích lợi thực thấy đã rõ ràng. Song hiện nay hội ta càng ngày càng bành trướng công việc càng nhiều, các biên bản đang vào mười trang báo có khi không đủ. Hội ta còn nhiều việc cần đang vào một tờ báo ra hàng ngày để loan báo cho các Hội viên được mau chóng. Các báo tây, nam vẫn hoan nghênh các bài lai cảo của hội ta, song sự đăng tải không được rộng rãi cho lắm. Ông Mai du Lân nói : Hiện số Hội viên bản hội rất đông, nếu các hội viên trong hội mua Thực Nghiệp dân báo cả, thì ông sẽ bằng lòng để các cột trong báo Thực Nghiệp mà đăng các công việc hội, hoặc việc công, hoặc việc hiếu, hỉ của các ông hội viên. Hội-đồng đồng-thanh cảm ơn ông Mai du Lân và xin nhận sẽ cổ động cho tất cả các Hội viên trong hội mua Thực-Nghiệp dân-báo và sẽ coi Thực-Nghiệp dân-báo như là một cái cơ quan thứ hai cho hội, để bản hội và báo Thực Nghiệp cùng làm ích lợi lẫn cho nhau.

6· Ông Nguyễn Thống đọc biên bản kỳ Tiểu hội đồng ngày 27 Avril 1923, hội đồng đồng thanh công nhận.

Đúng 10 giờ không còn việc gì bàn nữa, hội đồng giải tán.

Thư-ký NGUYỄN-THỐNG — Chủ-tọa NGUYỄN-HUY-HỢI

Chi Hội Haiphong

Đại-hội-đồng

Biên-bản (Tiếp-theo)

Lúc nẫy tôi đã nói rằng công việc hội không có phồn tạp mấy. Vậy thì việc hành động vẫn như thường không có việc gì quan trọng phải đem kể ra đây vừa phí thì giờ vừa chán tai quý hữu, mà có kể ra đây nữa chẳng qua là đem phô công mấy viên giúp Hội nhắc lại tên mấy ông quá cố, đọc tên mấy ông mới vào hội đọc vài ông chưa đóng tiền caisse đem phô món tiền caisse rồi khoe các sản nghiệp hội ra hết.

Những cái đó các quý hữu điều rõ cả rằng những viên giúp hội vẫn chịu khó, các việc giúp đỡ thăm viếng rầu sa sôi lận đận đến đâu cũng chẳng quản công, giấy xin vào hội chủ nhật nào cũng có, tiền quỹ hội

cũng vẫn gửi Banque, sản nghiệp hội thì mới có miếng đất, mua ở phố Paris, có tiền gửi ở Banque, có tiền mua quốc trái có tiền để dành.

Các ngài muốn biết cho tường tận xin rở sổ hội ra mà xem hôm nay có đưa cả ra đây từ sổ đưa thơ, sổ quỹ sổ biên bản, công việc hội là gồm cả ở đây.

Duy có một việc quan trên trú mục, người ngoài lưu tâm, trong anh em ta ai cũng hi vọng, là việc làm nhà hội quán.

Kỳ đại hội đồng năm ngoái chúng tôi có xin các quý hữu chuẩn y cho chúng tôi được phép mở sổ quyên mua đất làm nhà hội quán.

Các quý hữu điều ưng. Vậy xin trình các quý hữu rằng đất làm nhà hội quán đã mua rồi, miếng đất ấy ở ngang cửa sở Sà-phòng bề rộng 10 thước bề dài 40 thước, một mặt ăn ra đường Paris, một mặt ăn ra đường Sergent Guiné, thành ra đất hội có hai mặt phố, khi làm nhà hội thì mặt đường Paris ta để chừa ra 5 thước đằng sau ta cũng chừa ra 5 thước, thì khi nhà hội sây song, ta đứng ở phố Paris mà ngắm thì cái nhà ở bên trong cái vườn mà đứng ở phố Sergent Guiné mà ngắm thì cái nhà ở giữa hai cái vườn hai bên, hiện bây giờ chúng tôi đương đăng báo thì về kiểu, đáng lẽ đến 15 Mars 1923 là hết hạn, thì hôm nay thế nào cũng có các kiểu đưa ra trình các quý hữu, nhưng vì có nhiều các ông danh họa tỏ ý muốn xin chậm lại để vẽ cho được tận thiện tận mỹ.

Vả chăng nhà hội là cái phương diện của hội, không phải việc cần thả được, nếu chúng tôi cũng chiều ý các ông ấy mà hoãn lại một tháng, cho đến 15 Avril khi bấy giờ sẽ có cử hội đồng chấm kiểu rồi sẽ làm đơn xin phép khởi công, thế là công việc dựng nhà hội đã sếp đặt chu đáo, nay chỉ còn có việc kiếm tiền khởi công mà thôi.

Việc là việc ích, nhà hội là cái cơ sở của hội mà nơi anh em ta lui tới thân cận với nhau học hành giảng bảo lẫn nhau, bàn điều hơn lẽ thiệt cùng nhau, chưa có nhà hội, hội vẫn chân nàng anh em ta vẫn bỡ ngỡ không biết chỗ nào mà hỏi han công việc hội, cái nhà hội không những là tiện cho anh em chi hội ta, mà lại tiện cho các chúng bạn ta ở các nơi khác đến đây kẻ đi sa người về gần cũng có nơi mà lui tới, còn nhiều điều tiện lợi khác tôi không giám kể quá lời các quý hữu đã rõ cả, bởi thế cho nên khi chúng tôi mở sổ quyên các quý hữu đua nhau mà cúng, cái lòng khẳng khái ấy khiến cho chúng tôi vui vẻ mà cố sức giúp cho hội đến thành không giám quản điều gì phỉ báng của những phe phản đối với hội ta.

Những việc lớn như thế không phải của một người mà nên, không phải công của một người mà thành được, là phải nhờ ở như các quí hữu, nhờ lòng công nghĩa của mọi người nhờ ở hàng tâm hàng sản của các chi hội ta, nhờ ở như lòng quảng đại của các hiệu buôn bán lớn là có công giúp đỡ mở mang.

Vậy thì các quý hữu lưu tâm mà cổ-động cho hội.

Đó cái tình hình trong hội ta là thế chúng tôi đội lòng tin ái của các

ngài, đã nói theo lương tâm mà làm việc cho hội, đến nay đã được hơn hai năm, kể cũng đã lâu rồi, hôm nay xin các ngài nào có thì giờ xin đừng quản ngại ra giúp hội dỡ chúng tôi, hội là hội hữu việc là việc chung, mỗi người nên ra công một chút thì công việc mới thành : chúng tôi vừa phần giúp khi đã lâu vừa phần bận việc xin các ngài cho nghỉ.

Vậy xin các ngài đem tâm đem sức vào mà giúp cho khi được chóng thành đạt cho khi Bắc kỳ công thương đồng nghiệp ta được nên trường.

(Còn nữa kỳ sau đăng tiếp)

Chi Hội Nam-định

(Tiếp-theo)

Ông Nguyễn duy Nho cũng đứng lên nói mấy câu ; đại-ý ông cảm ơn Chi hội Namđịnh vì ông đã được hân hạnh thay mặt Hội chánh xuống dự Đại hội đồng hôm nay, trước hết ông chúc Chi hội Namđịnh thịnh vượng, rồi lại chúc cả toàn thể hội được cùng mấy non Nùng giòng Nhị mà vĩnh viễn vô cùng. Kế ông Nguyễn Thống thay mặt hội mà nói về công-việc trong toàn-thể hội như sau này :

Thưa các ngài,

Từ khi Chi-hội Nam-định ta thành-lập đến giờ, tôi đã được nhiều lần thay mặt Hội-chánh xuống đây họp mặt cùng các ngài mà cùng các ngài tỏ tình thương-ái tương-thân, khi về luống những vẩn-vơ hoài-cảm. Ngày nay là ngày Đại-hội-đồng thường-niên của Chi-hội ta, Hội-chánh có cử ông Nguyễn-duy-Nho đây và tôi xuống chứng-kiến, trước là để trình-bày cùng các ngài về công việc trong toàn thể hội, sau là cùng các ngài hưởng cuộc vui chung trong khi đàm-đạo cho bõ những lúc khát-khao mong-nhớ.

Hội ta từ khi ra đời đến giờ thấm thoắt đã được hơn ba năm trời nay, các bạn đồng-sự các sở công-thương trong nước đâu đâu cũng là hoan-nghênh cái mục-đích của hội mà vỗ tay vui-mừng ký giấy vào hội ngày một đông. Trong vòng năm 1922 vừa qua, hội ta thêm được ba Chi-hội nữa là những Chi-hội Việtri, Uông-Bí và Tourane, như vậy là hội đã được tám Chi-hội có Tòa Trị-sự quản-trị công-việc rồi, còn những nơi chưa đủ số Hội-viên thì có một ông Đại-biểu ủy-viên thay mặt hội đứng giao-thiệp, còn thời thuộc thẳng cả về Hội-chánh Hanoi. Trong xứ Trung-kỳ đã có hai Chi-hội. Thanh-hóa và Tourane thành lập, có nghị định của quan Khâm-sứ cho phép hành động, chắc sau này trong khoảng cửa Hàn núi Ngự, các bạn đồng-nghiệp ta sẽ lục tục lập dần lên các Chi hội khác, mà thanh thế hội cũng sẽ tràn khắp mãi vào những nơi, dòng Cửu-long đảo Phú-quốc ở trong Nam. Cái thế-lực của hội ta ngày một bồng-bột cao-thăng toàn thị là nhờ ở tấm lòng nhiệt-thành hăm hở của khắp hàng Hội-viên trong toàn thể hội, ai ai cũng hết sức cổ-võ trong anh em để mời vào hội cho được ngày càng thêm đông vây mạnh cánh.

Hội ta càng to thời các khoản phí về tiền trợ-cấp và các thứ tiêu khác lại càng nhiều, bởi vậy vừa mấy tháng nay ông Chánh Hội-trưởng Nguyễn huy Hợi đã liên-lạc được với mấy hội người Pháp trong hai xứ Trung Bắc-kỳ để cùng đầu đơn yêu-cầu cùng Chính-phủ bảo-hộ cho phép mấy hội hàng năm được mở cuộc sổ-số lấy tiền trợ-cấp cho các Hội-viên, thời hiện nay đã được quan Thống-sứ cho phép rồi, từ đây về sau mỗi năm hội ta có thể thu về món tiền đó sáu nghìn hay sáu nghìn rưỡi bạc. Vậy tôi xin các ngài cùng chúng tôi thay mặt hội mà cảm ơn ông Hội-trưởng Nguyễn huy Hợi đã hết lòng lo lắng cho hội như vậy.

Chi-hội Haiphong là một Chi-hội thành lập ngay sau khi Hội-chánh Hanoi sáng lập, được các viên-chức trong tòa Trị-sự hết sức cổ động và toàn thể Hội viên hết dạ nhiệt thành nên đã mua được một khu đất để nay mai dựng nhà hội-quán. Thực là một việc đáng mừng lắm, vì cơ sở của hội được vững bền cũng là nhờ ở sự lập được nhiều nhà hội quán để Hội viên được có chỗ riêng của mình tự do lui tới cùng nhau đàm luận nghĩa lý, văn chương, tỏ tình thân-ái thì mục đích của hội mới được trọn ven vậy. Khi nào khởi công chắc hội phải cần có một số tiền to để có thể xây một cái nhà nguy-nga tráng-lệ mà làm vật kỷ-niệm đời đời cho hội. Vì hội-quán ở đâu cũng là bất-động-sản chung của hội cả, tất hội phải để cho Hội viên khắp hội ai ai cũng có phần vào việc xây dựng, vậy hội sẽ mở cuộc lạc-quyên, chắc các ngài đây ngài nào cũng sẵn có lòng vui vẻ kẻ ít người nhiều góp công góp của xây cho cao cái đài « hữu-ái » cho hội tại đất Haiphong vậy.

Hữu-Thanh là tạp-chí của hội dựng nên để làm cơ-quan cổ-động cho hội, ngoài các bài luân lý, văn chương, khoa học, kinh tế, thực nghiệp, hội ta có phần mỗi kỳ mười trang để đăng tải các công việc hội và các tin tức của hội viên, tòa Trị-sự Hội-chánh giao cho tôi đảm-nhiệm việc biên-tập, công việc tuy nặng nề song tôi vẫn phải hằng lo lắng sao khỏi phương-hại đến nơi trọng yếu của hội. Nhân tiện đây tôi xin các ngài là bực cao minh thức giả, các ngài có bài gì bàn về việc hội có lợi ích cho đồng nhân thời các ngài gửi về cho ông Hội trưởng Nguyễn huy Hợi, rồi tôi soạn để đăng lên tạp-chí cho bà con trong hội ta cùng đọc và giúp đường kiến-thức cho các độc-giả khác của Hữu-Thanh tạp-chí nữa. Hữu-Thanh tạp-chí là của hội ta giao cho hội Ich-Hữu thư-xã xuất bản, trước đây hội Ich-Hữu thư-xã gặp phải hồi biến động là do mấy người làm việc hội không có bụng công tâm, chắc phần nhiều các ngài ở đây có cổ-phần trong hội cũng đã rõ cả. Hiện nay được ông Nghiêm-Vịnh lên đảm-đương làm chủ-nhiệm, ông là người có nghị-lực có tài chí, vả lại ông xuất tài xuất lực ra rất nhiều để vừa sang lại, nên tình thế của hội bây giờ cũng đã tạm vẫn-hồi được vậy. Hội Ích-Hữu thư-xã ngày nay được ông Nghiêm-Vịnh chủ-trương, lại có cơ phát-đạt bồng-bột lên được. Kỳ Đại Hội-đồng vừa rồi, các cổ-đông thấy công việc ông làm rất chánh-đáng nên đã chuẩn-y cho ông thu nốt tiền cổ-phần của các nhà cổ-đông chưa đóng đủ để về khoáng trương việc hội. Vậy các ngài cổ-đông là Hội-viên trong Chi hội ta ngài nào còn thiếu tiền thì cũng nên kíp gửi về cho hội để làm việc công-ích. Tạp-chí Hữu-Thanh là tạp-chí của hội, trong tạp-chí đăng-tải hết các công-việc của hội ta, xin các ngài nào chưa mua tạp-chí thì gửi giấy về mua ngay để được thường biết hiện-tình của hội ra thế nào, và có dịp đàm-luận cùng nhau trên chốn

diễn-đàn, ngỏ lời thân-ái cùng nhau trên tập báo. Vả lại báo là cái lợi-khí cho cuộc văn-minh tiến-bộ, phàm các tư-tưởng học-vấn đều giải bầy trên đó cả, ta đọc báo chẳng những được hiểu biết công việc hội ta, mà còn có thể mở mang đường kiến-thức cho ta được nữa. Vậy xin các ngài chẳng những nhiệt-thành mua báo đọc báo mà cổ-động cho các người ngoài hội cũng mua báo đọc báo để cho báo hội được phát-đạt thì hội ta cũng nhờ đó mà phát-đạt lên.

Nhân đây tôi xin trình qua về việc tôi, hồi trong hội Ich-Hữu thư-xã biến-động phải bọn mọt hội ghen ghét vì tôi đã lấy lời trung-ngôn mà giải-bầy cùng các viên hội, nên họ hết sức công-kích tôi, đặt ra lời nọ tiếng kia khiến cho tôi phải đeo tiếng xấu. Hồi đó được mấy ông cổ-đông là Hội-viên Chi-hội ta đây biết dích sự thực làm chứng cho tôi là người có bụng công-tâm, tôi rất lấy làm cám ơn. Đó là việc riêng của tôi đối với hội Ich-Hữu thư-xã đáng nhẽ tôi không dám đem trình-bày ra đây, xong e rằng nếu không bộc-bạch ra cho rõ-ràng thì các ngài có lòng ngờ-vực, mà phương-hại đến danh-dự tôi và chức-vụ tôi đối với hội Công-Thương Đồng-Nghiệp ta nữa.

Thôi, thô-thiển mấy lời, gọi là trình-bày qua cùng các ngài hiện-tình của hội ta, đến kỳ Đại-hội-đồng Hội-chánh ngày 22 Avril này các ngài sẽ nghe tờ trình riêng về từng Chi hội và về tình-thế chung của toàn-thể hội của ông Chánh Hội-trưởng Nguyễn-huy-Hợi.

Nay tôi hãy xin thay mặt hội mà cảm ơn các viên-chức trong tòa Trị-sự cũ Chi-hội Nam-định ta đã hết dạ nhiệt-thành hết lòng làm nghĩa-vụ, nên duy-trì cho Chi hội được vững-vàng như thế này, ông Hội-trưởng Nguyễn-văn-Thịnh lại có thể về nhận trọng-trách cho Chi hội, thì tương-lai Chi-hội ta lại có thể bành-trướng mãi lên, mà làm nơi trung-tâm-điểm đại-biểu cho các Hội-viên ở các tỉnh Thái-bình, Ninh-bình, Hưng-yên, Hà-nam, Hội ta mà bền-vững phát đạt được, toàn nhiên là nhờ ở lòng nhiệt thành của các Hội viên, xin các ngài thủy chung như nhất, mỗi ngài một tay mà thêu hoa dệt bướm cho hội được ngày một rực-rỡ huy-hoàng thì công lao của các ngài đối với hội bao giờ cũng vẫn vẳng vặc như trăng sao mà không bao giờ tiêu ma đi được.

Tôi nói đây là do tấm lòng thành-thực của tôi nó thổn thức ở trong buồng tim, có điều gì sơ-xuất cũng xin các ngài vì tình hữu-ái mà lượng-thứ cho. Vậy nay tôi xin nối lời cùng các ngài mà chúc cậu Bắc-kỳ Công-Thương đồng-nghiệp hội vạn tuế, Chi-hội Nam-định vạn vạn tuế.

Ông Nguyễn-Thống nói rứt lời, Đại-hội-đồng vỗ tay hồi lâu và đồng thanh cảm ơn các viên-chức trong tòa Trị-sự Hội-chánh đã hết lòng làm việc cho hội được nhiều kết-quả hay như vậy.

(Còn nữa kỳ sau đăng tiếp)

Chi-hội Uông-bí

Biên bản kỳ Đại hội đồng thành lập. -- *Ngày 15 avril 1923 là ngày chủ nhật đúng 2 giờ chiều Đại hội đồng họp tại hội-quán của hội có các quí quan và phái viên Hội chánh đến dự lễ.*

Quan Chánh-sứ Quảng-yên M. About và ông chủ Mỏ Than M. Barondeau là Danh-dự Chánh Hội-trưởng bận việc có giấy cáo, M. Lagoutte, Ingénieur sở Mỏ Than thay mặt M. Barondeau làm Chủ-tọa.

Hội đồng có mặt :

Các qúi quan : M. M. Lagoutte Ingénieur ; Grollier Chef du Bureau de la Comptabilité ; Pouchat Entrepreneur ; Saglietto Chef des Ateliers ; Danh dự hội viên : Bridoulot Chef de la Garde Indigène ; Videllier và qui phu nhân Chef de Division de la Forestière ; Gonin Chef des Services extérieurs ; Cristiani ; Gras ; François, Surveillants.

Phái-viên Hội chánh : Vì M. Nguyễn-huy-Hợi Chánh Hội-trưởng và M. Nguyễn-đức-Hân lỡ gặp sóng gió phải quay trở lại, nên hai ông có phái một mình M. Nguyễn-thượng-Huyền đi thay mặt.

Các Hội viên Chi hội Uông bí. hiện-diện có M.M. Vũ bá Lương, Phạm xuân Quang, Đỗ tế Khẩm, Nguyễn đăng Tập, Ng. ưng Long, Hà Phác, Lê văn Bình, Nguyễn qúy Tùy, Vũ đình Tư, Nguyễn văn Qúi, Đinh quang Chinh, Trần hoàng Quyền, Trần văn Thi tức Dụng, Nguyễn văn Ngọ, Lê văn Thịnh, Hoàng văn Xuân, Vũ đình Lăng, Nguyễn văn Lợi, Nguyễn văn Giảng, Vũ huy Kiêm, Nguyễn văn Vân, Phạm gia Thọ, Ngô thắng Long, Vũ đình Thành, Lê Quang Ý, Lưu đức Chương, Ngô quang Lượng, Trần chung Dần, Đinh văn Thầm, Vũ đình Nhữ, Đỗ văn Đăng, Ngô đình Phan, Lưu đăng Tiến, Nguyễn huy Liêm, Ngô huy Loát, Nguyễn văn Lũy, Lê vị Ngàn, Đặng quang Hoa, Nguyễn văn Nhớn, Trần văn Ủy Ngô chấn Long, Phạm văn Lung, Nguyễn đình Quĩ, Đàm Hòe, Phạm ngọc Cơ Trần văn Tấn, Nguyễn văn Đài, Đồng hoàng Trợ, Trần văn Mai tức Phiệt, Nguyễn văn Mai tức Louis, Trần văn Phúc, Đoàn văn Chức, Bùi đức Tân, Nguyễn trọng Đăng, Nguyễn văn Gon, Nguyễn thế Quế, Nguyễn văn Tuất, Vũ trọng Kiên, Nguyễn văn Tấu.

Hội-viên vắng mặt : Vũ xuân Phương, Nguyễn đan Quế, Nguyễn hữu Trí, Nguyễn khánh Tín, Nguyễn văn Sâm, Bùi Quang Phu, Phạm văn Niệm, Nguyễn văn Huy.

Các Danh-dự Chánh Hội trưởng và Tán trợ Hội viên vắng mặt : M.M. About Chánh công sứ Quảng-yên ; Barondeau, Chủ Mỏ Than Uông-bí Chu văn Minh, Entrepreneur.

Đúng 2 giờ đốt pháo rồi khai hội đồng, đoạn rồi đến phường nhạc tây cử khúc nhạc mừng, rứt khúc nhạc ông Vũ bá Lương đứng lên đọc các giấy má như sau này :

Quảng-yên le 14 Avril 1923.

Monsieur le Président de l'Association Amicale des Employés Indigène de Commerce et d'Industrie Section Uông-Bí.

à Uông-Bí.

Monsieur,

J'ai le regret de vous informer que retenu par les élections pour la Chambre Consultative il ne me sera pas possible de présider demain votre réunion.

Veuillez agréer, Monsieur, l'assurance de ma considération la plus distinguée.

Singé : About

Télégramme.

Devant impossibilité monter Uong-Bi regrette beaucoup ne pouvoir présider votre réunion et prie Monsieur Lagoutte me remplacer dites à vos collègues que toute ma bienveillance leur est acquise et que je compte sur leur dévouement Vous réunirai à nouveau cette semaine.

BARONDEAU HAIPHONG

(Còn nữa kỳ sau đăng tiếp)

CÁC TIN TRONG HỘI

Bản-hội mở ra mục này để đăng-tải các tin buồn, tin mừng, tin thuyên-chuyển, vân vân... của các Hội-viên trong hội. Vậy ngài nào có tin-tức gì, xin gửi thư riêng về cho ông Chánh Hội-trưởng, ngoài bì đề là «Các tin trong hội» để tiện việc bóc thư.

Tòa Thư-ký Hội-chánh

Nhà Hội-quán Hội-chánh. — Hội-chánh là gốc để của bản-hội, bao nhiêu công việc hội ở các nơi đều phải gửi về, bao nhiêu nghị-định trong hội cùng do đó phát đi, các kỳ Đại-hội-đồng nhóm họp các Hội-viên trong toàn-thể hội phải ở Hanoi. Nhà Hội-quán Hội-chánh rất cần phải sớm có, nên các viên-chức trong tòa Trị-sự Hội-chánh đã dự tính từ lâu.

Vậy bản-hội định rằng khi nào tìm được một khu đất rộng-rãi quang-đãng đủ làm một tòa nhà nguy-nga tráng-lệ có thể dung được số Hội-viên về dự Đại-hội-đồng Hội-chánh thì sẽ làm đơn xin Chính-phủ nhượng cho bản-hội.

Vậy ta cũng nên mong cho Hội-chánh sớm có nhà Hội-quán.

Cuộc sổ số. — Ông Chánh Hội-trưởng Nguyễn-huy-Hợi mới được tiếp mấy vị qui-quan trong Phủ Thống-sứ Bắc-kỳ, các ngài có nói rằng cuộc sổ số hàng năm mà bản-hội được dự phần, thì đã định vào tháng Aout này mới bắt đầu có số bán.

Đổi chỗ ở. — Ông Nguyễn-ngọc-Lâm là Hội-viên Chi-hội Viétri, nay đổi về làm Cai Dépôt ở Gia-lâm và thuộc về Hội-chánh Hanoi.

* * *

Ông Nguyễn-Triệu là Hội-viên Chi-hội Saigon mới đổi về tòng-sự tại Laboratoire Radio, và ở nhà No 84 Route de Hué. Vậy nay ông Nguyễn-Triệu lại thuộc về Hội-chánh Hanoi.

* * *

Ông Trần-đông-Bắc Hội-viên Chi-hội Hongay mới đổi về tòng-sự tại sở Mỏ-than Uông-bí. Vậy nay ông Trần-đông-Bắc lại thuộc về Chi-hội Uông-bí.

Xin ra hội. — M. Trần-minh-Kinh chez Thịnh-Hưng, 9 Rue du Chanvre — Hanoi có đơn xin ra hội ngày 28 Mai 1923, hội-đồng Trị-sự đã chuẩn-y, vậy kể từ ngày ấy M. Kinh không phải là Hội-viên bản-hội nữa và cái phiếu hội-viên số 112 mà M. Kinh còn cầm cũng kể là vô giá-trị.

Việc cổ-động Hội viên. — Ông Nguyễn-thế-Long Hội-trưởng Chi-hội Viétri bàn rằng: « Phàm hội nào cũng vậy Hội-viên có đông thì hội mới thịnh-đạt. Hội đã thịnh-đạt thì thế-lực hội mới bành-trướng. Muốn cho việc cổ-động chóng thành-hiệu thì phải ghi công các ông đã cổ-động được nhiều Hội-viên vào hội.

Như mới đây ở tập biên-bản của hội Công-Thương Pháp nói ông nào cổ-động được 75 Hội-viên thì hội thưởng bội-tinh vàng, 50 thì bội-tinh bạc, 25 thì bội-tinh đồng, 10 thì được giấy khen, nếu hội ta mà theo hội Pháp cũng thưởng như thế, chắc chẳng bao lâu số Hội-viên sẽ gấp mấy bây giờ. »

Kỳ hội-đồng Trị-sự Hội-chánh tháng Mai vừa rồi đã công-nhận lời bàn của ông Nguyễn-thế-Long và định thi-hành.

Lễ Đại-Khánh-thành Chi-hội Tourane. — Kỳ trước bản-hội đã bá-cáo rằng Chi-hội Tourane đến ngày 3 Juin sẽ làm lễ Đại-khánh-thành, song sau lại hoãn lại đến ngày chủ-nhật 24 Juin 1923 này, nay mới được tin ông Chánh Hội-trưởng Nguyễn-huy-Hợi định vào dự lễ và chứng-kiến kỳ Đại-hội-đồng để họp mặt cùng các anh em chốn Cửa-Hàn mà tỏ tình thân-ái ; còn các Chi-hội khác chưa biết định cử ai đi.

KẾ-TOÁN-HỌC

(Comptabilité)

PAR MAURICE CHAPAT

(Suite)

EFFETS DE COMMERCE

Principe fondamental

L'argent est, en principe, la base des échanges.

J'achète 100 kgs de riz, je donne 8 piastres.

Mais, ce qui est vrai dans le petit commerce, ne l'est plus dans les grandes entreprises. Une maison de commerce qui fait d'innombrables affaires *ne peut payer à chaque achat, ni encaisser à chaque vente.* Cet inconvénient ressort davantage si l'on envisage les maisons d'exportation qui font de gros achats ou de grosses ventes à l'extérieur ou même de ville à ville.

Je vends 100 tonnes de riz à Saïgon ;

J'achète, par contre, 50 tonnes de sel à Van-Ly.

Je n'enverrai pas l'argent à Van-Ly et je ne recevrai pas de Saïgon.

Mais alors comment seront payées ces fournitures?

Par des effets de commerce.

La vente de Saïgon et l'achat de Van-Ly pourront être liquidés: soit par **lettre de change du fournisseur** soit par **billet à ordre du client.**

Ces effets pourront être régularisés comme suit :

a/ **cédés** à une Banque (*négociation*) sous déduction d'un intérêt (*est comple*) si je veux le réaliser immédiatement.

b/ **transmis** à des tiers par voie d'endossement;

c/ **soldés** à l'échéance par la caisse.

Définition

L'effet de commerce est, conséquemment, un écrit comportant l'obligation de payer à celui qui le détient légalement, une somme d'argent à une époque déterminée.

Division

On distingue, parmi les effets de commerce :

1 La lettre de change ou traite ;
2 Le billet à ordre ;
3 Le chèque.

Formes

La lettre de change comporte :

1° le **tireur**, qui émet la traite et ordonne de payer ;

2° le **preneur** ou bénéficiaire, à qui le montant de la traite doit être payé ;

3° le **tiré**, qui reçoit l'ordre de payer ;

4° l'**endosseur**, qui passe le montant de la traite à un tiers qui devient le nouveau bénéficiaire ;

5° l'**acceptation**, qui est l'engagement que prend le tiré d'acquitter le montant de la traite à la date fixée ;

L'acceptation est dite :

simple, quand elle a lieu sans réserves pour le montant total de la lettre de change ;

restreinte, quand le tiré n'accepte qu'une partie du montant de la traite ;

par **intervention**, quand elle est donnée par un tiers à la place du tiré absent ou insolvable ;

6° l'**aval**, qui est l'engagement que prend un tiers de payer la lettre de change si le tiré ne pouvait le faire. — Ce tiers devient le **donneur d'aval**.

Législation

La lettre de change devenant ainsi instrument de crédit, la Loi a rédigé des règles sévères pour tous ceux qui interviennent dans la transmission de cette valeur.

1° Elle stipule que les endosseurs sont solidairement responsables en cas de son paiement ;

2° Le refus de paiement du tiré entraine le **protêt** et, consécutivement, la saisie.

2e BILLET A ORDRE

Définition

C'est l'engagement par lequel une personne **promet** de payer à une autre personne ou à son ordre une somme déterminée, à une date convenue.

Modèle de billet à ordre

Hanoi le 1er Février 1919 B. P. p. 1.500 p. 00

Au 1er Mai prochain je paierai à M. **PARLEMENT** ou à son ordre la somme de **MILLE CINQ CENTS PIASTRES**

valeur reçue en Marchandises.

SANETAN
119, Rue Marchand
Haiphong

Règles

Les différentes règle de la Lettre de change s'appliquent au Billet à ordre.

Il existe aussi des billets au porteur, mais généralement le billet est nominatif ou à ordre.

3e CHÈQUE

La **lettre de change** et le **billet à ordre** sont, à proprement parler, des **instruments de crédit**. Le **chèque** est un **instrument de paiement**. Il suppose un dépôt, une provision d'argent, dont il représente tout ou en partie.

J'ai un dépôt à la Banque à Hanoï ; j'ai plusieurs factures à régler à Hanoï et je suis à Nam-Dinh. Vais-je faire venir l'argent de Hanoï pour le renvoyer immédiatement dans cette ville ? Non. — Je demande un « carnet de chèques » et je puis ainsi remettre en paiement des chèques au gré de mes besoins jusqu'à concurrence du montant de mon dépôt en Banque.

Nous avons vu précédemment que le commerçant pouvait, dans les opérations, recevoir de ses clients ou remettre à ses fournisseurs des Effets de commerce. La nature de l'Effet varie donc suivant qu'il s'agit d'une *vente* ou d'un *achat*.

S'il s'agit d'une *vente*, il aura à *recevoir* un Effet ;

S'il s'agit d'un *achat*, il aura à *payer* un Effet.

Pour établir cette distinction dans les opérations de comptabilité, on a prévu :

Le compte : *Effets à payer* ;

Le compte : *Effets à recevoir*.

Le compte : *Effets à payer* concerne *les achats.*

Le compte : *Effets à recevoir* concerne *les ventes.*

Modèle de chèque

N°	BANQUE DE LAOKAY	p. [redacted]
Série		N° Hanoi le *(date en toutes lettres)*
M		Payez à M
p.		à son ordre ou au porteur la somme de [redacted]
le		[redacted]
		(Signature)

AUTRES EFFETS DE COMMERCE

On classe encore parmi les effets de commerce :

1°) LE MANDAT.

2°) LE WARRANT.

1°) LE MANDAT est l'effet par lequel un souscripteur charge une personne de faire un paiement à un tiers. La loi ne le reconnait pas. Revêtu généralement des mentions (*non acceptable*) et (*retour sans frais*), il ne constitue par lui-même qu'une simple invitation à payer.

2°) LE WARRANT est le *bulletin de gage* délivré dans les **Magasins généraux** à celui qui dépose des marchandises.

Les **Magasins généraux** ou docks, créés depuis 1848, reçoivent des dépôts de marchandises. Leur but est de faciliter les ventes et les prêts sur gage.

Le bulletin de gage délivré est *transmissible par voie d'endossement* comme la lettre de change.

1ère LETTRE DE CHANGE

Définition

La lettre de Change est un effet de commerce par lequel une personne ordonne à un tiers de payer, soit à elle-même soit à une autre personne, une somme déterminée, à vue ou à terme, dans une localité désignée par elle.

Modèle de lettre de change

(1 — RECTO)

MARCHAND & Cie HANOI

Hanoi le 2 Février 1919 — B. P. p. 1 000 . 00

Au Premier Mai prochain veuillez payer par cette . . . de change à l'ordre de M. **LEMOINEAU** Quang-Yên

la somme de **MILLE** **PIASTRES**

valeur reçue en marchandises à

M. LATUILLE Négociant à Haiphong — que passerez sans autre avis

Accepté — MARCHAND & Cie

LATUILLE — Bon pour aval LAGARDÈRE — Timbre

Acceptation — Tiré — Preneur ou Donneur d'aval — Tireur

Bénéficiaire

2 — (VERSO)

Payer à l'ordre de MM. DUBATEAU Cie à Haiphong, valeur en compte

Quang-Yên, le 15 février 1919 — endossements

LEMOINEAU

&

Payer à l'ordre de M. LABARQUE à Hanoi, valeur en compte

Haiphong, le 25 février 1919 — endosseurs

DUBATEAU

(A suivre)

MINH TẠ LƯƠNG-Y

Long-Xuyên, le 23 Mars 1923.

A Monsieur le Directeur de la NHỰT-TÂN-ĐƯỜNG

à

MYTHO

Tôi xem báo từng nghe danh tiếng thuốc của hiệu ông bào chế nhiều vị rất hay và huyền diệu vô cùng.

Nên lúc nọ tôi có mua mà dùng thử thuốc « Huê-liễu thanh-độc linh-dược » (Thuốc trị các chứng sang độc) của ông mỗi ve giá là 1p.00 thật là rất hay, vì tôi dùng vài ve liền dứt bịnh mà lại ăn ngon ngủ thẳng giấc.

Nay tôi kính đôi hàng cảm tạ ơn ông và rất đáng khen thuốc ông rất nên thần hiệu.

Nên người anh em bạn tôi gởi mua giùm 3 ve cũng một thứ thuốc tôi mua hồm trước đó, nº 28 là 3p.00 và 1 thứ nº 24 0p.80 (cộng là 3p.80).

Xin gởi cánh lãch hóa giao ngân, tôi rất ơn ông lắm.

Nay kính tạ :

M. **VÕ-VĂN-PHƯƠNG**

Propriétaire (LONG-XUYÊN).

NAM HONG PHAT

KHÁCH-LAU

Nº 104 et 106, Boulevard Bonnard, (ngang gare xe lửa nhỏ)

Saigon, Cholon Govap, gần chợ mới

Có bán rượu tây, cho mướn phòng ngủ, và mở tiệm hớt tóc, có may y-phục Annam và Langsa, cũng có bán hàng lụa, vải, vân vân...

NAM-HỒNG-PHÁT

Hỡi các bạn tòng-sự các sở Công-Thương!!

Mau mau vào hội!!!

ƯA NGỘ QUÁ HỚ?...

PHẠM-NGỌC-TY

MYTHO — Cửu-Viên, Thuận-Trị — MYTHO

NHỰT-TÂN-ĐƯỜNG

Tôi có bán sỉ và bán lẻ, các thứ thuốc **Hườn, Tán, Cau, Đơn**. Trị-bịnh rất nên thần-hiệu vô-cùng, giá tinh phải chẳng, bào-chế rất kỹ-lưỡng.

Các ngài ở xa muống dùng thuốc chi, chúng tôi xin làm cẩn-thận mà gởi đi.

Đã có nhiều ngài trong Nam-kỳ nhận dược thuốc cuả chúng tôi gởi thơ ban khen chúng tôi.

Xin các Quí-khách chiếu-cố, chúng tôi hết lòng hoan-nghinh.

PHẠM - NGỌC - TY

Kính-mời

BẰNG-HỮU

Sách có câu rằng : **Quân-tử chi giao cửu nhi kỉnh chi, tiểu-nhơn chi giao cửu nhi hối chi** (người quân-tử mà kết bạn lâu chừng nào lại càng cung-kính nhau chừng nấy, còn đứa tiểu-nhơn kết bạn lâu chừng nào lại càng dể vui nhau chừng nấy). *Phàm hễ kết bạn với nhau, thì phải tin cậy thương-yêu nhau, có hoạn-nạng phải cứu giúp nhau, có túng ngặt phải tư trợ nhau; mà thứ nhứt là chữ* **Tín** *chẳng nên quên sát, dầu việc chi nhỏ mọn cách mấy mà mình đã hứa với anh em rồi, thì chẳng nên sai chạy, đều ấy là thứ nhứt trong đạo bằng-hữu ; phải lấy sự thiệt-thà chắc-chắn mà ở với nhau, thì mới gọi là bằng-hữu chỉ tr tín.*

Đời nhà hán có ngươi Phạm-cự-Khanh với ngươi Trương ngươn-Bá là anh em bạn, ở học với nhau lại kinh sư, qua tiết xuân hay người bèn từ-biệt nhau mà đi về thăm nhà.... Phạm-cự-Khanh hứa với Trương-ngươn-Bá rằng : (qua tiết thu ngày trùng-cửu, tôi sẽ đến nhà lại thăm bác một phen) chừng đến ngày hẹn ấy, Trương-ngươn-Bá bèn thưa với mẹ xin làm gà nấu cháu mà đợi Phạm-cự-Khanh, bà mẹ nói: « Anh em biết nhau lâu ngày, đường xa ngàn dặm, lời hứa lo là sau mà con tin lắm vậy : » Trương-ngươn-Bá thưa rằng : « Phạm-cự-Khanh là người tin sĩ không lẽ nói chơi » mẹ con còn đan bàn luận, thì Phạm-cự-Khanh đã bước vào nhà, hai đàng mầng rỡ nhau, rồi vào lạy mừng bà mẹ Trương-ngươn-Bá, khi ấy anh em chuyện vãn vui cười, ăn uống no say rồi mới từ-biệt nhau mà đi, đáng khen-ngợi thay !!! đáng làm gương thay !!! đáng kính-mến thay !!! người xưa kết bạn với nhau, tuy là một chuyện nhỏ mọn như vậy, mà cũng chẳng hề thất-tín những người anh em bạn mà hay lường gạt và xảo-trá nhau, chẳng biết thương-xót giúp-đỡ nhau trong cơn hoạn-nạng cũng nên hổ-thẹn với hai người tín-sĩ nầy lắm ru!!!

Xin làm cẩn thận mà gởi đi theo cách lãnh-hóa giao-ngân (nghĩa là đem bạc đến nhà thơ mà lãnh thuốc).

PHẠM - NGỌC - TY

Cửu-viên— Mytho

Établissements TIẾN-ĐỨC

84-86, Avenue Paul Doumer, 84-86

HAIPHONG .

AMEUBLEMENT GÉNÉRAL

SPÉCIALITÉ

MEUBLES ARTISTIQUES DÉMONTABLES

THĂNG-LONG

15, Rue du Chanvre, 15

HANOI (Tonkin)

Bản-hiệu chuyên nghề làm khăn-xếp, xin các ngài chiếu-cố cho. bản-hiệu sẽ xin chiều được lòng các ngài.

THĂNG-LONG *cẩn-bạch.*

GRANDS MAGASINS RÉUNIS

ĐONG-PHÁP ĐẠI-THƯƠNG-CỤC

NHÀ GÔ-ĐA HÀ-NỘI

HÃNG BUÔN RỘNG NHẤT Ở ĐÔNG-PHÁP

Nhiều thứ hàng nhất

NÀY THỬ XEM KHU HÀNG MỚI SANG :

NÀO HÀNG PHA-LÊ, ĐỒ DÙNG TRONG NHÀ, ĐỒ BẰY

TRONG NHÀ, ĐỒ ĐIỆN, HÀNG GIẦY

HÀNG THỢ MAY

MỘT NGƯỜI CAI CẮT ÁO VÀ MỘT NGƯỜI CAI THỢ GIẦY NGƯỜI PHÁP CHUYÊN LÀM CHO HIỆU

CÓ MỘT KHU RIÊNG BÁN CÁC VẬT-THỰC

Nên đến lấy quyển mẫu hàng về mà xem.

GIA ĐĂNG CAO-BẠCH RAO HANG VÀO HỮU-THANH TẠP-CHI

*Đăng cáo-bạch rao hàng vào «**Hữu-Thanh tạp-chí**» thời cứ mỗi trang giấy chia ra làm sáu ô, nhỏ nhất là một phần sáu trang. Vậy ngài nào đăng một phần chia sáu cũng được, hay một phần chia tư, một phần chia ba, một nửa hay cả trang, Bản-chí sẽ xin tùy giá châm-chước. Song Bản-chí xin nói để các ngài có cửa hàng hay muốn rao báo việc gì thời rõ cho rằng : Bản-chí là một cái cơ-quan chung của hai hội lớn nhất Đông-Pháp này, vả người đọc Bản-chí rất nhiều, nếu đăng vào Bản-chí thật là có ích-lợi cho việc cổ-động của các ngài lắm.*

Ngài nào muốn đăng cáo-bạch hay rao báo việc gì, xin mời các ngài đến Bản-xã hay là gửi thư đến, Bản-xã sẽ xin tính giá phải chăng.

GỬI MANDAT GIẢ TIỀN VÀ GÓP CỔ-PHẦN

Xin các ngài gửi mandat tiền Tạp-chí hay Cáo-bạch cùng là đóng **Cổ-phần** cho **Ích-Hữu-thư-xã**, xin đề phong-bì rõ-ràng cho :

M. NGHIÊM-VỊNH

Directeur de la Société « **Ích-Hữu thư-xã** » 58 Rue du Coton, Hanoi.

MUA TẠP-CHÍ, ĐĂNG CÁO-BẠCH VÀ GỬI BÀI LAI-CẢO

Các ngài trong Hội **Ích-Hữu thư-xã** và Hội **Bắc-kỳ Công-Thương đồng-nghiệp** mua **Hữu-Thanh** hay đăng cáo-bạch vào **Hữu-Thanh**, đều được trừ 10 % cả.

Ai mua Tạp-chí, đăng Cáo-bạch vào Tạp-chí, gửi bài lai-cảo hay hỏi việc gì xin viết thơ cho :

M. NGHIÊM-VỊNH

Directeur de la Société « **Ích-Hữu thư-xã** », 58 Rue du Coton, Hanoi (Tonkin)

Imp. Ích-Hữu-Thư-Xã — Le Directeur-Gérant : **NGHIÊM-VỊNH**

Certifié exact le tirage de trois cent exemplaires

Monsieur le Résident Supérieur

Hanoi, le 13 Juin 1923.

Le Directeur-Gérant

REVUE HUE-THANH ■ HANOI-TONKIN

友聲雜誌

第四十二號

益友書社發行